

Tác Giả và Tác Phẩm

Trần Phong Giao

Tiểu sử

Tên thật: Trần Đình Tình, tự Trần Phong.

Tác phẩm

(Xem *Vài hàng về tác giả*)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - Wikipedia - 2
Một mình như cánh lá - 3
Trần Phong Giao và những người viết trẻ - Trần Hoài Thư - 9
Tủ sách của Trần Phong Giao - Nguyễn Xuân Hoàng – 14
Nhớ Y Uyên - 18
Một chút Trần Phong Giao - Trần Hữu Thực - 23
Trò chuyện với bạn về Trần Phong Giao - Lưu Vân – 25
Đóa hồng trắng không gai - 28
Vài kỷ niệm về Trần Phong Giao – Trần Dãn Nho - 34

Phụ đính :

Tạp chí Văn

Hành trình của Tạp chí Văn & Văn Số cuối cùng trước tháng 4/1975

Tạp chí Văn, một thời tôi tới

Trần Phong Giao, người gác cửa văn học, tạp chí Văn

Độc giả và những người làm một tạp chí văn chương

Mảnh vụn ký ức về Trần Phong Giao

Văn và Trần Phong Giao - Tạp chí Văn từ lòng đất

Giá trị của tin đồn - Một địa chỉ thân thiết: 38 Phạm Ngũ Lão Sài Gòn

Bán nguyệt san Văn dưới mắt mười một tác giả

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter

Vài hàng về tác giả Wikipedia

Trần Phong Giao sinh tại Nam Định. Năm 1954, ông di cư vào Nam.

Năm 1960 đến năm 1963, ông làm thư ký tòa soạn báo *Tin sách* do Trung Tâm Văn Bút Việt Nam chủ trương. Thời gian này, ông cũng bắt đầu dịch một số tác phẩm văn chương, triết học của các nhà văn nổi tiếng thế giới, như Albert Camus, Jean-Paul Sartre, Paul Gallico.

Cuối năm 1963, ông làm thư ký tòa soạn tạp chí *Văn* (số đầu tiên là số xuân Giáp Thìn, 1964) tại Sài Gòn do Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm.

Năm 1971, ông thôi làm ở tạp chí *Văn*, lập nhà xuất bản *Giao Điểm* và xuất bản tạp chí *Giao Điểm*, nhưng chỉ được ít số thì đình bản. Sau đó, ông có thực hiện một vài giai phẩm khác nữa (trong đó có tờ *Chính Văn* với nhà văn Nguyễn Mạnh Côn), nhưng không thành công.

Cuối cùng ông trở lại công việc dịch sách và làm quản thủ thư viện Đại Học Cửu Long cho tới ngày 30 tháng 4 năm 1975. Bên cạnh các công việc trên, đầu năm 1975, ông còn giữ mục *Giải đáp thắc mắc Văn học* trên tờ *Thời tập* của nhà văn Viên Linh.

Sau một thời gian lâm bệnh (ung thư đại tràng), ông mất ngày 13 tháng 4 năm 2005 tại nhà riêng ở quận 6, Sài Gòn, thọ 73 tuổi. Sau đó, thi hài ông được hỏa táng tại Bình Hưng Hòa.

Tác phẩm

Tác phẩm của Trần Phong Giao có:

Sáng tác

- Ngồi lại bên cầu (tập truyện)
- Nửa đêm thức giấc (tiểu thuyết)

Dịch

- Lưu đày và quê nhà (L'exil et le royaume) tuyển truyện của Albert Camus.
- Guồng máy (L'engrenage) dịch tác phẩm kịch của Jean-Paul Sartre.
- Sứ mệnh văn nghệ (Discours de Suède), diễn văn đọc tại lễ nhận giải Nobel Văn chương của Albert Camus.
- Sự đã rồi (Les jeux sont faits) của Jean-Paul Sartre. Trần Phong Giao dịch chung với Nguyễn Xuân Hoàng.
- Không một nắm mồ (Morts sans sépulture) của Jean-Paul Sartre.
- Con chim trốn tuyết (Snow goose), truyện của Paul Gallico. Trần Phong Giao dịch chung với Hoàng Ưng.
- Kinh nghiệm đời văn của Erskine Caldwell. Trần Phong Giao dịch chung với Nhã Điển (Nxb Văn Hóa, 2009).

Một mình như cánh lá

Tình bực bội nhấn mạnh ngón tay trên núm nhựa. Đầu đó, xa tắp, dường như từ phía cuối căn nhà dài bất tận này, có tiếng chuông rung yếu ớt. Không biết người trong nhà đã đi vắng hết, đang ngủ say hoặc đều đã điếc cả nên không có ai ra mở cửa.

Bữa nay thật là một ngày xui xẻo. Chuyến bay khởi hành từ sáng sớm, bay được nửa đường lại quay lại vì máy móc trục trặc sao đó. Gần trưa cất cánh, gặp thời tiết xấu hành khách bị hất lên nhồi xuống đến lộn cả ruột gan, gần tới Sài Gòn bay vòng mãi rồi mới đáp xuống. Chuyến xe ca, gặp giờ tan sở, bị kẹt hàng giờ từ phi trường chưa về tới trạm. Dọc đường, Tình đã, xách hành trang gọn trong tay, nhảy đại xuống một ngã tư, lội bộ cả mấy cây số để tìm tới đây, một con hẻm khuất. Chàng không mong gì hơn là được tắm mát, thay quần áo rồi nằm nghỉ một lát cho lại sức. Vậy mà, dưới trời nắng chói, Tình đứng gọi chuông để chừng đến mười phút, cánh cửa vẫn đóng im lìm.

Mất kiên nhẫn, Tình định bỏ đi tìm một quán trọ, đợi chiều tối, tỉnh táo rồi sẽ trở lại đây. Chàng cúi lượm xách hành trang, vừa quay người lại thì bất chợt cánh cổng hàng rào cây phía trước được đẩy sang bên và một thiếu nữ chạy ùa vào.

Một tiếng reo mừng như chợt ngưng lại trên cặp môi, vẻ ngỡ ngàng ngừng thoáng hiện trên mắt trên tai, người thiếu nữ đứng khựng lại, ngơ ngàng nhìn khách lạ. Tình mỉm cười:

-Cô Tuyết?

-Dạ.

-Tôi là Tình, bạn thân của Trác. Tôi được nghỉ phép, ghé thăm cụ và cô.

Tuyết lúng túng. "Xin lỗi ông...", khép nép tới bên cửa, lấy chìa khoá trong sắc tay, mở cửa và nép mình, tay phác một cử chỉ lịch thiệp.

-Xin mời ông vào chơi. Nãy giờ chắc để ông đợi đã lâu, thật không phải.

-Cụ không có nhà sao cô Tuyết.

-Thưa có, để tôi có nhà, nhưng giờ này để tôi nghỉ trưa. Và lại, để tôi nặng tai, ít khi nghe tiếng chuông gọi cửa. Nhà cũng ít khi có khách tới nữa.

Tuyết mỉm cười, đẩy cửa bước sang buồng bên. Lát sau, khi Tình đang đảo mắt nhìn quanh căn phòng khách bày biện sơ sài nhưng gọn gàng, thanh nhã. Tuyết bước ra với một ly nước lạnh. Nàng đặt một ly xuống mặt bàn mây thấp.

-Mời ông ngồi chơi.

Tình gieo mình xuống chiếc ghế bành gần nhất, móc thuốc đặt lên môi.

-Cô cho phép?

-Xin ông cứ tự nhiên.

Tuyết bước lại bên tủ, lấy một cái gạt tàn thuốc đem đến đặt bên ly nước. Tình châm thuốc hút, thở mấy hơi khói dài khoan khoái rồi móc túi áo lấy ra một phong thư nhàu nát đưa cho Tuyết, miệng cố nhếch một nụ cười thân thiện.

-Thư của Trác.

Tuyết mừng rỡ đón lấy phong thư, khép nép ngồi xuống ghế. Tình phác một cử chỉ băng quơ khi Tuyết ngược nhìn chàng. Tuyết mỉm cười, bóc thư ra đọc.

Tình đứng lên, bước tới cửa sổ. Bên kia khung cửa là khu vườn nhà hàng xóm, ngăn cách bằng một hàng giậu cây dâm bụt thấp, xen tia gọn gàng. Góc vườn, bên gốc cây nhãn có một bờ giếng. Gốc cây nhãn, bờ giếng lát đá xanh, ngôi nhà mái ngói rêu phong, nơi quê cha đất tổ, nơi Tình đã sinh ra và lớn lên, những hình ảnh quen thuộc ấy đất Tình trở về dĩ vãng xa xưa, chìm Tình vào một hồi tưởng miên man, dằng dặc. Tình gần như giật mình khi nghe tiếng hắng giọng sau lưng.

-Ông Tình... Đi đường xa, chắc mệt. Để mời ông vào phòng trong nghỉ ngơi.

-Như vậy có phiền cô không?

-Chắc chắn là không. Thư anh Trác tin không về được và dặn mời ông ở lại đây hưởng chung với gia đình chúng tôi ít ngày nghỉ phép an lành. Là bạn thân của anh Trác, mong ông cứ coi như đây là gia đình ông và xin ông cứ tự nhiên.

-Cám ơn cô. Nếu quả không làm phiền cô thì xin cô cho tôi được tắm và ngủ một giấc ngắn thì tuyệt.

-Mời ông sang phòng anh Trác tôi.

-Xin lỗi cô Tuyết nhé, cửa sổ căn phòng đó có mở sang khu vườn nhà bên cạnh này không cô?

-Thưa, chi vậy?

-Không sao cả. Chẳng là từ nhỏ tôi say mê những khu vườn nho nhỏ có trồng nhãn và một bờ giếng nơi góc vườn.

-Ông sẽ được toại ý. Để mời ông theo tôi.

Tuyết cúi xuống định xách túi hành trang. Vừa lúc, Tình cũng cúi xuống. Hai bàn tay chạm nhẹ.

Rất vô tình, nhưng cũng đủ cho Tình thoáng thấy trên gò má Tuyết một vầng hồng mới ửng.

*

Hai người đã đi ngang hết thửa vườn tới bên bờ giếng. Tình bẻ một cành cây nhỏ, quét trên thành giếng rồi phác một cử chỉ mời mọc. Tuyết ngồi xuống, nghiêng mình nhìn trong giếng, xuýt xoa:

-Trời, giếng sâu quá anh Tình nhỉ. Hồi trước, khi nhà chưa có nước máy, chúng tôi vẫn ăn chung với lối xóm nước giếng này, nên hàng giậu mới có ngõ thông sang đây. Thế nhưng đây là lần đầu tôi tới giếng, nhà chả có chị Hai giúp việc...

Tình ngắt lời Tuyết:

-Tôi vẫn thích uống nước giếng hơn nước máy, nước mức dưới giếng lên là uống ngay, mặc dù biết là nước không được trong lành cho lắm. Một thói quen quê mùa đó, cô Tuyết.

-Anh mà quê...

-Thật mà. Tôi chỉ sợ trong ít ngày ở đây, vốn không quen với nền nếp nho nhã thanh cảnh, tôi sẽ có nhiều điều thất thố với cụ, với cô.

-Khỏi lo, anh chiếm được trọn vẹn cảm tình của để tôi rồi đấy. Anh thấy không, mấy hôm nay để tôi toàn uống trà ướp sỏi của anh đem về cho.

-Tại Trác nó mách nước đó.

-Cụ bằng lòng hơn cả khi anh xin phép cụ được thắp hương trên bàn thờ...

-Lại một thói quen quê mùa khác mà cô.

Tình ngồi xuống bên Tuyết, móc thuốc ra châm hút. Tuyết chăm chú nhìn Tình

-*Khói buồn bay lên mây...* Anh Tình à, anh kể Tuyết nghe ít chuyện về cuộc sống các anh trong rừng được không? Anh Trác lười viết thư lắm nên Tuyết không bao giờ hình dung được đời sống các anh. Cứ xem mãi cảnh lính dừng chân sau chuyến quân hành, ngồi ca hát trên màn ảnh nhỏ thì chán ngắt.

-Chán ngắt thật đấy cô. Thịnh thoảng cũng có chuyện đỡ buồn chán, nhưng những chuyện đó thật chẳng đáng nên kể cho những "em gái hậu phương" nghe chút nào.

-Ghê gớm lắm hở anh.

-Vầy vầy, riết rồi quen đi. Chiến tranh mà.

-Thế trong những lúc không "vầy vầy" như anh nói, các anh có hay chuyện trò với nhau không. Thường các anh hay nói những chuyện gì?

-Chúng tôi ít tán dóc lắm, chỉ nói với nhau những điều thật cần, thật gọn. Đôi lúc, được ở nơi trú quân an toàn, chúng tôi cũng có lòng thông tâm sự chứ. Đủ thứ chuyện, chuyện gia đình, bè bạn, chuyện tuổi thơ đã mất, những ước vọng mai này nếu còn sống sót... Nhưng hầu như không bao giờ chúng tôi nói chuyện đàn bà, gần như coi đó là điều kiêng kỵ.

-Anh làm Tuyết thất vọng rồi. Vì, anh Trác...

-Thật ra, tôi cũng chẳng sao hiểu nổi một người như anh Trác, tôi muốn nói một người đứng đắn, kín đáo, mực thước như Trác lại tình nguyện vào cái binh chủng hầu như chỉ dành cho những kẻ bốc đồng loại tôi. Tưởng về đây hỏi cô cho ra lẽ, đâu ngờ tôi lại là người bị thẩm vấn

ngược lại. Trác kín tiếng với bạn bè thì còn hiểu được, nhưng kín tiếng với cả người thân trong gia đình thì lạ thật. Lạ và tẻ nữa.

-Tẻ thật đó anh, ngày anh Trác trình luận án xong, đề em đã lo gửi gắm anh ở một chỗ an toàn. Thế mà anh ấy tình nguyện bỏ đi thật xa, chọn một ngành thật bác trác, làm để em khóc hết nước mắt. Anh xem đó, bây giờ để em ăn chay trường và đêm ngày tụng kinh cầu nguyện cho đứa con trai duy nhất còn sót lại của dòng họ. Đã nhiều lần, Tuyết có ý nghĩ hay là anh Trác gặp một mối tình dang dở, đắng cay nào đó...

-Không đâu, Trác nó không có vẻ gì là đau khổ vì tình cả. Dường như, Trác muốn lao vào nguy hiểm để thử thách với chính mình, để tìm một thể quân bình nào đó cho ngoại giới và nội tâm. Có lần, Trác tâm sự đâu có muốn học thuốc, Trác đã học thuốc chỉ vì muốn làm vui lòng bà cụ đó thôi.

-Em không thể hiểu nổi.

-Cô cũng đừng tìm hiểu. Chiến tranh làm biến đổi con người, nhất là mẫu người có đời sống nội tâm phong phú như Trác.

-Chiến tranh đối với các anh chỉ là một cái cờ.

-Nhiều hơn thế nữa, cô Tuyết. Hơn là một tai họa nữa, chiến tranh là một thực trạng mà, dù muốn dù không, chúng tôi phải tham dự.

-Các anh tiếc thương quá khứ và thù ghét tương lai.

-Nói chung chung thì vậy đó. Nhưng riêng với Trác thì không hẳn như vậy.

Tình thoáng nghe những tiếng nói sau cùng của mình chìm trong một tiếng thở dài. Chàng đốt một điếu thuốc khác, điếu thuốc cuối cùng còn lại, bóp nát cái bao quăng mạnh ra xa. Từ ngôi nhà phía trước có tiếng dương cầm vọng lại tiếng đàn ngưng, vụng của một nhạc sinh non nớt.

-Thế còn cô?

-Còn em, sao?

-Đi lính lâu, tôi thô lỗ quen rồi. Cô đừng giận nhé, tôi muốn hỏi về đời sống tình cảm của cô. Im lặng.

-Cô đã yêu?

-Hồi nhỏ, hồi mới lên trung học, anh Trác có yêu một cô, một thứ tình yêu vụng dại của tuổi học trò mới lớn. Một bữa, anh Trác viết thư tỏ tình, lén ném vào nón cô bạn học. Cô này con nhà giàu, đồng đảng, đem thư anh Trác lên trình ông đốc. Hồi âm anh Trác mong chờ là một trận đòn mà suốt đời chắc anh Trác không bao giờ quên được. Em nghĩ sự hung bạo đó đã ảnh hưởng sâu xa đến đời sống tình cảm của anh Trác sau này. Lớn lên, anh lạnh lùng, kín đáo nhiều mặc cảm. Em đã giới thiệu với anh biết bao nhiêu cô bạn mà rốt cuộc cô nào cũng le lười chạy cả. Bản chất anh Trác là người hiền, tốt, mà cách cư xử lạnh nhạt của anh thật dễ ghét. Anh biết cô bạn học cũ của anh Trác không? Bây giờ cũng là y sĩ rồi đó, có phòng mạch gần Bảo sanh viện lớn nhất đô thành, chồng con rồi, máy chém nổi tiếng đó... Thế còn anh?

-Tôi ấy à. Tôi thì cả đời chưa viết bức thư tình nào cả. Hay nói cho đúng hơn, bức thư tình đầu tiên – mà cũng là duy nhất nữa – được viết thầm lặng trong một cái chăn trải rộng.

-Một cái chăn?

-Đúng thế. Hồi đó, lâu rồi, tôi học năm cuối bậc trung học, ngoài hậu phương. Một chuyến về thăm nhà lúc đó tản cư ở Ý Yên, trở về trường, tôi phải đi dò dục. Cô có biết câu thơ tả thú đi dò dục ngoài bưng không?

-Thời đó em còn mặc quần thùng đít.

-Đi dò dục thường có nhiều cuộc gặp gỡ bất ngờ, kỳ thú lắm, nhất là với các chàng trai tiểu tư sản thành thị bạo dạn, hào hoa. "*Ai chia biên giới làm hai ngã, thu hẹp ân tình một cái chăn...*". Ấy, mối tình đầu của tôi cũng thu hẹp trong một cái chăn, trên một chuyến dò dục ngược sông Đáy lên Yên Mô...

-Mối tình có một kết cuộc?

-Sớm hôm sau, chia tay, mỗi đứa đi mỗi ngã, chúng tôi có hẹn sẽ tìm gặp lại nhau. Nhưng rồi chiến tranh lan tràn, chúng tôi không còn dịp nào gặp nhau nữa.

-Và anh đã quên luôn?

-Không. Mới lớn, tôi cũng đa cảm, lãng mạn nữa chứ. Tôi cũng tha thiết với hình ảnh người đàn bà đầu tiên trong đời ấy, cũng ôm ấp mãi, tìm kiếm mãi.

-Mà không gặp?

-Gặp chứ. Tôi gặp lại trong một buổi tiếp tân huy hoàng xe ngựa mà người xưa là gia chủ. Lịch thiệp, đài các, như mọi mệnh phụ khác của cái xã hội trường giả này.

-Anh lấy thế làm đau?

-Không, chỉ hơi buồn thôi. Cái buồn có thể đem đốt, đem chôn trong men rượu, khói thuốc và da thịt đàn bà. Thành thật, tôi chôn nó đã lâu, tới nay, tại cô khơi lại...

-Xin lỗi anh nhé...

-Cô khách sáo như một “em gái hậu phương” chính hiệu rồi đó. Tuyệt cười nho nhỏ. Tại căn phòng bà cụ, sáng ánh đèn mờ, vọng ra tiếng gõ mõ đều đặn, thỉnh thoảng chen lẫn tiếng chuông ngân nga, thanh thảo.

-Khuya rồi, ta về thôi anh.

-Cô vẫn chưa trả lời câu tôi hỏi.

Tuyệt đứng lên, nhẹ nhàng phủi bụi bám trên quần, rồi giơ tay cho Tình nắm lấy. Tình kéo Tuyệt đứng lên. Hai người đi bên nhau, im lặng, tiếng lá khô xào xạc dưới chân.

*

Ngoài trời mưa nhẹ hạt, những giọt mưa cuối mùa, tới trễ. Tình khoáy nhẹ cái muống nhỏ trong tách cà phê. Âm thanh ròn, vui và ấm cúng khiến chàng hứng thú. Tuyệt ngồi trước mặt chàng, đang vắt chanh vào tách trà. Bàn tay Tuyệt có những ngón thon nuột thật đẹp. Cả hai ngồi nhìn nhau, cùng im lặng, như muốn níu giữ những phút giây êm đềm, quý báu. Tiếng mõ đều đều lọt qua cửa phòng để ngỏ, tràn vào khuấy tan sự yên lặng. Tình như hốt hoảng:

-Sắp tết rồi Tuyệt nhỉ.

-Còn bốn bữa nữa.

-Tuyệt được nghỉ lâu không?

-Hai tuần anh ạ. Năm nay được nghỉ nhiều quá. May mà có anh về chơi, chứ không nhà thui thủi có hai mẹ con buồn muốn khóc. Chị Hai thì cứ gần tết là xin về dưới xứ.

-Đã lâu lắm tôi không được ăn tết trong không khí ấm cúng gia đình.

-Để đã sửa soạn xong cho một cái tết đầy đủ hương vị quê hương.

-Để chăm lo cho người vắng mặt, không biết tôi nghỉ thế có sai không.

-Anh như đã được để nhận vào gia đình này.

-Để thương yêu Trác qua tôi.

-Anh làm.

-Có thể là tôi làm. Nhưng tôi hỏi thật nhé, Tuyệt...

Tuyệt cúi môi, suy nhẹ, đặt một ngón tay lên môi. Nàng đứng lên, cầm bình trà tới rót vào tách, bưng lại cho Tình rồi ngồi xuống bên chàng.

-Anh ở binh chủng này đã lâu chưa nhỉ?

-Ba bốn năm gì đó.

-Đủ lâu để xin chuyển đi nơi khác?

-Tuyệt muốn tôi xin chuyển đi đâu bây giờ?

-Một nơi nào đó, xa rừng rú, một nơi nào đó đỡ phải thường xuyên chường mặt đối diện với quân thù, một nơi nào đó...

-Đủ yên ổn để chăm lo cho những người thân, phải thế không Tuyệt?

Tuyệt cúi đầu lặng thinh. Tình hơi hối hận vì đã quá sỗ sàng, nhưng một cơn giận dữ không đâu cứ bốc lên cuộn cuộn như những đợt sóng ngầm, dai dẳng.

-Tuyệt đã biết tôi không nhiều tham vọng, tôi không chán đời, không cần tìm cảm giác mạnh, không cần tìm quên lãng. Tôi bình thường. Nhưng, khi buộc phải tham dự cuộc chiến, tôi muốn tham dự một cách thẳng thắn, nghiêm túc. Sau khi lựa chọn, tôi thích binh chủng này vì nơi đó tôi đã gặp những người trung thực, những người tôi sung sướng được có đủ tin cậy để kết làm

bằng hữu, không phải chỉ trong thời gian tại ngũ mà còn mãi mãi sau này. Bây giờ phải có một cái gì ghê gớm lắm mới bút được tôi xa nó. Cái gì ghê gớm đó, hẳn không là...

-Tuyết van anh.

-Tôi xin lỗi đã làm Tuyết buồn. Nhưng nếu cần phải nói dối để Tuyết được vui...

Tuyết đứng lên, lại ngồi trên chiếc ghế cũ, trước mặt Tình. Căn phòng chìm trong im lặng nặng nề. Thời gian được đếm bằng tiếng mõ đều đặn. Thấp thoáng, yếu ớt, qua khu vườn, tiếng dương cầm vọng lại tẻ nhạt.

Đã nhiều lần, Tình định cất tiếng nói lên một điều gì đó, một lời gì thật êm thật dịu, nhưng chàng không sao mở được miệng. Cổ họng chàng đắng ngắt. Chàng đốt hết liều thuốc này tới liều khác, hết nhìn Tuyết lại quay ngó mong ra ngoài khung cửa sổ. Chàng biết là sợi dây vô hình ngăn giữa hai người giờ đây đã trở thành một màn lưới dày mà chàng chỉ có thể vượt qua, xé bỏ, bằng chiến đấu, hung bạo. Điều đó chàng không thể làm, ít nhất cũng không thể làm với Tuyết, em Trác. Le lói trong Tình là một đóm lửa nhỏ, yếu, nhưng đủ soi cho Tình nhìn rõ nghĩa thiêng liêng của tình bạn. Những lời nói sưng sệ không đủ để xé bỏ màn lưới vô hình kia. Tình biết rõ và cam chịu bất lực, nín thính.

Đêm về khuya, tiếng mõ vừa dứt, Tuyết nhẹ nhàng đứng lên, thấp giọng gần như tiếng thì thào:

-Khuya rồi, anh đi nghỉ. Chúc anh ngủ ngon.

Tình ngược nhìn Tuyết, đôi môi mấp má nhưng không một lời nào thốt ra.

Ra tới ngưỡng cửa, Tuyết đứng lại dây lâu. Rồi nàng chậm chạp quay lại, đứng trước mặt Tình, chia hai tay ra. Tình đứng lên nắm lấy bàn tay Tuyết. Chàng nhìn sâu vào mắt cô bạn bé nhỏ, bắt gặp trong hai đáy sâu đó biểu hiện một tha thứ, cảm thông. Tình mỉm cười, nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng nâng hai bàn tay Tuyết lên môi, hôn phớt trên những ngón tay nàng. Tình nắm hai bàn tay Tuyết giây lâu, rồi thì thầm:

-Khuya rồi, chúc Tuyết mơ nhiều mộng đẹp.

*

Thân gửi Trác,

Tao đã lên Đà Lạt. Rất tiếc đã không ở lại ăn tết với gia đình mày. Một phần vì tao không chịu nổi cái nhịp sống quay cuồng đến chóng mặt của Sài Gòn; phần khác, đúng như tao nghĩ, sự có mặt của tao làm cho để và em mày buồn hơn là vui.

Không xoay nổi vé máy bay, tao đã đi xe đò. Thêm một có cho mày chửi tao. Cứ để dành những lời chửi rủa đó đi, rán đợi ngày tao trở lại đơn vị. Mày chỉ có thể hiểu được, sau này, khi gặp lại tao. Chuyện tao bỏ lên đây không thể viết ra trong một lá thư, dù cho tao có viết hết tập giấy này. Bây giờ thì mày hãy cứ tạm bằng lòng với ý nghĩ là tao đã không thể không mò lên Đà Lạt, vì Đà Lạt là một mời gọi, một quyến rũ, nó vượt qua sức chống đỡ của tao.

Trời Đà Lạt không lạnh lắm. Hoa anh đào chưa nở (hay đã nở?), ban ngày không gió lộng và chiều tối không sương mờ, làm cho thị trấn này như thiếu một cái gì thật quen thuộc và thật quyến rũ. Nhưng, cho dù thiếu những thứ đó thì mùa đông Đà Lạt cô tịch vẫn hấp dẫn hơn cái nắng lửa của Sài Gòn nhộn nhịp. Mày đồng ý thế chứ?

Tao không trọ ở khách sạn quen cũ. Nó đã bị Mỹ hoá, ồn ào, nhộp nhúa. Người chủ tham lam đã bỏ cái terrasse để xây thêm mấy căn phòng, thành ra căn phòng C.1, – căn phòng mà đã bao lần nằm trong xó rừng già heo hút, tao đã từng mơ ước được cùng mày tới đó nghỉ ít ngày, – nay đã mất hẳn đi những nét thơ mộng đáng yêu ngày trước. Đêm nằm co ro trong chăn mà cứ trần trọc mãi vì “tứ diện thụ dịch” nên tao đành bỏ đi.

Chỗ trọ hiện nay là một khách sạn nhỏ, tồi tàn, thiếu đủ mọi tiện nghi. Ngay cái bàn tao ngồi viết thư này cũng ọp ẹp, thê thảm dưới ngọn đèn trần trụi hắt thẳng từ trần nhà xuống. Tao không sao hiểu nổi tại sao thằng Nghiêm nó lại thích nổi cái xó này mà dặn dò tao tới đây. Mùa này, dân tứ xứ kéo nhau tới Đà Lạt hơi đông, kể cũng khó mà kiếm được một nơi nghỉ khác, nên tao đành bằng lòng với cái bằng lòng cũng đành...

Được cái bù lại là gần quán trọ có một quán ăn khá tốt, l'Eau Vive. Thoạt tiên, tao tưởng quán được đặt theo tên một phim mà chắc đã xem trước ngày đi lính. Nhưng khi đến nơi, nhìn cách trang trí, tao mới biết đó là “nước hàng sống” trong kinh thánh (Phúc âm thánh Gioan, IV,

7-26 và VII, 37-38. Ôi! Những bài học thuở nhỏ ở Saint Thomas d'Aquin, bộ mặt làm li của ông sư huynh già nua, những roi đòn khắc nghiệt, tất cả như đã hằn sâu trong trí nhớ). Chủ quán là một bà bẽ trên, người Pháp, mà mọi người đều gọi là mademoiselle. Thành Tuấn cho biết bà là một giáo sư thực sĩ, đã "khấn trọn đời". Điều này hơi làm khổ tao, vì đã từ lâu quá mình đâu có dùng tới tiếng Pháp, mà vốn tiếng chữ nghĩa của bọn mình đã bị bom đạn dũa mòn rồi. Mấy "cô" khác (Pháp, da đen, Việt) rất hiền hậu và khả ái. Họ tu trong một dòng thật đặc biệt. Họ mặc thường phục và chuyên mở các quán ăn, quán rượu có ca vũ (ôi, lạ chúa tôi, biết bao nhiêu là cám dỗ!), họ tiếp xúc với đủ mọi hạng người nên làm "voeu perpétuel" đối với họ quả là một việc quá đổi khó khăn. Thức ăn ngon – không phải là cái ngon của cao lâu, từu điểm, mà là cái ngon của bếp núc gia đình – nhạc cổ điển tuyệt, không khí ấm cúng và thanh thản lạ thường. Đối với một "voyageur solitaire" như tao, như để an ủi. Kể lữ hành cô độc, trong khung cảnh vừa kể, đã quên được rất nhiều điều đáng quên, cần quên và tự cảm thấy tâm hồn mình lắng xuống, trùng xuống.

Khuya qua, thấy đói bụng, tao mò xuống chợ tìm đến một quán ăn khuya. Gặp lại S., người tình của những ngày Quảng Yên xưa cũ. Nàng đi với con gái đã lớn, học seconde ở Couvent des Oiseaux. Lúc ra về, S. vượt con tiến lên trước đến hỏi tao trọ ở đâu. Không hiểu tại sao, tao buộc miệng nói dối, thật nhanh và thật gọn, anh ngủ trong trại. Trông theo mẹ con nàng kéo chậm cái bóng đổ dài trên triển dốc, tao thấy hơi nhẩn tâm, nhẩn tâm nhưng bình thản lạ lùng. Thứ "cocktail" tình cảm mà tao nghĩ là mây đã từng có khi tình nguyện gia nhập cái binh chủng khốn khổ mà quê hương không là nơi nào khác hơn những cánh rừng già biên giới. Gần sáng, khó ngủ, tao nhớ nhiều tới em gái mây. Trong mấy ngày ở lại nhà mây, tao đã tỏ ra ân cần, cần cố gắng ân cần như một người anh tốt. Kể ra lối cư xử đó đã làm tao khổ tâm không ít. Nhưng, không biết tao nghĩ có sai không, em gái mây cũng như mọi người đàn bà khác, nàng yêu lính nhưng lại ghét chiến tranh...

*

Tình bỏ dở bức thư, khoác vội tấm áo choàng và bỏ ra ngoài phòng. Cổng ngoài khách sạn đã khoá. Tình nhún mình nhảy băng qua giậu cây thấp ven bờ tường rào. Ra tới đường, Tình không biết mình đi đâu, làm gì.

Thần thờ, chậm chạp, chàng leo lên con dốc nhỏ, dừng lại trước ngọn đèn soi sáng tấm bảng gỗ trên kẽ hai chữ l'Eau Vive. Phía bên trong, lưng chừng dốc thoải xuống, căn nhà sàn chỉ còn le lói ánh đèn. Tình bất chợt nhớ ra bữa nay là thứ hai. Quán ăn đóng cửa ngày thứ hai. Tình cảm thấy cổ họng mình khô và đắng. Chàng thêm một ly rượu, uống từng hơi dài, chậm. Tình bẻ cao cổ áo, đi nhanh xuống dốc. Tới cổng nhà trọ, Tình ngược nhìn trời cao. Trời trong, lấp lánh nhiều ánh sao khuya. Đêm hoàn toàn yên tĩnh. Xa xa, vu vơ vài tiếng chó sủa. Khóm cây bên cổng có một bông hoa vừa nở. Tình không biết tên loài hoa. Một làn hương thơm hắt bay lên khi chàng cúi xuống. Chàng ngắt bông hoa, đu mình nhảy qua hàng giậu cây vào trong sân. Tình rón rén leo lên lầu, những bậc thang gỗ run rẩy dưới chân. Vào phòng chàng cắm bông hoa vào một ly nước lạnh, đặt lên mặt bàn ngủ đầu giường.

Tình uống cạn tách trà nóng, từng ngụm khoan thai, khoái trá. Chàng nằm nghiêng, nhìn bông hoa. Những cánh hoa như lung linh nhảy múa. Và Tình bất chợt cảm thấy rung mình, khi từ cái máy thu thanh đặt bên ly nước, được bao quanh bằng làn ánh sáng màu vàng cam hắt qua làn kính cửa, rì rầm, rất dịu dàng, tựa như tiếng thì thào tâm sự, một trong những khúc tình ca đã từ nhiều năm thảng qua, nhẹ nhàng, tha thiết, thì thầm ru hàng ngàn mối tình tan tác "...Ngày đó có em ra khỏi đời rồi, trùng dương ơi có xót xa cũng hoài mà thôi..."

Lần đầu tiên, kể từ ngày nghỉ phép, Tình đi vào giấc ngủ thật nhẹ nhàng, lối đi lót đầy hoa hương, mật ngọt, và bên kia, đằng sau một tiếng thở dài hắt hiu nào đó, bỗng nhiên mở rộng cả một bầu trời êm ả, thần tiên, một bầu trời ngợp đầy mộng đẹp, những mộng đẹp của những thiên đường đã lỡ.

Viết tặng Trang
(Đà Lạt, 12/69)

(trích Văn số 146-147 số xuân Canh Tuất 1970)

Nguồn: Văn Miền Nam tập III, do Thư Ấn Quán sưu tập và xuất bản tại Hoa Kỳ tháng 9-2009.

Email: tranhoaitu@verizon.net

Trần Phong Giao và những người viết trẻ Trần Hoài Thư



1. Thời ấy, thời những năm 60, nói đến văn học miền Nam là nói đến nhóm, là phải nhắc đến Sáng Tạo, Hiện đại, Thế Kỷ 20 v.v... Những đề tài thì quanh quẩn những hiện sinh, nồn mưa, làm mới văn học, hay viết về những kinh nghiệm bản thân về một chủ nghĩa là Cộng Sản mà họ đã trải qua... Họ sống ở thủ đô, ít hiểu, ít chất liệu để nói về con quái vật chiến tranh và những hệ lụy của nó. Và nếu có viết thì chỉ đứng ở ngoài nhìn vào, chứ không phải đứng trong lòng cuộc chiến như những kẻ trực tiếp ở trong lòng hoả ngục mà tổng thống thứ 31 của Mỹ là Hoover đã từng nói *“tuyên chiến thì dành cho những ông già còn phần đánh và chết thì dành cho đám trẻ”*. (Herbert Hoover: The old men declare war. But it is the youth who must fight and die).

Riêng, những người trẻ viết văn thì không những lãnh phần đánh giặc, chết thế mà còn tự nguyện lãnh thêm những sấp giấy nhét trong ba lô hay túi áo trận có khi dính đầy máu. Và khác với những quan chức văn nghệ phòng trà, mang bộ đồng phục mà viết về ca sĩ, vũ nữ v.v... thì các người viết trẻ phải viết trong điều kiện:

“Viết thư thăm ông sau cuộc hành quân biên phòng, kéo dài suốt 20 ngày trong rừng đầy muỗi, lạnh và vất vả”.

Ở đây thiếu thốn về nhiều phương diện. Ngay như báo chí. Đôi khi tờ báo hàng ngày xuất bản ngày 10 thì đến 20 chúng tôi mới được đọc. Còn nói gì đến những tập san văn học nghệ thuật?

(t.l, thư từ Dakto ngày 12-12-1970, Vấn đề số 45 tháng 4- 71)

2. May mắn trong thế giới ấy chúng ta có một Trần Phong Giao của Văn.

Có thể nói, trong thời chiến, không một người viết trẻ nào lại không nhớ đến cái công tìm tòi, khai phá những tài năng mới của tạp chí Văn, mà thơ ký tòa soạn Trần Phong Giao(TPG) là người đầu tàu.

3. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một đức tính quý hiếm mà chúng tôi đã tìm thấy ở ông, dù ít khi chúng tôi có dịp gần gũi với ông.

Nhớ lại trong vài lần từ vùng hai về phép, ghé ngang tòa soạn Văn, thăm ông, thấy ông với gương mặt lạnh lùng, họa hoàn lắm mới thốt vài câu thăm hỏi, sau đó lại tiếp tục cúi xuống bàn máy đánh chữ, thì thấy lòng hơi bất mãn.

Vậy mà trên tạp chí Văn, ở mục trang Sinh Hoạt Văn học Nghệ thuật, dưới bút hiệu Thư Trung, ông luôn luôn viết về chúng tôi, đề cập đến chúng tôi, và cất lời thống thiết vì chúng tôi. Thật khó tìm một tạp chí có người thơ ký tòa soạn lại chú tâm về cuộc hành trình của những người mang màu áo đồng phục như chúng tôi như thế. Nhờ Văn mà chúng tôi tìm đến nhau, và biết tin nhau dù chúng tôi luân lạc tứ phương, ví dụ qua bản tin trên Văn số 121 năm 1968:

Tin văn về một số những cây viết trẻ miền Nam và băng hữu miền Trung

Băng đi một dạo, nhất là từ sau cơn binh biến đầu Xuân Mậu Thân, các cây viết trẻ miền Nam hầu như không còn hoạt động gì đáng kể. Một số nhập ngũ. Một số thi chán nản lui về « ở ẩn ».

Lưu Văn, sau khi bỏ nghề bán-cháo-phôi đi làm cho một cơ quan ngoại quốc, mới về Mỹ-tho cưới vợ (ngày 18-12-1968).

Mặc Huyền Thương nay đã vào lính quân báo, phục vụ tại Biệt-khu Thủ-đô.

Bị lính chèn mấy lần rồi là anh chàng cận thị Triệu Uyên Phượng. Hiện Phượng đi làm cho USAID ở Cần-thơ và gần như không sáng tác được gì.

Sống khổ vì bạn nhất không ai hơn Ngô Nguyên Nghiễm. Nghiễm đang học năm thứ tư Dược-khoa. Nhà thơ miền tỉnh lẻ Châu-độc này trong tương lai rồi sẽ đến sa lầy trong cảnh vợ đẹp con ngoan mà từ bỏ nàng Thơ, mặc dầu vốn có với nàng khá nhiều « duyên nợ ».

Hận và chửi đời thì có Hà Thúc Sinh, nhà thơ này là thông dịch viên cho Cố-vấn Quân-sự Mỹ. Đã hai lần Sinh bị thuyên chuyển vì tội đánh Cố-vấn. Bạn bé yêu Sinh chính nhờ đảng đắp du-đàng-khả-ái đó.

Vào học Truyền-tin ở Vũng-tàu có Nguyễn Bạch Dương. Vừa ra trường Sư-phạm Vĩnh-long có Nguyễn Hiền Lương. Hà Nghiễm Bích dương như nhập ngũ đã từ lâu (?). Bộ ba này đang chung lưng đấu cật lo cho tờ *Biển-lượng*.

Vũ Ngọc Đức, vì nghề nghiệp, đã quay sang viết kịch trường. Do lẽ đó, theo bè bạn, thơ Đức cũng *dứt* luôn.

Nguyễn Lân Viên đã về trại Hoàng Hoa Thám sau ba tuần học tiền sát tại trường Pháo-binh Đục-mỹ. Mặc dù có sự thúc giục đặc biệt của tòa soạn VĂN, Nguyễn Lân Viên cũng không thấy có sáng tác gì mới. Không biết tại Viên bận đi hành quân hay tại... ? (Này, bữa nào rảnh ghé tòa soạn mà nhận thư thân hữu đấy nhé ! Đến mà lại có thêm truyện mới thì lại càng « nên lắm thay ».)

Tô Đình Sự về Đổng-đế với nghề sĩ quan cán bộ. Khởi ra trận, hết đánh giặc, nên hẳn buồn.

Chu-trầm Nguyễn-minh thi vẫn như xưa. Linh danh giặc.

Cô bé làm thơ nổi tiếng của Búp-bè là Tần-Vy nay không còn là cô bé nữa. Vì cô đã đủ tuổi để đi làm công chức. Và thơ cô (xem trong VĂN cùng số này) còn chứng tỏ là cô đã lớn hơn số tuổi trời nhiều.

Nguyễn Lệ Tuân hiện ở Phan-ri Cửa. Không hiểu nhà thơ này làm gì ở quê nhà. Nghe nói đang viết rất nhiều truyện ngắn và khởi viết truyện dài.

Phạm Nhã Uyên đã theo học tại trường Chiến-tranh Chính-trị Đạ-lạt. Lâu rất là lâu, không còn thấy Uyên đóng-cửa-làm-thơ. Bạn bè vẫn và đang chờ đợi cái mới của Uyên.

Mây Viên Xứ (Lâm Hảo Dũng) thi đang gói súng nằm chờ giặc trên ngọn đồi 188, ngoài Phù-mỹ, Qui-nhon. Người nhìn trong sao và lắng nghe (ò, tại sao lại cứ phải là nhịp chuyền động của bước chân quân địch ?) tiếng cựa mình của vũ trụ bao la. Đang sáng tác được nhiều.

Yên Uyên Sa đầu vẫn ở dưới một Sa đec, vừa cùng ba bạn thơ khác cho trình diện thi phạm *Người tình của mây và cây rừng*, xuất bản ở Long-xuyên.

Một người vừa nằm xuống. Đó là HỮU ĐÌNH ANH, cây viết hăng say của Nguyệt-san *Bộ-binh Thủ-đức* khôn 26.

Người vừa ra đi khiến chúng ta nhớ lại những khuôn mặt văn nghệ trẻ đã mất trong cuộc chiến tương tàn : Trần Như Liên Phụng, Phan Huy Mộng, Chương-đài Mai Hữu Thanh...

Hay trên tạp chí Văn số 103 Tháng 4 năm 1968, ông đã viết về lần chúng tôi (THT) bị thương trong trận Mậu Thân:

bị thương trong thành phố

Trần Hoài Thư, một tác giả trẻ nhiều triển vọng, quen thuộc với độc giả *Bách-Khoa, Văn...* vừa bị thương khi đem quân về tiếp viện một thị trấn ngoài Trung, trong cuộc binh biến đầu Xuân vừa qua.

Trong thư gửi tòa soạn *Văn*, Trần Hoài Thư than là đi rừng đi núi mãi không sao, ngày đầu xuân về thành phố thì lại bị « kẹt » ; cứ ao ước về thành phố xả hơi ít ngày, nay lúc được về lại là để nằm trên giường bệnh. Trong lúc đó lại có tin gia đình anh ở ngoài Huế bị tan hoang nhà cửa...

Mặc dù mắt bị cận thị rất nặng, Trần Hoài Thư hiện đang phục vụ trong một đơn vị thám-kích. Sau những ngày giờ hành quân gian khổ, anh chỉ có sinh thú độc nhất là đọc sách báo và sáng tác thơ văn — một sinh thú mà anh rất ít được hưởng vì nhiệm vụ tác chiến thường quá nặng nề.

Hi vọng và cầu chúc là sau ngày rời bệnh viện, Trần Hoài Thư sẽ may mắn hơn, được chuyển về phục vụ ở một đơn vị nào đó, nơi mà ngoài phần quân vụ cần thiết, anh sẽ có được một số thời giờ nhiều hơn dành cho công việc sáng tác...

Ông gọi, kêu, khan cổ. Cái máy chữ Olympic phương tiện mà ông xữ dụng từ việc liên lạc, đến việc trị sự, tòa soạn, đã bao lần thấy được nỗi lòng của ông, vì bạn văn, vì những người đồng chung một mái nhà văn chương. Như lần ông kêu cứu nhà văn Duy Lam giúp đỡ nhà thơ Đỗ Tấn sau khi nhà thơ này gặp nạn vào Tết Mậu Thân:

(Ồi, ông Duy-Lam ơi, ở gần Huế nhất, có phương tiện liên lạc với Huế nhất, giờ đây chỉ có mình ông. Yêu cầu ông tìm mọi cách giúp cho Đỗ Tấn cùng vợ và hai con hần thoát khỏi cảnh hồi thối. Ông hãy gửi gấp quần áo, chăn mùng, khăn, vải... ra cứu giúp hần (nhờ Đài Phát-thanh Huế chuyển). Tất cả mọi phí khoản, xin ông tính với Văn. Phải kêu cứu ông vì chúng tôi không có cách gửi. Nếu ông không tìm mọi cách cứu giúp ngay Đỗ Tấn, thì, ối ông Duy-Lam ơi, cả ông lẫn chúng tôi, chúng ta sẽ cùng bị hồi thối lây đó nhé!).

*

Sau 1975, Trần Phong Giao sống lặng lẽ, ít giao tiếp với ai, nhất là giới văn nghệ sĩ ở hải ngoại. Ông chết vào ngày 12-4-2005 tại Saigon thọ 70 tuổi vì bệnh ung thư đại tràng.

Lòng buồn nhớ lại người đã gây dựng tạp chí Văn, đưa tạp chí này lên một vị thế lớn trong bầu trời văn chương miền Nam, thêm vào cõi lòng từ tâm hiềm có, không biết gì hơn là xin được đăng bài thơ của ông sau 1975 mà ông cảm tác khi vào tuổi 60 do một người bạn văn thương mến gửi tặng tòa soạn TQBT để chúng ta hiểu rõ hơn về cuộc đời của ông sau 1975:

*Khai bút đầu xuân gõ máy chơi
Tưởng mình “cả tiếng lại dài hơi” (1)
Nào ngờ mắt kém, tay run rẩy
Đã lão, tuy vừa chớm sáu mươi!
Tuổi “tri thiên mệnh” tưởng được nghỉ
Nào ngờ vợ ốm thêm vận bĩ
Lại thức thâu đêm mài chữ bán
Bảy hào một từ, sung sướng nhĩ?
“Chữ nghĩa tây tầu chót dở dang
Nôm na phá nghiệp kiếm ăn soàng” (2)
Mười ba năm đã quên cầm bút
Nghĩ đến Kiều thêm nổi bẽ bàng!
Xin hiểu lòng tôi, hỏi nguyệt vàng:
Mưu sinh hệ lụy của trần gian
Tôi còn sống nhé, tôi chưa chết,
Chỉ có tên xưa: cát bụi tan!...
Trà, rượu, xuân tình vẫn cứ chơi
“Com toàn rau muống, chẳng chiên ngò” (3)
Đã lỡ phong lưu nên phải gượng
Sàng đầu kim tận cũng đành vui...
Tưởng lúc về già được con nuôi:
Chơi chim, chơi cảnh, hưởng nhàn chơi,
Hạ khí chưa mòn, râu tóc bạc
Mới biết cao xanh chẳng đãi người...
Trời cao mây trắng ngăn ngơ trời...
Ngoài hiên hoa mướp nhớn như cười
Thơ xuân, đánh chữ, ghê ông quá,
Chữ nghĩa thư-trung chán mớ đời! (4)
Đầu năm khai bút, à, khai máy,
Rượu uống mềm môi vẫn chẳng say,
Ngậm ngùi pha loãng men cay đắng,
Hàng xóm hoa mai lơi lả bay...
Một bầu tâm sự gởi về đâu?
Mệnh mang giấy trắng ngăn ngơ sầu,
Trước đèn nào biết xuân hay tết,
Chỉ biết lòng riêng nổi quặn đau.
Khai bút đầu xuân gõ máy chơi
Tâm sự vô cùng, cố hữu ơi!
Đã không thương nhớ, đừng thương xót,
Hãy mặc tôi
và
tuổi sáu mươi!....*

Ghi Chú:

1. *Mỡ Làng Văn: Một bút hiệu ngày cũ*
2. *Thơ Tân Đà*
3. *Thơ Nguyễn Trãi: “bàn duy mục túc, tọa vô chiên”*
4. *Một bút hiệu ngày cũ*

(1) Trích từ Thư Quán Bản Thảo số 35 tháng 2-2009

Địa chỉ liên lạc: tranhoaitu@verizon.net

Tủ sách của Trần Phong Giao Nguyễn Xuân Hoàng

1.

Trong nhà tôi ở Sài Gòn hồi đó có một kệ sách nhỏ đặt trên gác lửng. Kệ sách là những thanh gỗ dài, bào láng, đặt trên những viên gạch đỏ xếp cao theo chiều đứng của sách. Sách mỗi ngày một nhiều, kệ sách cứ chông thêm các thanh gỗ cao lên mãi, lên gần tới trần nhà. Đến lúc không đủ sức chứa, tôi bắt đầu cho sách vào thùng giấy, rồi cứ thế đánh số thùng theo thứ tự, thùng này chông lên thùng kia.

Căn nhà quá nhỏ, sách lán qua chỗ nằm, tôi đành phải nghĩ đến chuyện vất bớt những cuốn không cần đọc nữa. Vất nhưng tiếc, vì tuy không cần lúc này, nhưng biết đâu về sau có lúc cần tìm một đoạn, một câu. Một câu trích mà không có sách dẫn thì sao? Sách mang ra thùng rác rồi lại mang vô.

Làm cách nào để giữ được những cuốn sách mà lúc này chưa cần đến? Tôi hỏi Trần Phong Giao, lúc đó là thư ký toà soạn tờ Văn, cách giải quyết những cuốn sách của tôi. Anh hỏi lại tôi: “Câu làm sao thế? Có chuyện gì vậy?” Chẳng có chuyện gì hết. Tôi nói với anh là tôi cần thanh toán mọi thứ trước nhất là sách vở.

2.

Trần Phong Giao là một người to lớn, vạm vỡ, khuôn mặt hơi lạnh và ít khi cười.

Với những người mới gặp anh lần đầu dễ cảm thấy khó chịu vì cái vẻ như là hơi “kênh kiêu thờ ơ” của anh. Thật ra, anh chỉ lạnh với người lạ trong giao tế buổi đầu, nhưng quen anh lâu mới thấy anh là người rất tử tế và nồng nhiệt. Tôi không biết những thư ký toà soạn các tạp chí văn học khác thế nào, chứ với Trần Phong Giao tôi có thể nói anh là một thư ký toà soạn đặc sắc nhất. Hơi bảo thủ, và khắt khe, có vẻ như anh chỉ tin vào những tài năng đã được xác nhận, nhưng không phải vì thế mà anh không sẵn sàng mở tay ra đón nhận những người viết mới. Cách đây vài năm, một tình cờ may mắn tôi được nhà bình luận thời cuộc-kinh tế gia Nguyễn Xuân Nghĩa gửi tặng mấy số báo Văn cũ trước năm 1975, trong đó có số 164, ra ngày 15 tháng Mười, 1970, “Đi Giữa Mưa Thu” / Tuyển tập những cây bút trẻ.

Như tên gọi của nó, đây là một số báo Trần Phong Giao thực hiện, dành riêng cho những người mới đến với Văn. Mới từ người vẽ tranh bìa: họa sĩ Hồ Đắc Ngọc. Và tất nhiên cái mới chính là từ những người làm thơ viết văn: Lê Văn Thiện, Đặng Tấn Tới, Kinh Dương Vương, Nguyễn Đường-Thai, Nguyễn Lệ-Uyên, Hoàng Ngọc Châu, Hồ Minh Dũng, Lộc-Vũ, Mường-Mán, Hoài Tuyết Trang, Phạm Ngọc Lưu, Nguyễn Lương Vy, Nguyễn Văn Ngọc, Lê Miên Tường, Phạm Thanh Chương.

Tôi không biết trong số những người viết trên số báo này [cách đây đã 35 năm] ai còn ai mất, ai

vẫn cầm bút và ai đã thay tên đổi họ đổi nghề, nhưng tôi biết ít ra chúng ta còn Kinh Dương Vương [của truyện ngắn, ký Dung Nham khi làm thơ, và Rừng khi vẽ], Hồ Minh Dũng vẫn còn sáng tác mạnh mẽ ngoài nước, [Nguyễn Lương Vỹ vừa cho in tập thơ mới tại hải ngoại, California, 2009 - và trong nước vẫn còn Mừng Mán vừa mới cho xuất bản tập thơ lục bát Dịu Khúc, Sài Gòn, 2008]. Trong thư toà soạn, Trần Phong Giao thông báo sẽ còn thực hiện thêm nhiều số báo với những người viết mới khác.

Tôi không nhớ sau số này anh còn làm thêm được bao nhiêu số giới thiệu người viết mới, nhưng trong mục hộp thư tôi đọc được có nhiều người hiện có tên tuổi trong làng văn trong nước. Như Khuê Việt Trường là một. Tờ Văn thời Trần Phong Giao thực sự làm sống dậy một đam mê chữ nghĩa của nhiều người viết trẻ. Trong thời gian làm tờ Văn, Trần Phong Giao thực hiện nhiều số đặc biệt không những về các nhà văn nhà thơ tiền chiến hay đương đại mà còn giới thiệu nhiều khuôn mặt văn học đương đại thế giới. Không mở đường và khai phá như Sáng Tạo, không bắt mắt với lối trình bày nghệ thuật và trẻ trung như Khởi Hành, Thời Tập, nhưng Văn có được một chỗ đứng đáng tin cậy nhờ thư ký toà soạn Trần Phong Giao.

3.

Trần Phong Giao là người khéo hỏi bài người viết và đối xử khéo sau khi đăng bài. Trong ngăn kéo anh bao giờ cũng có sẵn nhiều bài cho vài số báo. Chưa kể, anh còn đặt bài cho những số chuyên đề từ cả sáu tháng đến một năm trước. Có thể nói, tạp chí Văn thời Trần Phong Giao là một tạp chí văn chương hơi cổ điển và đặc biệt... ít lỗi chính tả nhất, bởi vì trước hết anh là người cẩn trọng, chăm sóc từng chữ, từng câu, từng trang bài, và sau nữa vì anh còn có một người phụ tá cẩn mẫn tỉ mỉ, giỏi chính tả ngữ vựng: Đàm Gia Tuấn. Đưa bài cho Trần Phong Giao, người viết có thể yên tâm nhiều mặt: bài không bị sai lỗi chính tả và, tiền nhuận bút có ngay sau khi báo ra.

Tôi nhớ anh đi chiếc mobylette cũ, một chiếc xe xấu xí, nhả khói tợn và máy kêu hơi to, chân đi dép thường hơn đi giày, áo sơ mi ngắn tay bỏ ra ngoài. Trần Phong Giao ít cười và hơi nghiêm. Tuy vậy cần ghi nhận, thời làm tờ Văn anh cũng bị nhiều trận đụng nặng. Như một lần với thi sĩ Nguyễn Sa, và một lần với những độc giả miền Trung. Ở quán Cái Chùa, bọn tôi: Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Nhật Duật, Đặng Phùng Quân, đôi khi vẫn đề cập đến anh như một “đề tài”. Tuy vậy, tôi vẫn nghĩ, có một ông thư ký toà soạn như Trần Phong Giao, “bố già” chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng yên tâm lắm.

Thế nhưng, năm 1972, không hiểu vì lý do gì đã làm cho hai ông chủ nhiệm và ông thư ký toà soạn “cơm không lành, canh không ngọt” nữa. Trần Phong Giao phải áo ra đi. Anh đứng ra làm một tạp chí khác, tờ Chính Văn với nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Nhà thơ Viên Linh nói “anh em lúc đó rất tiếc, phải chi Trần Phong Giao làm một tờ giống như tờ Văn có lẽ anh thành công ngay.” Tờ Chính Văn chỉ sống đến số thứ hai thì chia tay.

Đó là thời gian ông Nguyễn Đình Vượng kéo tôi về với tờ Văn thay chỗ Trần Phong Giao. Lời đề nghị của “bố già” Nguyễn Đình Vượng làm tôi phân vân và nghĩ ngợi. Thời gian đó ngoài giờ dạy học ở Petrus Trương Vĩnh Ký, tôi có nhận lời dạy thêm ở nhiều trường tư thục khác như Văn Học của anh chị Nguyễn Sa, Trường Sơn của Nguyễn Sỹ Tế. Và trong những giây phút dư thừa hiếm hoi, tôi vẫn la cà ở quán cà phê nhiều hơn ở lớp học, tối nào tôi cũng ngồi ở Chợ Đũi với Tạ Ký, Tôn Thất Trung Nghĩa, Lê Tấn Lộc nhiều hơn năm nhà. Nhưng trên tất cả các bạn tôi, ông Vượng là người lo cho tôi nhiều thứ khó khăn trong đời sống mà tôi đang vấp phải. Tôi gọi ông Vượng là “bố già của tôi” vì quả thật không ai bỏ thì giờ và tình cảm nhiều cho tôi như ông, mặc dù sức khỏe ông trong thời gian này đã không còn như xưa. Tôi là người chịu ơn ông quá nhiều. Nhưng tình cảm mà tôi có với Trần Phong Giao cũng lớn không kém.

Tôi hỏi ý Trần Phong Giao về lời mời của ông Nguyễn Đình Vượng, anh nói “thì cậu cứ nhận lời đi”. Tại sao? Tôi hỏi, anh trả lời “chẳng lẽ cậu cứ đi dạy học suốt đời sao? Bỏ bót giờ đi dạy đi! Viết nữa đi! Tôi biết gia đình cậu có chuyện không vui, thử thay đổi không khí coi sao?” “Nhưng anh sẽ không giận tôi chứ?” “Tại sao?” Anh hỏi ngược lại tôi. Và đột nhiên, một buổi sáng Chủ Nhật, Trần Phong Giao đến nhà tôi, hỏi: “Có đi cà phê không?” Đối với tôi đây là một điều lạ. Trần Phong Giao ít khi cà phê, anh chỉ thích rượu và là người biết thưởng thức rượu ngon mặc dù anh không phải là tay nhậu. Anh cũng không có tật lê la đầu đường xó chợ như tôi. Tôi trả lời ừ đi thì đi. Anh đứng giữa nhà nhìn quanh. “Nhà tôi đã chật mà nhà cậu coi bộ còn chật hơn. Sách báo đâu hết rồi?” Tôi chỉ tay lên gác lửng. “Trên đó! Không còn chỗ nằm nữa.” “Cái phòng khách này ban đêm dựng chiếc lambretta của cậu vẫn còn có thể để một tủ sách nhỏ đấy.” Trần Phong Giao chỉ nói khơi khơi. Chúng tôi ra quán Cái Chù. Tôi gọi cà phê, nhưng anh chỉ uống một hớp và xin lỗi có chuyện phải đi.

Chiều tối khi tôi về tới nhà thấy có gì lạ. Chiếc lambretta của tôi không còn chỗ đậu. Tôi thấy một tủ sách bằng gỗ đánh vẹt ni bóng có cửa kính kê sát vách phòng khách. Trong tủ chỉ có một cuốn sách, bản dịch bài diễn văn nhận giải Nobel văn chương của Albert Camus. Người dịch: Trần Phong Giao. Tôi biết anh sẽ không giận tôi, nếu tôi nhận lời “bố già” Nguyễn Đình Vượng về làm tờ Văn.

Sau đó tôi dọn nhà, nhiều thứ cồng kềnh phải bỏ lại. Tuy vậy, tôi không quên mang theo tủ sách Trần Phong Giao cho. Căn nhà ở Khu Mã Lạng – căn nhà mà “bố già” Nguyễn Đình Vượng dành cho tôi khi tôi về nhận vai thư ký toà soạn Văn – sách đã chất đầy tủ. Và cuốn Sứ Mệnh Văn Nghệ in bài diễn từ Nobel của Albert Camus do Trần Phong Giao dịch, không bao giờ thay đổi vị trí.

Thời gian này tôi rất ít khi gặp anh.

“Bố già” Nguyễn Đình Vượng thời gian này sức khoẻ sa sút nặng. Báo Văn từ bán nguyệt san chuyển qua Giai Phẩm và không đánh số. Tôi bận rộn với chuyện nhà trường nhiều hơn trước, nhất là sau ngày “Bố Già” ra đi vào ngày 31.3.1974. Số báo Tuổi Trẻ Nguyễn Đình Vượng phát hành ngày 2 tháng Năm, 1974, Mai Thảo và tôi chia nhau viết bài và mời người viết. Đó cũng là số báo sau cùng tôi ngồi với Văn. Sau đó tôi dành toàn thời gian cho nhà trường. Mỗi ngày, tôi vẫn chạm tay vào tủ sách Trần Phong Giao. Cho tới ngày 30 tháng Tư, 1975, tủ sách Trần Phong Giao bị một trận “hồng thủy” cuốn trôi hết, bất kể đó là tự điển hay sách triết học, là sách biên khảo hay lý luận nghiên cứu phê bình văn học. Cứ sách là người ta tịch thu tuốt luốt cho chắc ăn. Sách được những người trẻ tuổi “hăng hái, cuồng nhiệt, điên cuồng” đưa xe ba gác đến chờ đi như chờ xác chết của những tội đồ. Cái tình cảm vuốt tay này nhưng tay kia lấy lại ngày xưa không còn nữa. Căn nhà nhỏ của tôi đột nhiên trống trải gọn gàng một cách đáng sợ.

Cuốn Sứ Mệnh Văn Nghệ của Albert Camus, bản dịch của Trần Phong Giao cũng không còn – đương nhiên – và đầu óc tôi cũng trống rỗng như cái tủ sách trống trơn kia.

Thế rồi những năm tháng sau, chợ trời sách cũ dần dần xuất hiện rải rác nhiều nơi ở Sài Gòn. Tôi nhớ một hôm đi trên con đường Bùi Quang Chiêu, xem sách cũ, bất ngờ thấy sách Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn, Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Thảo Trường, Trùng Dương, Nhã Ca, Nguyễn Thụy Long và nhiều tác giả khác của Sài Gòn.

Tôi tha về một cuốn đóng bìa da đã từng “nằm trong tủ sách của tôi” trước đây, cuốn L'Être et le Néant của Jean-Paul Sartre ở trang đầu có mấy ghi chú của giáo sư Linh Mục Alexis Cras viết cho tôi trong những ngày tôi học Đại học Đalat. Tôi muốn giữ chữ viết của Cha Cras như một kỷ niệm. Có điều là tôi vẫn không tìm thấy cuốn Trần Phong Giao dịch bài diễn văn của Albert Camus.

Mười năm ở lại trong nước tôi chưa một lần gặp lại Trần Phong Giao. Và mặc dù mười năm

sau ngày xa quê tôi có đôi lần gửi quà cho anh nhưng chỉ là những món quà không đáng kể. Mới đây, tôi hỏi nhà văn Trùng Dương có phải chị là người vẫn thường liên lạc và giúp đỡ Trần Phong Giao nhiều trong thời gian anh ấy còn sống không. Chị nói chuyện ấy không sánh gì với lòng tốt anh ấy đã giúp gia đình chị đâu. Chẳng là Trùng Dương còn một người anh ở lại Sài Gòn sau 75, khi nghe tin anh của chị bị stroke, Trần Phong Giao đã đến thăm và giới thiệu bác sĩ Ngô Thế Vinh đến chăm sóc thuốc men. Và khi người anh của Trùng Dương qua đời, chính Trần Phong Giao đã đánh điện báo tin cho gia đình Trùng Dương biết. Chị nói “chính tôi mới là người biết ơn anh ấy. Tuy muộn màng, nhưng tôi vẫn muốn nói ‘tạm biệt Trần Phong Giao!’ và thêm một lời cảm ơn bạn Ngô Thế Vinh của chúng ta.”

Tôi nhớ lại thời gian làm báo Người Việt ở Nam Cali dù lương thấp không đủ nuôi sống gia đình, tháng nào tôi cũng trích trong số lương ít ỏi của mình gửi cho các bạn thuyền nhân ở trại tị nạn Bataan Phi Luật Tân vài ba chục mỹ kim. Những người thiếu may mắn, đến đảo trước tôi cả mấy năm mà vẫn chưa thấy tên trên list định cư. Tôi thấy mình làm như thế là đúng thôi, nhưng bây giờ nghĩ lại thấy mình có phần tệ bạc với Trần Phong Giao. Lẽ ra, tôi phải nên giúp anh nhiều hơn ai hết, mặc dù những thư anh viết cho tôi không hề hé ra một lời than thở. Cho đến một buổi sớm thức dậy mở email thấy thư Đặng Tiến. Một dòng chữ ngắn trên cái email gửi chung cho các bạn quen. Trần Phong Giao đã ra đi.

Rất ít chi tiết về Trần Phong Giao. Tôi nhờ Trần Thị NGH. – tác giả Nhà Có Cửa Khoá Trái – ở Sài Gòn cho một bài về anh. Chị viết một hồi ức về lần đầu đưa sáng tác của mình cho Trần Phong Giao. Một tiếp xúc khó chịu của ông thư ký toà soạn với một người viết mới là một ấn tượng còn ở lại hơi lâu với Trần thị NGH.

3bis.

Mới đây, nhân soạn lại những thùng sách báo cũ, tôi tìm thấy lá thư của Trần Phong Giao. Thư đề ngày 27/1/95, viết từ Sài Gòn gửi cho tôi ở thành phố Garden Grove, Quận Cam, California, anh báo cho tôi một tin buồn là nhà anh “bị cháy [nhà] khi đã bước cả hai chân qua tuổi sáu-mươi (ôi cái tuổi tuần thời!) tôi những tưởng bị gục luôn. Nào ngờ còn gượng dậy được. Đi phải chống gậy nhưng vẫn là đi...” Và đồng thời anh cũng báo cho tôi một tin vui là anh đã làm xong cuốn từ điển về thành ngữ tiếng Anh. Nhưng, anh viết thêm “[l]àm từ điển thì, bạn dư biết đấy, dài dài.” Trần Phong Giao cũng nhắc chuyện cũ “[S]ự nhớ, có lần Huỳnh Phan Anh đã uống bia lon. Hỏi sao sang thế? Đáp, ấy có thằng bạn định về thăm quê, nhưng tới Bangkok lại quay về. Hình như nó rét. Có điều, trước khi về nó có nhờ chuyển cho moa tí tiền còm: châu bia hôm nay. Khỉ thật, phải chi hấn đãi rượu...”

Trần Phong Giao luôn là người dị ứng với bia. Anh chỉ thích rượu và phải là rượu ngon. Thư anh kể thêm là trên kệ rượu nhà anh mới có ba chai: Cutty Sark, the famous Grouse và Grand Macnish. “Phải chi có các bạn ở đây để ‘nghiêng bầu mà hỏi’ thì vui biết mấy!”

Và Trần Phong Giao nhắc tới bạn bè đang ở Mỹ: “Mà lạ, bạn ạ, hể uống Chivas Regal là nhớ cụ Mặc Đỗ. uống X.O. là nhớ Thu Vàng*, uống Back and White là nhớ cô Thảo Mai**... cỏ xanh đất mát, nhớ V.K.K***,....” Trần Phong Giao cho tôi biết anh muốn biên thư và đọc thư của Trùng Dương, Nguyễn Quang Hiện, Ngô Thế Vinh,... nhưng không biết các bạn có còn ở chỗ cũ không?

Cuối thư, anh viết: “Bản thân tôi, viết được cánh thư dài như thế này cũng là chuyện hiếm hoi rồi đấy”, và Trần Phong Giao kết thúc bằng 4 câu thơ:

*Sáu mươi lăm tuổi rồi đây hả?
Sóng vỗ chân cầu nghe xốn xang.*

*Đốt tay ngồi đếm, già? Đâu có!
Một tuổi trời cho: một tuổi vàng....*

"Cho dù có sống mòn, sống thêm, cũng vẫn là sống. Và còn sống là còn thương, còn nhớ, còn 'rót thêm ly nữa' mà không biết mời ai."

Trần Phong Giao không quên bạn bè cũ dù trong hoàn cảnh nào, và bạn bè anh khi nhắc tới tờ Văn, không ai là không nhớ tới anh...

4.

Ở Mỹ chuyện mua một tủ sách gỗ có đánh véc ni có vân dâu phải là chuyện khó. Tìm cho nó một chỗ để trong phòng khách hay phòng làm việc, thậm chí trong phòng ngủ cũng là chuyện dễ như trở bàn tay. Tôi đã có nhiều kệ sách như thế, nhưng cái linh hồn tủ sách Trần Phong Giao tôi không tìm ra.

Tôi muốn nói lời tạm biệt anh. Và nói lời cảm ơn người đã xây dựng cho tờ Văn có một chỗ đứng trong trí nhớ chúng ta!

* *Nhạc sĩ Cung Tiến*

** *Nhà văn Mai Thảo*

*** *Kịch tác gia Vũ Khắc Khoan*

Nhớ Y Uyên

(...ngay sau lúc một cú điện thoại khác báo tin Y Uyên đã tử trần, chiều hôm trước, tại Phan Thiết. Trả lời anh bạn văn tôi cố lấy giọng bình tĩnh: "Cảm ơn anh. Có điều muộn mất rồi vì Y Uyên đã tử trần". Đầu dây bên kia anh bạn vắng tục và nói cao giọng: "Này, ông đừng hòng qua mặt tôi bằng lối đùa cợt bậy bạ đó ...". Như mọi người, anh không tin là Y Uyên đã chết. Anh chỉ tin điều đó vào buổi sáng hôm sau, khi anh, mặc quân phục, cùng mấy quân nhân khác đặt tay vào sợi dây chấu, từ từ thả chiếc quan tài bọc xác Uy xuống sâu trong lòng đất lạnh!...)

Bây giờ, thú thật, tôi không còn nhớ nổi những liên lạc lúc đầu tiên giữa Y Uyên và tôi. Có điều chắc chắn đó là, ít nhất trong giai đoạn khởi đầu, mỗi liên lạc bình thường giữa một thư ký toà soạn và một nhà văn trẻ có nhiều triển vọng.

Một trong những chủ trương của VĂN, ngay từ những số đầu tiên, là quy tụ, hướng dẫn và khám phá những cây bút trẻ. Nếu việc "bắt liên lạc" với Thế Uyên là do anh Nguyễn Mạnh Côn, thì việc tìm tới Y Uyên hẳn do anh Võ Phiến. (Tôi không nhớ rõ, vì lỡ để lạc đầu đó những thư từ liên lạc với Y Uyên).

Y Uyên có mặt trong VĂN số 6, tuyển tập đầu tiên giới thiệu những cây bút trẻ. Đăng truyện *Bám đốt ngón tay*, rồi tôi có gửi cho Y Uyên một lá thư. Thư này dường như làm cho anh không hài lòng, nên mãi lâu lắm về sau, tới số 16, VĂN mới lại đăng truyện *Sương rơi ngoài vườn*. Cùng với bưu phiếu nhuận bút, lại có một cánh thư dài của tòa soạn. Mặc dù thư được viết rất khéo léo, nhưng chắc chắn cũng đã làm cho người nhận không vui lòng. Gần tết Ất Ty, nhận được bài mới của Y Uyên, tôi biết là anh buồn mà không giận (truyện *Vết chân thân* thoạt đăng trong VĂN số 28).

Tới đây ghi dấu giai đoạn "căng thẳng" quan trọng mối giao tình giữa Y Uyên và tòa soạn VĂN. Những bài anh viết gửi về, liên tiếp bị chúng tôi gửi trả lại anh, kèm theo những lá thư luôn luôn thúc giục đòi hỏi nơi văn tài anh một cái gì "khác hơn thế nữa, mới hơn thế nữa". Tôi nhớ, vào dạo đó, có một lần tôi viết gửi anh đại ý "*cậu có cố chế sợi tóc ra làm tư đi chăng nữa thì giỏi lắm cậu cũng chỉ bằng được Võ Phiến là cùng; hãy viết khác đi, hãy dờ bỏ những thăm dò ngược về quá khứ, hãy xông vào cuộc đời trước mặt, chất liệu truyện hãy lấy ngay từ cuộc*

sống thường nhật, cuộc sống của một thầy giáo dạy trường làng miền Trung đang chìm trong khói lửa ..."

Thiết tưởng tôi cũng cần mở một dấu ngoặc để nói rõ thêm về sự "trả lại bài" các cộng tác viên. Chúng tôi làm việc đó chỉ vì mong muốn các bạn mình sẽ đi xa, đi nhanh hơn. Nếu các bạn đó đưa bài gì chúng tôi cứ thế mà đăng thì, chao ôi, yên ổn quá. Sẽ chẳng làm gì có chuyện mất lòng mất bề với bất cứ ai ... Cùng lúc với Y Uyên, chúng tôi còn trả lại bài của nhiều anh chị em khác. Có người, giận, không bao giờ đưa bài cho VĂN nữa, nay đã trở thành một tác giả có sách bán chạy. Một tác giả khác, bạn thân của Y Uyên, đưa chúng tôi ba truyện, chúng tôi đăng một, hoàn lại hai. Anh bạn này giận, không cho truyện nào khác. Ít lâu sau, gặp chúng tôi, anh kêu "Nhất, truyện Bão Khô của Y Uyên là nhất". Chúng tôi chỉ còn biết cười buồn, vì biết làm sao hơn với người tự bằng lòng đứng giậm chân tại chỗ!

Khác với mấy bạn vừa kể, Y Uyên lẳng lặng viết, có phần nào nghe theo ý kiến của các anh em trong tòa soạn VĂN. Truyện ngắn *Tượng đá sừng non* đăng trong VĂN số 40, tôi còn nhớ gửi cho Y Uyên hai bưu phiếu: một bưu phiếu nhuận bút còm và một "để cậu đi nhậu với một vài bạn ngoài đó, coi như đã nhậu với anh em trong này, để ghi dấu ngày cậu bắt đầu viết khác ...".

Truyện đăng trong VĂN số 42 (cái nhan do tòa soạn đặt *Có heo may Hà Nội*) là một trường hợp ngoại lệ, cho hợp với chủ đề của tờ báo.

Truyện *Tiếng hát của người gác cầu* đăng trong VĂN số 46, ngoài bưu phiếu nhuận bút, tôi có gửi Y Uyên hai lá thư. Một thư viết trên giấy mang tiêu đề của nhà xuất bản Giao Điểm, hẹn sẽ in một tập truyện của anh, gồm một số truyện do tôi lựa chọn. Thư sau, tôi còn nhớ đã viết trong một buổi tối kẹt mưa, phải ngồi lại tòa soạn tới khuya, thư viết dài tới bốn trang giấy pelure. Trong thư này tôi thuật lại trường hợp đặc biệt của đoàn tác *Thư từ Tuy Hòa* (của Cảnh Cừu, đăng trong VĂN số 45); đọc bài này tôi thích quá, không chuyển cho Ban Tuyển đọc Tác phẩm như những bài lai cáo khác, tự ý cho đăng ngay vào trong một số không phải là tuyển tập thơ văn (số 45 là số giới thiệu Francoise Sagan). Bài đăng rồi, anh em "chịu" tôi là tinh, và đồng ý nên khuyến khích tác giả. (Đáng tiếc thay, tác giả này đã làm chúng tôi thất vọng. Mặc dù sau đó chúng tôi đã cố vớt, cố đăng thêm một hai đoạn thiên nữa của anh, nhưng anh không thể đi được xa hơn). Tôi lưu ý Y Uyên về cái "*không khí đặc biệt Tuy Hòa*" trong đoàn tác vừa kể. Tôi còn dẫn Camus (on ne pense que par des images), dẫn thêm nhiều kinh nghiệm khác rút trong cuốn *Esquisse d'un roman* .v... và dặn: cậu có thể rời bỏ những nhân vật thầy giáo cô giáo rồi đó.

Truyện *Những ngày cuối năm trên miền núi* đăng trong VĂN số xuân Bình Ngô; truyện *Bên ngoài khán đài* đăng trong VĂN số 52, ngoài bưu phiếu nhuận bút, tôi không viết gì. Điều ấy dường như làm cho Y Uyên thất vọng. Uy viết gửi tôi, rào đón, ngần ngại. Tôi trả lời: được rồi, cứ tiếp tục, tôi sẽ in những truyện đó trong tập truyện đã dự trù.

Đầu tháng 5/1966, nhận được truyện *Bão khô*, tôi vội viết ngay cho Y Uyên: tới rồi, cố giữ lời viết đó, không khí đó, cái souffle đó. Trong thư, tôi kể tên sáu truyện đã chọn và đề nghị đặt nhan tập truyện là Bão khô, nhà Giao Điểm sẽ lo ngay việc xuất bản. Bão khô đăng trong VĂN số 58 rồi, tôi viết gửi Uy, đại ý: từ nay, cậu gửi bài về, tôi không cần đọc lại nữa, cứ thế cho xếp chữ in ngay. Ít lâu sau, tôi nhận được thư Uy, có vẻ xúc động trước lời ngợi khen biểu lộ qua sự tin cậy của tôi, nhưng lúng túng vì nhà Thời Mới lấy trước mắt hai truyện tôi đã chọn để in thành sách (*Mùa xuân qua đèo và Tiếng hát của người gác cầu*), Uy đề nghị tôi thay thế bằng hai truyện khác: *Ngoài khán đài* (VĂN số 52) và *Cái cối xay dưới đồng bằng* (Nghệ Thuật số 51). Tôi trả lời Uy đại khái không tiếc vì hai truyện đã bị "phồng tay trên", nhưng chỉ tiếc là nếu nhà Thời Mới in hai truyện đó với những truyện Uy viết trước *Tượng đá sừng non* thì hơi uổng, vì sách sẽ không được "nhất trí". Tôi cũng tiếc Bão khô không là tác phẩm đầu tay của Uy.

Đoạn văn *Trong ánh sáng lân tinh* là trích đoạn truyện dài, Uy yêu cầu tôi đăng để "có trớn viết tiếp", và Uy cũng hỏi han tôi nhiều về sự khác biệt giữa truyện ngắn và truyện dài. Tôi thu thập ý kiến của nhiều anh em và trả lời Uy trong một thư khá dài.

Truyện *Kiểm Diện* đăng trong VĂN số 66, Uy đã viết vội để Bão khô có đủ số trang.

Những đoạn tác đăng sau đó trên VĂN, hoặc là trích đoạn truyện dài, hoặc là đoạn thiên, đều không có gì đặc sắc (*Gió cuối năm*, VĂN số 71; *Dáng thú số xuân Đinh Mùi*; *Cái xương lá mục* số 87; *Pho tượng đứng đó* số 92; *Có mùa hoa nào lấy vợ* số 97, nhưng tôi không nói gì với Uy về những nhận xét của riêng tôi hay của anh em, bởi lẽ tôi biết Uy đã hoàn thành những sáng tác đó trong nỗi ám ảnh nặng nề: ám ảnh bị gọi lính! Sau lần vào quân trường mấy ngày rồi lại được về vì "thặng dư tài nguyên", Uy có than thở với tôi "rã rời, hết muốn viết, anh ạ!".

Truyện dài *Ngựa tía*, thật ra nhà Giao Điểm không nhận in. Sau khi đọc một vài trích đoạn, tôi có viết thư cho Uy, trình bày những nhận xét cùng đề nghị của riêng tôi. Uy không trả lời thư này và cũng không gửi bản thảo cho tôi, tuy là cách đó ít lâu, Uy nói: "sắp viết xong những trang cuối". Tôi còn đang đinh ninh là Uy đang còn sửa, viết lại không chừng, thì một hôm anh Võ Phiến đến, đưa cho tôi tập bản thảo *Ngựa tía*, nói "ông in đi, tôi đi khắp cả mà không nhà in nào dám nhận, vì tác giả viết chữ nhỏ quá, khít quá, thợ sắp chữ không nổi". Tôi nhận tập bản thảo rồi viết gửi Uy. Trả lời: tôi biết là anh không thích, nhưng nếu có thể thì anh in giùm, tôi sắp đi lính .v.v...

Từ Tuy Hòa, Y Uyên vào Sài Gòn lấy khoản tác quyền *Ngựa tía* để "đi thanh toán một chuyện tình cảm vương mắc đã từ lâu, mong là lần này nó sẽ dứt khoát". Dứt khoát rồi, anh chàng buồn, đòi tôi dẫn đi uống rượu say mềm, đêm khuya tôi phải chờ về nhà; ít bữa sau anh chàng trở ra Tuy Hòa, quên cả ghé nhà in ký tên trước lên cahier đầu sách. (Chuyện về này Y Uyên đem biếu thân phụ tôi một chai rượu sâm Cao Ly. Chai rượu này mới vui có phân nửa, mà người cho rượu đã ra người thiên cổ!)

Thời gian sau đó và suốt cả thời gian sống trong quân trường Thủ Đức, Uy không viết được gì. Mãn khóa, ngay sau khi trở lại miền Trung, Uy gửi về đoàn tác Cao nhất, một vài ghi chép đầu tiên cho một thiên truyện dài sẽ được khởi viết "trong những ngày không phải xuống đời dẫn lính đi lấy nước" (Trích thư ngày 14-10-1968).

Thư 30-10-68 Y Uyên nhớ tới hai việc: Việc thứ nhất: "có một thằng bạn văn vừa mới chết một cách khá thảm, để gián tiếp báo tin cho một số bạn bè và coi như thấp cho nó một nén hương, nhờ anh đăng cho ít lời chia buồn (đính kèm) ..."

Việc thứ hai: "... nếu anh thấy có thể in giúp được "Đuốc sậy" mà không phiền lòng anh Võ Phiến, nhờ anh in một tập nữa ..."

Việc thứ nhất, tôi cho đăng mẫu "chia buồn", ngay trong VĂN số 118. Việc thứ hai, hôm mới đây, gặp Võ Phiến, tôi nói: "Nếu ông không in *Đuốc sậy*, ông có thể chuyển nó cho tôi. Tôi sẽ in, mặc dù hai lần in sách của Y Uyên rồi, lần nào tôi cũng bị lỗ khá nặng ...". Võ Phiến xem thư Y Uyên, rồi ít bữa sau, anh đưa tập bản thảo *Đuốc sậy* tới giao cho tôi. Chúng tôi dự định tập hợp tất cả những truyện ngắn khác chưa in thành sách của Y Uyên, phân loại lại, rồi sẽ in, có lẽ thành hai hoặc ba tập (*). (Nhân đây, xin được thưa thêm một chuyện: chúng tôi được biết, trước ngày nhập ngũ, hồi còn ở ngoài Trung, Y Uyên có viết được một số đoạn tác, giao cho anh em có ý định ra báo, in tuyển tập, nội san v.v... Chúng tôi rất mong anh chị em nào còn giữ được bản thảo chưa in của Y Uyên vui lòng gửi cho chúng tôi, để việc xuất bản thêm phần đầy đủ. Trường hợp những anh chị em cho in những sáng tác đó trong những ấn bản phổ biến hạn chế tại địa phương, cũng xin vui lòng gửi cho chúng tôi một bản. Muôn vàn cảm tạ).

Trên đây chúng tôi đã ôn lại mối giao tình giữa Y Uyên, tác giả, và chúng tôi, thư ký tòa soạn VĂN.

Nhắc lại những kỷ niệm về Y Uyên thì thật không có gì đáng nhớ. Tìm trong xấp thư cũ, thấy một vài điểm mà các bạn khác trong những bài đăng cùng số này, chưa nói tới, tôi lục chép ra đây, nghĩ cũng là để "soi sáng" thêm về cuộc sống của Y Uyên.

"... Trong đó anh kêu "thảm lắm!" thì ngoài này cũng muốn kêu "bực lắm!". Suốt từ đầu niên học tới giờ, làm hiệu trưởng một cái trường toàn đàn bà với ông già, tinh thần chỉ còn như một chất công văn, chỉ thị. Ngoài một truyện gửi về cho *Nghệ Thuật* số gần đây vì dịp hè có lỡ hứa với anh Viên Linh, không còn viết được gì. Đầu óc lớn vồn toàn chuyện bỏ nghề mà không quyết được vì thấy kém thực tế. Nhận thư anh, mừng vì có phút được kéo khỏi những lo toan

thường trực vụn vặt, nhưng cũng ngại không có bài gửi về anh kịp thời. Dù sao cũng phải gắng như từ trước tới giờ vẫn phải gắng nghe theo lời anh. Nhất là lại nghe anh nói: "một tuyến tập lạ lắm", thấy hấp dẫn không ít. Về ... muốn hỏi ý anh trước ..." (Trích thư Tuy Hòa, 15-10-1966)

Thì ra cu cậu cũng đã có lần tính bỏ nghề. Không phải vì sợ bị "sa lầy" trong nghề dạy học, mà vì thấy "kém thực tế" - Ôi cái thực tế đã làm thui chột biết bao tài năng ở đất nước ta!

"... Ở ngoài này chấy đều đều - mùa lạnh cần lửa mà. Lại vừa gặp một "cú" tình cảm nên bỗng dưng thấy mình không còn là một tên viết lách mà là một nhân vật tiểu thuyết của bà Tùng Long - cái đó mới ly kỳ ..." (Trích thư Tuy Hòa, 15-12-1967)

(Lửa ở thư trên là lửa đam mê của thú đánh bài; chấy là chấy túi. Thư còn yêu cầu gửi một số VẤN trong có đăng bài của Uy tặng một cô gái ở đường Duy Tân, An Cựu, Huế)

Cô gái Huế này tôi không rõ là ai (báo nhờ gửi cho một người đàn ông, cạy chuyển lại), nhưng khi nghe Y Uyên hỏi ý trong chuyện về Sài Gòn, tôi có lèm nhèm, đại ý "gái Huế", ái tình lãng nhãng thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân cùng là đúc kết kinh nghiệm của một vài anh em có vợ Huế khác". Y Uyên gật gù. Không biết trong "vụ" này, cu cậu đã làm nhân vật tiểu thuyết đến đâu, được bao lâu?

"Hồi này đã hết sức tu thân, không hiểu các anh ở nhà có còn tiếp tục cái chuyện "coi như cho ăn mày ..." (Trích thư Tuy Hòa, 17-4-1967)

Hắn đến tòa soạn và đòi đưa đi chơi. Chơi cái gì? Đang hẹn đến NĐT làm canh xì còm đây. Nghe thấy chữ "xì", mắt hắn sáng hẳn lên. Gặp đồng đảo anh em quanh chiếu bạc, hắn mừng ra mặt. "Mòng đây, mòng mới từ Tuy Hòa về đây. Tây tây xì, đi hai chục". Anh em nhao nhao: "Hai chục rẻ quá, coi như cho ăn mày ..." Hắn thích thú lồi nói đó. Ra tới Tuy Hòa còn tiếc cái không khí đó, cái không khí không thể nào có ở bất cứ một nơi nào khác, với bất cứ anh em bạn bè nào khác ...

"Nhận được thư anh giữa lúc đang bệnh, lo bài gửi về sẽ không kịp đúng kỳ hẹn quá. Bây giờ viết hết được dòng cuối mới thấy mừng. Mừng như thoát nợ. Mừng hơn hết mọi lần khác. Mấy hôm trước cứ ân hận không biết rõ ngày số Nắng Hè ra nên lâm vào cảnh "cuối cùng vẫn phải viết". Ngày hôm qua vừa đi mổ cái nốt, từ nay mỗi sáng phải lên bệnh xá một lần, như vậy không mong gì tính chuyện về Sài Gòn. Lá thư vừa rời của anh như có điều gì bất thường, đọc đi đọc lại vẫn không có được một giải thích hợp lý. Ở nhà có điều gì "kẹt" bất ngờ chẳng? Đã định viết hỏi anh ngay hôm nhận được thư nhưng lại nghĩ phải viết bài trước đã, hậu tính. Giờ thì có thể nghỉ ngơi, mượn chường về đọc và chờ thư anh ..." (Trích thư Tuy Hòa, 3-5-1967)

Mới đây nhận được bài của anh Trần Huyền Ân, tôi đã phì cười khi thấy anh nhắc lại chuyện đã làm cho Y Uyên thắc mắc trong thư dẫn trên. Tôi phì cười cũng như Y Uyên nói "buồn cười". Số Nắng Hè tôi có ý định đăng bài của những anh em có mặt trên chiếu bạc nhà NĐT hôm Y Uyên về chơi. Góp bài không đủ. Trong số người vắng mặt, có cả Y Uyên, mặc dù bị đau (phải đi mổ nốt) vẫn cố viết bài gửi về mà không kịp kỳ báo. Cu cậu cố viết bài tuy đau, có phải tại vì đã "sợ" lời "đe dọa" của tôi? Nếu đúng thế, nghĩ thật tội nghiệp, tội nghiệp vì chuyện chỉ đáng "buồn cười" ...

"Lộ xỉ, lộ hầu, tướng đi không chắc bước ... tay này chết yếu ...", một nhà văn lão thành đã nói bằng quơ như thế, khi cụ nhìn theo Y Uyên lúc đó vừa bước ra khỏi cửa tòa soạn. Nghe lời vị túc nho cao niên nợ nói mà tôi bỗng rùng mình. Lúc đó Y Uyên đang thụ huấn trong quân trường. Tôi cố nói với một vài chỗ quen biết nhờ lưu ý để kéo cho hắn đi ngành. Tôi được trả lời là cứ yên chí. Vốn tính cả tin, tôi yên chí mãi. Mãi cho tới hôm hắn mãn khóa, về chơi nhà tôi, ngật ngưỡng nốc cạn ly cognac, chậm rãi ngã lưng vào thành ghế bành, rồi mới khặc khừ "em đi địa phương quân, anh ạ!". Tôi bảo hắn nếu được chọn, chọn ngay vùng I cho tôi nhờ. Ít bữa sau, hắn ghé báo quán, cho biết đầu hắn được đi Côn Lôn, nhưng hắn tình nguyện xin đi Bình Thuận. Tôi xô ghế đứng lên, nói như quát: "cậu quên lời tôi dặn rồi à?". Hắn nhìn tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, tia nhìn mới thanh thản và trong sáng làm sao, và hắn đáp ứng: "tôi ... tôi có duyên nợ với vùng duyên hải Trung phần lắm mà anh ...". Bữa đó tôi giận lắm, giận hắn,

giận những người tôi đã cạy nhò, giận tôi, giận tất cả, nên tôi để mặc hắn ra về mà không buồn dẫn hắn đi nhậu một bữa tiễn hành như đã dự trù từ trước. Duyên nợ? Hừ, duyên nợ cái mốc xì! Đại gái, hầu hết nếu không muốn nói tất cả những thằng con trai mới lớn đều đại gái. Tôi đã nghĩ về Y Uyên như vậy khi nhìn theo hắn leo lên chiếc xe lam ngừng bên mé đường bên kia rước khách ...

Ít tuần sau, nhận được thư hắn báo tin nơi đóng đồn cũng nhàn, lại có an ninh, viết lách được nhiều, tôi cũng thấy nguôi ngoai.

Ít lâu sau, chúng tôi được biết quân đội đã chiếu cố tới hắn. Một bưu điệp đã được gửi ra tiểu khu nơi hắn trú đóng, cho hắn nộp đơn xin chuyển về Sài Gòn.

Chờ lâu chưa thấy hắn về, một nhà văn bạn lại xin với thượng cấp cho hắn được đặc cách chuyển về Sài Gòn. Tôi được tin văn hữu nợ đã lo xong mọi thủ tục cần thiết (việc gọi Y Uyên về Sài Gòn chỉ còn là việc thu xếp trong vòng vài ngày), ngay sau lúc một cú điện thoại khác báo tin Y Uyên đã từ trần, chiều hôm trước, tại Phan Thiết. Trả lời anh bạn văn tôi cố lấy giọng bình tĩnh: "*Cám ơn anh. Có điều muộn mất rồi vì Y Uyên đã tử trận*". Đầu dây bên kia anh bạn vắng tục và nói cao giọng: "*Này, ông đừng hòng qua mặt tôi bằng lối đùa cợt bậy bạ đó ...*". Như mọi người, anh không tin là Y Uyên đã chết. Anh chỉ tin điều đó vào buổi sáng hôm sau, khi anh, mặc quân phục, cùng mấy quân nhân khác đặt tay vào sợi dây chấu, từ từ thả chiếc quan tài bọc xác Uy xuống sâu trong lòng đất lạnh!

Tô Thùy Yên, xin cho tôi được cám ơn anh lần nữa. Con người ta sống chết, riêng tôi tin là có mệnh số. Riêng anh, anh đã lo lắng giùm Uy nhiều hơn là cho một bạn văn không thân thiết, với trọn vẹn tấm lòng thẳng thắn và đôn hậu. Tấm lòng đó làm anh khác hẳn với những người khác - những người miệng đã nói với chúng tôi nhiều điều nhân nghĩa, nhưng rút cục chỉ toàn là "*đánh trống bỏ dùi*" ... Mặc dù tin nhắn thân nhân phải ra ngay nhận xác, nếu không sẽ không kịp; mặc dù tôi đã gạt hết mọi công việc, lao xe như bay lên Gò Vấp, báo tin cho gia đình Uy; mặc dù nước mắt đã ứa ra ... chính tôi, tôi vẫn chưa tin là Uy đã chết. Chết. Tại sao lại chết, trong lúc biết bao người chăm lo mạng sống của Uy? Biết bao nhiêu người chạy theo kim đồng hồ, cố kéo Uy về chốn an toàn?

Kỷ niệm của tôi về Y Uyên thật ít (một vài lần dẫn nhau đi ăn nhậu, đánh bài, du hí; một vài lần hắn đi phép ghé nhà tôi "*tắm một cái rồi thay đồ, vào trường cho khỏe*" ... có đáng gọi chăng là kỷ niệm?) nhưng tôi thật tình quý mến Y Uyên. Tôi coi Y Uyên như em. Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm cho Y Uyên nhà văn, U Uyên chuẩn úy. Việc làm của tôi có thể không có kết quả, hoặc kết quả chỉ đến quá muộn màng, quá chậm. Giờ đây, tất cả những gì tôi còn có thể làm cho hắn, ấy là tôi nghĩ thế, là thu nhặt những gì hắn đã viết rải rác đem in thành sách. Những cuốn sách đó có chịu đựng được sự thử thách của thời gian không, đó là một việc. Đối với riêng tôi, việc in chúng ra là việc cần làm. Tôi sẽ làm (*). Và tôi thiết tha mong mỗi anh chị em khắp nơi để tâm giúp đỡ tôi trong công việc đó. Không phải vì tôi, hẳn thế, mà vì bạn của chúng ta, vì Y Uyên.

Trần Phong Giao
(17-4-1969)

Trích Thư Quán Bản Thảo tập 18 (tháng 2 năm 2005)
(Tưởng nhớ Y Uyên 1943-1969)

(*) Anh Trần Phong Giao đã giữ lời hứa trước vong linh Y Uyên, đã in tiếp hai tập: Đuốc sậy và Có loài chim lạ, với sự trợ giúp của Nguyễn Lệ Uyên và Mang Viên Long sắp xếp bản thảo (TQBT)

Một chút Trần Phong Giao Trần Hữu Thục

Tôi mê viết lách từ nhỏ.

Viết nhiều, gửi nhiều nhưng mãi đến năm 1967, lần đầu tiên tôi mới có tác phẩm được đăng trên báo văn học Sài Gòn. Đó là một bài thơ: *Cuồng ngâm* (tạp chí *Văn* số 97, mùa hè 1967). Thú thì thú, nhưng tôi vẫn chưa “toại nguyện” vì thích truyện hơn.

Lại viết viết gửi gửi. Cho đến lần đó, khoảng giữa năm 1968, tôi được toại nguyện...hụt. Số là trong một số báo *Văn* (tôi quên số), phần nhắn tin cho tôi, tòa soạn cho biết: Ban Tuyển Đọc đã chọn truyện *Dấu tích đời* để đăng, nhưng đáng tiếc là truyện có nhiều chi tiết không thể lọt qua được lưới kéo kiểm duyệt, những chi tiết mà nếu bỏ đi thì truyện sẽ không còn đứng vững, tòa soạn mong bạn gửi cho sáng tác khác. Một lời nhắn tin rất ngắn, nhưng rất dài đối với tôi. Tôi vừa cảm thấy sung sướng vừa thất vọng và ám ức.

Trong lúc tôi cặm cụi cố viết một truyện khác, thì bất ngờ làm sao, chừng hai tuần sau đó, tôi nhận được thư từ tòa soạn *Văn*, một lá thư đánh máy rất cẩn thận với cái “logo” báo *Văn* ở đầu trang. Thư ký tòa soạn Trần Phong Giao “vui mừng” báo cho biết là, bằng một cố gắng riêng, ông đã được sờ kiểm duyệt cho “đi” truyện ngắn *Dấu tích đời*. Không lâu sau đó, *Dấu tích đời* – kể chuyện một bà mẹ tưởng con gái mình đi làm ăn lương thiện để nuôi mình, cuối cùng khám phá ra là cô dối mẹ, hành nghề mãi dâm với lính Mỹ – xuất hiện trên *Văn* 121, số kỷ niệm Đệ Ngũ Chu Niên, phát hành vào đầu năm 1969.

Đúng là tôi có duyên với *Văn*, và qua đó, với Trần Phong Giao!

Với truyện ngắn đó, tôi bắt đầu được anh xếp vào hàng ngũ “Những cây bút trẻ”, nhóm từ mà cho đến bây giờ nghe lại, vẫn cảm thấy nao lòng, vì nó nhắc nhở đến những buồn vui thời tuổi trẻ. Nếu không có sự quan tâm của anh, có lẽ nó sẽ không được đăng. Và nếu không được đăng, không biết tôi còn đủ tự tin tiếp tục viết và gửi để chỉ thấy tên mình nằm dài dài trong hộp thư tòa soạn! Sau đó, thì hầu như truyện nào tôi gửi cho *Văn* cũng được “qua cầu”. Và (tôi nghĩ, biết đâu) nhờ có mặt trên *Văn*, truyện và các bài viết khác của tôi cũng đã dễ dàng xuất hiện trên một số báo văn học khác như *Vấn Đề*, *Bách Khoa*, *Khởi Hành* và cả tạp chí *Đổi Diện*. Tóm lại, *Dấu tích đời*, hiểu theo một nghĩa nào đó, thì như một cái vé vào cửa “văn giới” đối với tôi.

Năm 1969, trong thời gian đi học và đi làm ở Sài Gòn, ở trọ trên đường Phát Diệm – cách tòa soạn *Văn* không xa, khoảng chừng hơn cây số, lại nằm trên đường đi về hàng ngày -, tôi nhiều lần ghé thăm Trần Phong Giao. Như nhiều bạn văn đã đề cập, kinh nghiệm lần đầu gặp ông thư ký tòa soạn này là một kinh nghiệm khó quên: một con người khô khan, lạnh lùng, nếu không nói là ...bất lịch sự, trái hẳn với những lời nhắn tin đầy “tình thân” trên *Văn* hay trong những lá thư gửi riêng cho người viết. Bước vào tòa soạn – thực ra, chỉ là một cái phòng nhỏ nằm sát lề đường, bệ bộn giấy tờ, sách báo -tôi gặp một người đàn ông đang chăm chú nhìn lên cái bàn máy chữ nhỏ, gỗ lọc cọc. Nghe tiếng tôi chào, người đàn ông vẫn cầm cúi làm việc, dường như chẳng hề biết có người đang đứng sát bên. Khi nghe tôi hỏi xin được gặp ông thư ký tòa soạn, thì người đàn ông đáp, trong lúc vẫn không rời bàn máy chữ “Câu cần gặp có việc gì?”. Tôi nói tên, tưởng là ông sẽ ngừng đánh máy, quay đầu lui, chào hỏi, nhưng không, ông chỉ nói: “Thế à!” một cách dửng dưng và...vẫn tiếp tục làm việc. Chán nản và bối rối, tôi chào ra về. Lúc này, ông ta mới ngẩng mặt lên nói: “Khi nào rảnh, nhớ ghé chơi”. (Nguyễn Mộng Giác đã biến kinh nghiệm rất chung đó với Trần Phong Giao thành một cảnh tượng khá sống động trong “Mùa biên động” tập 4, chương 86.)

Bực thì bực, nhưng vẫn ghé. Dần dà rồi cũng quen thân. Biết tính anh, tôi chỉ ghé khi nào thật cần và thường là vào buổi chiều khi anh sắp nghỉ việc. Thỉnh thoảng, ít việc, anh rủ tôi ra chợ

Thái Bình uống nước, chuyện gẫu. Có lần anh rủ tôi về căn nhà nhỏ ở dưới chân cầu Kiệu, đường Hai Bà Trưng để uống rượu. Tóm lại, một Trần Phong Giao hoàn toàn khác. Như Trần Hoài Thư nhận xét, ít có tờ báo văn học nào ở Sài Gòn thời đó mà quan tâm nhiều đến những cây bút trẻ đang cầm súng chiến đấu trên các chiến trường như tạp chí *Văn*, hay nói cụ thể hơn, như Trần Phong Giao. Không những đăng nhiều truyện ngắn nóng hổi viết và gửi vào từ mặt trận, người thư ký tòa soạn này còn tỏ ra lo lắng đến số phận họ. Tôi còn nhớ, có lần anh cho biết là đã nhờ người quen trong Tổng Tham Mưu kéo Y Uyên – lúc đó đang ở một đơn vị chiến đấu ngoài mặt trận ở Tuy Hòa – về Sài Gòn hay về một hậu cứ an toàn nào đó. Nhưng đáng tiếc là, một thời gian ngắn trước khi Y Uyên nhận được giấy chuyển, anh đã tử trận, khoảng mùa hè năm 1969. Tài hoa bạc mệnh! Trần Phong Giao buồn lắm. Tiếc nữa, vì Y Uyên là một cây bút “cứng” của *Văn* (và cũng của *Bách Khoa*). Hầu hết truyện của Y Uyên đều viết về những khổ nạn chiến tranh. Văn Y Uyên có một phong cách rất riêng, hiện thực mà vẫn bay bổng, chi li nhưng không quá sa đà. Thú thật, tôi “mê” văn Y Uyên, mê lối viết điềm tĩnh của anh. Điềm tĩnh lạ lùng. Điềm tĩnh mà đau buốt. Cho nên khi Trần Phong Giao yêu cầu tôi viết bài cho số *Văn* tưởng niệm Y Uyên, tôi nhận lời ngay.

Số tưởng niệm đó ấn hành đầu vào năm 1969 hay 1970 (tôi không nhớ rõ chính xác thời gian) là một số báo khá dày, với sự đóng góp của nhiều bạn văn và nhà biên khảo. Riêng tôi, tôi viết bài “*Khuôn mặt chiến tranh trong tác phẩm Y Uyên*”[1], phân tích cách mô tả chiến tranh trong các truyện ngắn của anh. Tất cả tiền nhuận bút của số báo này đều được các tác giả đồng ý gửi về cho gia đình Y Uyên để làm tấm bia mộ cho anh, gọi là chút tấm lòng của những bạn văn đối với người quá cố.

Ngoài việc trông coi tờ *Văn*, Trần Phong Giao còn là chủ biên của một tập san khác: *Tân Văn*, nguyệt san nghiên cứu, phê bình và sáng tác, phát hành đồng thời với tờ *Văn*, chủ yếu nghiêng về biên khảo. Biết tôi cũng thích viết tiểu luận, anh mời tôi viết bài thường xuyên cho tập san này. Tôi cảm thấy vinh hạnh vì được tin cậy, nên nhận lời. Và viết ngay bài điểm sách *Một cách buồn phiền*, tác phẩm đầu tay của Lê Văn Thiện (bút hiệu là Văn Lệ Thiên), một cây bút trẻ (cũng là lính) thường xuất hiện trên *Văn*, do tạp chí *Văn* vừa xuất bản lúc đó, in trên *Tân Văn* số 13, tháng 5/1969. Anh giục tôi viết thêm, nhưng tôi ham sáng tác, lại bận bịu việc học, việc làm nên hứa hoài hứa mãi mà không có thêm bài nào. Năm sau, tôi được tuyển dụng về Huế đi dạy học, rồi nhập ngũ. Đến cuối năm 1971, tôi mới được biệt phái về lại trường. Cũng năm đó, Trần Phong Giao chia tay với nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, tờ *Văn* chuyển qua Nguyễn Xuân Hoàng và *Tân Văn* thì đình bản. Đành thôi!

Từ đó, tôi không gặp lại Trần Phong Giao cho đến khoảng năm 1985 – thời gian này, tôi thường hay ra vào Sài Gòn chạy vạy kiếm sống -, tôi tình cờ gặp anh ở một quán cà phê vỉa hè ở khu chợ trời Huỳnh Thúc Kháng. Cùng đi với anh là ông Lê Ngộ Châu của tạp chí *Bách Khoa* và một cây bút Sài Gòn cũ tôi quên tên. Trông anh buồn bã và chán nản (thực ra thì lúc đó, tất cả mọi khuôn mặt đều buồn bã và chán nản như thế!). Chúng tôi chỉ trao đổi dăm ba chuyện mưa nắng thời tiết, rồi thôi. Nói cho cùng, cũng chẳng có gì nhiều để nói với nhau.

Đó là lần cuối tôi gặp Trần Phong Giao.

Nhân nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Hoài Thư và *Da Màu* đề cập đến Trần Phong Giao, tôi cũng xin góp tay ghi lại một vài kỷ niệm. Riêng và chung. Gọi là nhắc nhớ.

Nhắc nhớ một người đồng thời nhắc nhớ về một tờ báo mà cũng là nhắc nhớ về *một thời*.
Nhắc và nhớ.

Nhắc để nhớ.

Trò chuyện với bạn về Trần Phong Giao Lưu Vân

Đầu thập niên 60 của thế kỷ trước, khi tôi đang theo học trường Sư Phạm Sài Gòn thì miền Nam có rất nhiều đảng phái chính trị và nhiều phong trào với những xu hướng và mục đích chính trị khác nhau. Và có lẽ cũng từ thực tế đó, miền Nam có rất nhiều nhật báo và tạp chí. Ngoài những tạp chí được coi là có giấy phép, là các tuần báo hay bán tuần báo, nguyệt san hay bán nguyệt san thì còn có rất nhiều những tập san chuyên ngành định kỳ hoặc không định kỳ, và những giai phẩm văn nghệ của một số anh em văn nghệ trẻ tập hợp lại: *Viết*, *in ấn và để rồi* ... phổ biến hạn-chế. Những mảnh đất đó dù như thế nào cũng là nơi để gieo trồng những hạt giống mới, là sân chơi cho những cây bút trẻ lớn lên từ những phong trào văn nghệ sinh viên học sinh gửi gắm tình cảm, tâm hồn cũng như những hoài bão và khát vọng của tuổi trẻ của mình qua những trang viết đầu tay.

Thời ấy, đối với những người trẻ có một niềm đam mê văn học, khi nhắc đến tạp chí *Sáng Tạo* thường thì anh em viết đều nghĩ đến một người như Thanh Tâm Tuyền, *Văn Học* là Phan Kim Thịnh, *Phổ Thông* là Nguyễn Vỹ, *Thời Nay* là Khánh Linh, *Tiếng Nói* là Trần Dạ Từ, *Thời Tập* là Viên Linh, *Thứ Tư Tuần San* là Nguyễn Thụy Long, *Nghệ Thuật* là Mai Thảo... Và với tạp chí *Văn* thì lại là Trần Phong Giao, người tự nhận mình là một Thư ký tòa soạn của bán nguyệt san thuần túy về văn học.

Người bạn thơ quá cố của tôi – anh Nguyễn Bạch Dương – vẫn cho rằng những người viết trẻ miền Nam thừa ấy, khi có bài được chọn đăng trên tạp chí *Văn* là có thể coi như đã khẳng định được mình, bởi chỉ có ở tạp chí *Văn* mới có một Ban tuyển đọc tác phẩm (có lẽ là ba nhà thơ hay nhà văn thành viên) đọc và chọn đăng các sáng tác của rất đông những người viết gửi về cộng tác.

Trong đời văn của mình, dù xuất thân từ một cái nôi văn-nghệ-tĩnh-lẻ ở miền Tây Nam bộ và sớm có thơ đăng trang văn nghệ của nhật báo *Đồng Nai* ở Sài Gòn vào năm 15 tuổi (1961), nhưng hình như là phải đến năm 1963 hay 1964, tôi mới có bài được chọn đăng trên tạp chí *Văn* (số 37): đó là bài thơ tôi viết sau cái chết của thầy giáo Trần Văn Thạch – tức nhà thơ Hoàng Yên Trang (Trần Như Liên Phương), một người trong nhóm *Tiếng Động Mùa Hạ* (có Lan Sơn Đài và Triều Uyên Phương) khá nổi ở tỉnh Sóc Trăng cùng thời với nhóm *Cung Thương Miền Nam* có Trần Phù Thế, Nguyễn Lệ Thuận và Mây Viễn Xứ (bút hiệu cũ của Lâm Hảo Dũng) thời bấy giờ.

Thực ra, để nhắc tới một người mà mình không biết gì nhiều về thân thế và sự nghiệp của người ấy là một điều hết sức khó khăn. Khó khăn vì sự biết của mình quá nghèo nàn, nên tôi chỉ muốn nhắc về anh Trần Phong Giao với một vài ký ức nho nhỏ mà tôi có biết, có nhớ và luôn trân trọng.

Anh Trần Phong Giao không còn làm Thư ký tòa soạn bán nguyệt san *Văn* từ năm 1971, mà sau này tôi nghe ai đó đã nói anh dành thời gian sau đó của mình để dịch sách và soạn từ điển, nhưng từ điển bằng ngôn ngữ nào thì tôi không biết. Và trước bao nhiêu chuyện đời vật đổi sao dời, tôi có thể tin rằng anh cũng phải bỏ lại sau lưng mình biết bao nhiêu điều vụn vặt, như trong vị trí một Thư ký tòa soạn, ngày xưa anh đã biết không ít những người viết trẻ, những người mà không phải hai mươi năm sau anh còn nhớ họ là ai nếu không có cơ duyên gặp lại. Đường Phạm Ngũ Lão ngày nay được coi là phố Tây-ba-lô, nhưng ngày xưa nó là đường của các tòa soạn báo. Tòa soạn tạp chí *Văn* nằm ở số 38 con đường này. Nhà tôi ở trọ để đi học thì ở trong con hẻm nhỏ góc Phát Diệm và Nguyễn Cư Trinh, đi bộ để gửi bài cho *Văn* cũng rất dễ dàng. Nhưng thường thì tôi rất ít khi gặp anh Trần Phong Giao. Sau này, khi đi làm xa Sài Gòn, thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được qua Hộp thư lưu trữ (Poste Restant) những bức thư rất ngắn, thường là nửa khổ giấy trắng có in chữ triện màu đỏ là logo tạp chí *Văn*. Đó là lần anh trả lời tôi

rằng tôi nên chọn tác phẩm khác hơn *Of Human Bondage* của William Faulkner để dịch vì đã có dịch giả bậc thầy dịch quyển này rồi. Và một lần khác mà tôi rất nhớ là khi anh gửi cho tôi bản thảo bài thơ *Khi Cuộc Chiến Tàn*, trên đó anh viết “*Bài đã lên khuôn nhưng không đăng được. Gửi cậu làm kỷ niệm*”. Đó cũng là lần tôi thấy nét chữ viết tay của anh Trần Phong Giao, bởi anh thường viết cho tôi (chắc cũng như cho những người khác) bằng máy đánh chữ, bắt đầu là “Thăm cậu” và cuối cùng là hai chữ “Tình thân” trước khi anh ký tên.

Sau năm 1975, có một khoảng thời gian gần 10 năm (1989 -1998) tôi lưu lạc trên đất Bắc, nên bạn bè thường cho rằng cái bút danh của tôi nó vận vào đời mình cũng như tập truyện ngắn đầu tay mang tên *Xe Lửa Chạy Đường Vòng* (Vùng Lên, 1967) đã dự báo cho tôi một cái vòng không trốn đi đâu cho thoát. Một lần về Nam (1995), anh Ngô Nguyên Nghiễm cho tôi biết rằng anh Trần Phong Giao hai lần gửi thư ra Hà Nội theo địa chỉ bạn tôi cho (40 Phố Nhà Chung, Quận Hoàn Kiếm), nhưng thư đã bị phát hoản. (Đó là thời gian năm 1992, tôi đang làm việc ở Yên Bái).

Tôi tìm đến thăm anh ở trong một khu phố gần chân Cầu Kiêu (đường Hai Bà Trưng, Tân Định). Anh cẩn thận cất từ tuần báo Văn Nghệ Tp. Hồ Chí Minh trang báo có bài anh viết để nói về bài thơ *Khi Cuộc Chiến Tàn* của tôi mà tạp chí Văn (khoảng năm 1968 – 1969) không giới thiệu tới người đọc được vì một lý do là bài thơ bị Sở Kiểm Duyệt thuộc Bộ Thông Tin Sài Gòn cũ đục bỏ 15 trong số 31 câu của bài thơ. Anh còn không cho tôi được từ chối cái phong bì anh mang từ trên gác xuống có ba mươi ngàn đồng gọi là tiền nhuận bút.

Đó là một lần duy nhất tôi có thể thông thả ngồi uống nước chè xanh, trò chuyện với anh, tại nhà riêng của anh, được nhìn thấy anh trong bộ quần áo bình dị mặc ở nhà và được ngắm nhìn hai bức tranh sơn dầu rất đẹp của họa sĩ Đinh Cường và họa sĩ Rừng mà anh đã treo trang trọng trên bức tường đối diện với salon chúng tôi đang ngồi.

Đọc trong bài anh viết tháng XII.91 và gửi đăng trên báo Văn Nghệ Tp. HCM số 25 (từ 23/01/92 đến 29/01/92), tôi biết là thời gian của mỗi một con người sau bao nhiêu vất vả của đời thường sẽ để lại trong ta rất nhiều điều khi nhớ, khi quên ... Đó là anh đã nhớ trong 10 năm làm Thư ký toà soạn tạp chí Văn, anh đã bao lần được Sở Kiểm Duyệt chế độ Sài Gòn mời lên “để khuyến cáo rằng đừng có đăng thơ văn phản chiến”. Nhưng tôi biết rõ là anh đã quên là mấy lần anh có gặp tôi ở Toà soạn báo Văn, mà tôi còn nhớ rõ: Đó là lần đầu tiên tôi có truyện ngắn *Vết Sẹo* được chọn đăng trên Văn số 59 (p.123 đến p.132 ngày 01.06.1966) và cũng trên trang 2 trong số này (trang dành riêng cho các bậc tiền bối như Đông Hồ, Bùi Khánh Đản, Vũ Hoàng Chương ...) lại đăng bài thơ *Buổi Chiều Ở Sài Gòn* của một hậu sinh như tôi. Khi tôi mang bài mới đến gửi tại Toà soạn, anh Trần Phong Giao đang đứng sau cái bàn làm việc bữa bọn giấy tờ thấy tên tôi trên bản thảo (mà tôi thường viết bằng bút bi trên mặt lưng giấy in ronéo khổ 21×33 của bản tin ngắn do Thông Tấn Xã Việt Nam thời đó phát hành hằng ngày cho các nhật báo), thì anh đã hỏi: “Cậu đấy hả? Lưu Vân đấy à?”. Rồi anh móc trong chiếc cặp da lấy ra hai trăm đồng đưa tôi: “Cậu cũng biết là từ truyện ngắn thứ hai được đăng, toà soạn mới trả nhuận bút. Tiền này là tiền tôi thưởng cho cậu!”.

Thẻ lệ của tạp chí Văn khi chọn bài để đăng thì tôi vẫn biết. Nhuận bút dành cho truyện ngắn thì từ truyện thứ hai được chọn đăng mới có (và hình như cũng chỉ ở mức hai trăm đồng), riêng thơ được đăng là hai tập báo biểu, dù đó là bài được đăng trên báo Xuân. Hai trăm đồng nhận từ tay anh Trần Phong Giao lúc ấy thật vô cùng quý báu mà tôi không thể nào quên, trong khi anh thì không hề nhớ và còn viết rằng “*nhưng tôi vẫn tiếc là chưa gặp mặt tác giả lần nào*” (VN Tp.HCM số 25).

Hai lần khác, tôi đã đến 38 Phạm Ngũ Lão gặp anh theo lời nhắn tin trên Văn: Lần đầu, tôi đến để nhận lại bản thảo truyện ngắn *Đuổi Dù Trái Sáng* để về tự cắt gọt lại khi anh phê bình là

“Cậu viết gì như Lê Xuyên vậy?”. Và lần thứ hai, sau khi truyện ngắn này được đăng, tôi đến để nhận được ba trăm đồng tiền nhuận bút và một cái thư của Hồ Minh Dũng từ Huế viết gửi tôi, có câu: “Tôi và Mùng Mán cũng thường nhìn thấy trái sáng hằng đêm, nhưng không viết được như anh”.

Lâu nay, từ sau ngày anh mất, tuy có nghe nói anh có một người con – hình như là con gái – đã làm việc cho báo Sài Gòn Giải Phóng, nhưng nhiều bạn bè và tôi cũng chưa tìm gặp được để viếng thăm và tìm hiểu thêm tư liệu về một người có nhiều năm gắn bó với văn học miền Nam trong thời chiến.

Và vì nhiều lý do, tôi cũng chỉ biết xin mượn *nguyên văn* câu cuối cùng trong bài viết ngắn của anh Trần Phong Giao về tôi trong bài *Bài Thơ Năm Trước* (VN Tp.HCM số 25 – 01/92) rằng: “*Nay biết đâu nhờ phổ biến rộng rãi mà tôi (được gặp lại hoặc) được cho hay tin về một ‘cố nhân’, nghĩ cũng là chuyện đáng mừng’.*”./-

Mộ hoài độc ẩm

Ly này ta rót mời ta
Chưa uống đã thấy xót xa phận mình
Mới ngày nao tóc còn xanh
Mà nay đã bạc, đã giềnh, đã thừa .

Rót thêm ly nữa mời ai
Chia tay mời bạn cõi ngoài vân du
Cỏ xanh đất mát ngàn thu
Trong hơi gió thoảng ai ru hồn người
Chiều cuối năm lá vàng rơi
Ly này ta rót mời người áo xanh
Lòng mưa ngâu, nắng hong hanh
Vàng rêu mái lá, buồn tênh mây trời .

Ly này, em của ta ơi !
Gươm quặng hổ thẳm, ta mời ta sao ?
Ngựa hồng tung vó trời cao
Áo sông xưa đã giữ vào hư không ...

Lưng trời giọt đại hồng chung
Quyện theo tiếng mõ mịt mùng quạnh hiu
Vô ngôn chiều ngẩn ngơ chiều
Vật vờ trôi giạt con diều đứt dây

Ly này uống nữa thì say
Trồn tà huân cánh én bay về nhà
Một mình ta uống cùng ta
Mộ hoài độc ẩm xót xa phận mình

Mới ngày nào tóc còn xanh .

Đóa hồng trắng không gai

Chiều xuống thật chậm ngoài khung cửa kính. Chút nắng hanh vàng còn vương trên ngọn cây bơ cuối vườn, lẫn trong những chùm hoa lọt. Duy bất chợt nhớ lại lời ông cụ chủ vườn, năm nay cây bơ đậu nhiều trái quá, không biết rồi các cành có chịu nổi không, ông nghĩ xem có cách gì đó... Ông cụ thường bỏ lửng câu nói, không phải vì thói quen mà hầu như muốn để gợi cho Duy nối tiếp câu chuyện. Thêm một tuổi nữa phủ chồng lên mái tóc bạc hẫng, ông cụ vẫn còn dáng dấp khỏe mạnh nhưng một thoáng buồn bã đã lập lòe trong thái độ niềm nở, trong những câu chuyện ân cần.

Dưới thấp, nay dưới bàn viết, mấy luống hồng nở rộ những bông nhiều màu sắc thật lạ. Giữa vườn, cây đào Vân Nam vẫn giữ cái thể rất đẹp nhưng nửa ngọn cây bên trái đã trụi lá, trơ những cành khẳng khiu khô khốc. Ảnh hưởng thuốc khai quang đấy ông Duy ạ, ông cụ đã cố giấu giọng xúc động khi Duy vừa tới, buông vội túi hành trang xuống thềm nhà và đơn dả bước ra khu vườn sau nhà, lúc đó Duy như thấy đau nhói trong lồng ngực và khu vườn, khu vườn thường hiện ra trong những giấc mơ chập chờn dưới kia dường như mất hẳn đi về quỵên rũ thần kỳ. Duy định tìm một câu gì để nói với ông cụ, nhưng chợt thấy mình như hụt hẫng. Chàng quay lại, ngược nhìn lên những chùm hoa ớt leo trên vách và, may mắn quá, cây lựu mọc phía dưới trấu đây bông trái đã cho Duy cơ hội che giấu cơn xúc động nghẹn ngào. Một trái lựu chín nứt vít cong cành cây éo lá lúc nào cũng là hình ảnh thân thiết của tuổi thơ chàng. Khu vườn thênh thang bao quanh ngôi nhà tổ phụ, những trái lựu chín rữa trên cành cây mọc sát bên khuôn cửa sổ phòng ngủ những mùa hè xưa cũ đã mất đi, mất hẳn như tuổi thơ êm ả, như phần đất quê hương yêu dấu mà xa vời cách trở.

Cây mimosa vườn nhà bên không nở một bông, khoảng màu vàng quen thuộc thoáng biến như một trống vắng ngỡ ngàng. Ông cụ nhập ngưỡng, dường như cây mọc lên cao thì khó trở hoa, như người, già đi thì ... Tuổi già, bao giờ thì một người bắt đầu bước vào tuổi già? Với một công chức như ông cụ, có lẽ đó là khi về hưu, khi đã hết tuổi lưu dụng, khi không còn ngày ngày hai buổi tới sở làm một số những công việc quen tay, nhàm chán. Nhưng với một người làm nghề viết lách như Duy thì bao giờ tuổi già sẽ thật sự bắt đầu? Khi đầu óc không còn điều khiển nổi ngòi bút? Khi không còn tham dự nổi vào những sinh hoạt luôn luôn đòi hỏi những gì mới mẻ, đổi thay? Làm nghề các ông tóc mau bạc thật đấy, ông cụ đã có lần nói với Duy giọng ngậm ngùi bên ly rượu đào, những trái đào hái ở vườn nhà ủ men trong bình kín phơi sương trong nhiều năm tháng và chỉ đem uống trong những dịp trọng đại.

Tóc ông thế mà cũng hoa râm rồi, tôi nghĩ âu cũng là cái nghiệp. Cái nghiệp thật đấy ông ạ, như anh Tam trước đây đang vui thú lặn lội trong rừng sâu tìm lan cùng với bọn tôi lại đột ngột bỏ về làm tiếp công việc mà bạn cũ cứ nghĩ là anh đã bỏ hẳn rồi, như anh Văn nữa đấy, cả đời lận đận mưu sinh, về già vẫn không chịu nghỉ ngơi cho khỏe, vẫn đi đây đi đó dạy học, đêm đêm vẫn gắng thức khuya cặm cụi phiên dịch cổ văn, biên khảo sách triết lý. Im lặng hồi lâu rồi rượu khật khừ cất tiếng buồn bã thay lời ông cụ. "*triết lý con cừu, văn chương cóc*", cái nhân của tuổi già mình phải biết hưởng nó, phải biết tránh cái nghiệp, ông Duy ạ, không tránh nó thì nó cọt chặt tay chân trí óc mình lại.



Cành và trái lựu
(Nhà văn Nhất Linh vẽ) (*)

Cây đào này tôi trồng cốt cho đỡ trống khoảng đất này, như một nét chấm cần thiết trong một bức họa có bố cục vững vàng, nó lớn lên thân cứ ngay đơ, cái giống đào này nó thế đấy, nhưng sang năm, chỉ sang năm thôi, nếu bề trên còn cho tôi được sống, ông Duy tới chơi sẽ thấy cây đào này cũng có thể như cây đào ở vườn sau. Ngày giờ của tuổi già phải được dành cho những công việc chăm chút tỉ mỉ như vậy đó. Khách đến chơi, qua đường nhìn vườn khen đẹp, dù thốt ra lời hay chỉ thoáng trong ánh mắt, đó là niềm vui của tuổi già, ít nhất cho những người già được hưởng "đặc huệ" như trong bài báo ông Duy vừa gửi cho. Duy chắc lười như muốn níu kéo chất mật ngọt quyến trong men rượu đang tan dần trên đầu lười, như muốn nói với ông cụ là ít người cầm bút ở nước mình có được tuổi già, nhất là một tuổi già thanh nhàn, nhưng sau một hớp rượu uống tiếp thật vội chàng lại nói chệch đi, cháu ước mau ít năm nữa sẽ thoát được cái nghiệp như cụ vừa nói và sẽ lui về một nơi cô tịch nào đó để vui với cái thanh nhàn mà cụ đang có.

Sương chiều mong manh lãnh đãng như dâng lên từ lòng đất. Không bao lâu nữa mặt kính sẽ mờ tối, màn sương sẽ dày đặc và bao trùm hẳn cảnh vật bên ngoài. Duy khoác thêm tấm áo choàng mở cửa đi ra phố.

Quán rượu vắng khách. Tiếng cánh cửa sắt rít lên làm Duy giật mình buông tờ báo xuống. Kim đồng hồ mới chỉ gần 9 giờ. Còn hơn hai tiếng đồng hồ nữa mới giới nghiêm nhưng đáng điếu những người hầu bàn đã tỏ ra cấp bách, ngưng nghịu trong cử chỉ đuổi khách của họ. Vợ chồng người chủ quán tiến đến bên Duy kéo ghế ngồi xuống và ra dấu cho bồi rót thêm rượu. Người chồng nói, cố ra về ân cần, *tournee du patron* xin mời ông. Người vợ vẻ mặt ủ ê, than thở lợi tức năm nay kém quá, số thu chỉ bằng phân nửa mọi năm, thuế má lại nặng gấp cả chục lần, tối phải đóng cửa sớm vì vắng khách mà cũng vì ngại những ông khách quý ăn uống xong rút một trái lựu đạn giăng mặt trên bàn, trái lựu đạn là dấu hiệu khách đã thanh toán xong tiền ăn rồi đó và chủ quán nên biết điều mà hồi lại số tiền khách trả còn dư, số tiền trả lại đó nhiều ít tùy chủ quán, thực khách vốn hào phóng chỉ xử sự theo đúng luật giang hồ. Người chồng tiếp lời vợ, ở đây khó khăn hơn dưới đó ông ạ, bao nhiêu đất tư ông thấy đấy bị chiếm cứ xây cất bừa bãi, đúng ra việc xây cất ở đây có quy cũ lắm, phải theo đúng đồ án của thị xã, đường nào phải làm nhà cây theo kiểu định sẵn, khu nào được xây cất phố buôn bán, chỗ nào chỉ được phép xây biệt thự, bây giờ ở dưới là trung ương còn dễ chứ ở đây địa phương mạnh tay cũng khó, chắc ông cũng thấy thành phố đã mất đi nhiều vẻ đẹp ngày trước. Duy mỉm cười. Thành phố nào giờ đây chẳng có những khó khăn riêng của nó, những mụn nhọt lở loét phát sinh từ một chứng ung thư hiểm nghèo. Riêng thành phố này, riêng đối với những người mỗi

năm một lần tìm đến, trung thành như kẻ hành hương, thành phố này không còn đẹp nữa một khi nó không còn là nơi trú ẩn, - một nơi trú ẩn cuối cùng, tại sao không? Thành phố này tự đánh mất đi tất cả vẻ đẹp thơ mộng của nó bằng những tràng súng nổ vu vơ, những cảnh phố xá vắng tanh vắng ngắt, những tiếng kéo cửa rít lên chát chúa. Đã suốt buổi tối ngồi đây nhìn qua khung cửa kính, Duy không còn gặp những du khách qua lại rộn ràng~ như mấy năm trước cũng mùa này, những cặp trai gái chung một tấm áo choàng đi dạo dưới mưa sương, những chàng trai nhả nha đêm bước cổ áo bẻ cao với tẩu hay điếu thuốc ngậm lệch bên khoe miệng, và Duy, chàng hầu như tay tửu đồ duy nhất ngồi cô đơn bên những ly rượu muộn màng.

Duy khoát tay từ chối lời mời chào đơn đả của một bác tài. Lên đây, một trong những sinh thú mình phải tận hưởng là đi bộ. Vượt những con dốc bò lên đổ xuống, dò dẫm trên những phiến đá trơn trượt hay băng ngang những lối mòn khuất khúc đã từ lâu quen thuộc.

Duy ghé ngang một quán quen thuộc hỏi mua gói xôi. Cả vùng đồi núi bao la giờ này có lẽ chỉ còn nơi đây là còn sinh hoạt, mấy xe mì phở bánh cuốn cháo xôi đều đông khách. Thực khách ai nấy đều lộ vẻ bồn chồn vội vã nhưng vẫn không ồn ào. Những câu nói ngắn gọn chìm nhanh vào khoảng trống vắng lạnh hút. Một người lính lách qua chỗ Duy đứng tới giăng mạnh cái vỏ chai bia xuống mặt bàn, cho nửa lít nếp than đây. Cô nàng lắc mạnh chai rượu, trút sang chai của người lính rồi lật ngược chỗ phân nửa rượu còn lại trong chai chìa ra cho người lính coi. Anh ta gạt đầu móc túi lấy tiền trả rồi xách chai rượu leo nhanh lên chiếc quân xa vẫn nổ máy đứng chờ giữa đường. Cô hàng quay vào, gói xôi lạ xướng của ông đây đợi lâu quá rồi má. Không có tiếng trả lời. Duy bước lui vài bước, tránh chỗ cho đám khách mới đến kéo ghé ngồi vào xe phở kế bên. Hút tàn thêm một điếu thuốc nữa, Duy mới nhận được gói xôi cùng câu xin lỗi lí nhí trong miệng cô gái có đôi mắt thật sắc. Duy nhét gói xôi vào túi áo và thoáng nghe có chút hơi nóng nhẹ lan vào da thịt. Duy bẻ cao cổ áo, bước những bước đều, chậm. Bóng chàng đổ dài xuống con dốc co ro dưới ánh đèn đường vàng vọt.

Về tới nhà Duy chợt đứng khựng lại. Qua làn kính cửa, bóng ông cụ chủ nhà ngồi thật im, nghiêm trang và thành khẩn bên hang Chúa hài đồng. Cả căn phòng rộng chỉ được soi sáng bằng ánh đèn nhấp nháy của dây bóng nhỏ nhiều màu giăng quanh máng cỏ. Tiếng nhạc Giáng Sinh từ nhà bên vọng sang dường như từ máy truyền hình đài Mỹ, một ban hợp ca nào đó đang hợp xướng một bản thánh ca hùng tráng nhiều bè quần quýt lấy nhau đưa đẩy lẫn nhau mỗi lúc một lên cao, cao vút.



Bìa báo Văn Hóa Ngày Nay
(Nhà văn Nhất Linh vẽ) (*)

Duy rón rén bước vòng ra phía cửa sau. Chàng tới cái bàn kê trong gian bếp mở gói xôi ra ăn. Từ sáng tới giờ, có lẽ đây là món ăn đầu tiên được lùa vào bao tử Duy. Hăng máy bay đường như đã cố tình quên bữa điểm tâm của chuyến bay sớm và Duy đã ngủ ngon lành qua bữa ăn trưa. Gói xôi tuy kém dẻo cũng đã trở thành quá ngon quá nhỏ. Duy đánh răng rửa mặt thật nhẹ nhàng như e sợ khẽ khua động bầu không khí u trầm thanh khiết của căn nhà đang chìm đắm trong những thanh âm lằng lằng trong vắt. Chàng nhẹ nhàng vào phòng thay quần áo và rót một ly rượu (*tôi biết ông kém ngủ, rượu này tôi ép nguyên trái mắc-mác, có nhiều chất passiflore, ông dùng thử xem ngủ có ngon không*) ngừa cổ nốc một hơi dài. Rồi chàng chui nhanh vào trong lớp chăn dày, tắt nốt ngọn đèn nhỏ nơi đầu giường. Chút dư vị của ly rượu còn đọng trên đầu lưỡi chua chua và lạt lẽo khiến Duy có cảm tưởng mình vừa uống thuốc. Chàng muốn ra phòng ngoài uống một hơi rượu mạnh cho trôi đi chút dư vị khó chịu đó, nhưng sau rốt chàng vẫn nằm yên trong chăn, không phải vì ngại lạnh nhưng vì e sợ sẽ khua động cơn trầm tư của ông cụ, một sự trầm tư hiển nhiên là thanh thản và biết đâu không ngập tràn hạnh phúc, hạnh phúc như một ân sủng tại sao không? Duy đặt hai tay lên ngực, biết và tin

chắc là đêm nay mình sẽ ngủ thật ngon, không cần những viên thuốc màu hồng, không cần men rượu mạnh, không cần tiếng nhạc lu và không cần ngay cả đến những trang sách với những hàng chữ in chạy dài, nối đuôi nhau chạy dài chạy mãi về một nơi nào vô tận.

Duy thức giấc khi chợt chờn thoáng nghe thấy tiếng nước róc rách, tiếng chim chóc truyền trên các cành cây và từ đâu xa, thật xa, có tiếng động cơ rì rào vọng lại. Ánh dạ quang trên kim đồng hồ chỉ 5 giờ 30, đúng giờ chàng thường giật mình thức giấc như mọi ngày dưới kia. Ở đây thì còn quá sớm để tung chăn vùng dậy, quá sớm và quá lạnh, nhưng rồi trần trọc mãi Duy cũng không tài nào níu kéo được giấc ngủ dở dang. Duy đốt ngọc bạch lạp gần sẵn trên mặt bàn nhỏ đầu giường. Ánh nến lung linh hư ảo vừa đủ để Duy nằm nghiêng đọc nốt bài báo bỏ dở hồi trưa. Bài báo thuật lại những bí ẩn ở hậu trường chính trị thời Tổng thống Kennedy, một chi tiết trong bài làm Duy tỉnh ngủ hẳn, cái lệnh rút một ngàn cố vấn và binh sĩ Mỹ ra khỏi Việt Nam trước cuối năm 1963, mở đầu cho chính sách tìm cách thoát khỏi cuộc chiến, một cuộc chiến mà Hoa Kỳ sẽ không thể sử dụng những tiềm năng nguyên tử, trên miền đất Á châu xa vời và quá đông dân số, cái lệnh nghe theo lời khuyên của hai vị danh tướng MacArthur và De Gaulle đã là một trong những nguyên nhân khiến cho Kennedy bị thăm sát tại Taxes.

Vốc nước tấp lên mình lạnh như băng giá (*hàn thử biểu dường như xuống tới 5 độ đêm qua*) toàn thân Duy run lên. Chàng tắm rửa vội vã, choàng thêm áo ấm, ngồi vào bàn xoa tay nhìn đợi từng giọt cà phê chậm chạp rót xuống ly. Ngoài vườn chưa có nắng, cửa kính còn ướt đẫm sương khuya. Tiếng chuông nhà thờ từ sườn đồi bên kia vọng tới, tiếng chuông chiêu dương hay chuông tan lễ sớm Duy cũng không rõ nữa, nhưng tiếng chuông gọi Duy nhớ ra bữa nay là sinh nhật một người bạn gái. Năm ngoái, cũng ngày này, Duy đã định leo lên máy bay trực thăng bay ra dự lễ sinh nhật của người bạn đó, nhưng cứ nghĩ đến cái thị trấn duyên hải nhập tràn nắng lửa, chấp chùng cát trắng là Duy lại nản. Giờ này không biết cô bạn đang làm gì. Rất có thể nàng đang ngồi cô đơn bên tách cà phê sớm ngoài hiên nhà hàng La Frégate rục rờ nắng mai ven bờ biển, chuẩn bị cho một ngày chắc chắn là bận rộn. Pha xong tách cà phê, đốt lên điều thuốc đầu ngày, Duy rút tờ giấy đặt ngay ngắn trước mặt. Duy có ý định gửi tới cô bạn đang hiện ra trong tâm tưởng chàng, thăm thiết và gần gũi, những lời chúc tụng nhiệt thành nhất. Thật chậm chạp, Duy đặt bút viết nắn nót: thân mến. Có tiếng gõ bên ngoài cửa kính. Duy đặt bút đứng lên. Ông cụ chủ nhà đứng dưới mé vườn dùng cán cuốc gõ lên mặt cửa. Ông Duy, xuống đây ông, tiếng gọi lọt qua khe cửa hé mở vội vàng. Duy khoác thêm tấm áo choàng, bước xuống. Nét hờn hờ lộ rõ trên khuôn mặt ông cụ. Ông xem, cây cổ đầu có vô tình, ông lên chơi chẳng phải chỉ mình tôi vui thôi, ông xem, cây hồng này... Duy nhìn theo bàn tay nhăn nheo, một đoá hồng trắng vừa nở, nổi bật giữa những bông hoa khác màu, cùng giống. Duy vui lây niềm vui của ông cụ, ngồi xuống bên gốc hoa. Cây hồng sao lạ quá, toàn thân không một cái gai. Giống lạ này chẳng hiểu ông cụ đã tốn công phu chuốc tận đâu về. Duy thấy xúc động lạ lùng, ngồi nán bên gốc hoa khá lâu cố ý đợi ông già bỏ đi chỗ khác, tránh không để ông trông thấy cặp mắt mờ đục của chàng.

... Đêm nay, trên tấm bánh sinh nhật hẳn sẽ có thêm một ngọn nến. Tôi muốn thay thế ngọn nến đó bằng bông hồng trắng không gai vừa nở trong vườn nhà. Nhưng làm thế nào để gửi bông hồng tới.



Lan Thanh Ngọc
(Nhà văn Nhất Linh vẽ) (*)

Lá thư viết dở để trên mặt bàn từ sáng. Cho tới buổi chiều, khi nắng hanh vàng rút dần lên ngọn cây bơ cuối vườn, khi sương chiều như đang chậm chạp toát lên từ lòng đất, Duy đã mấy lần xuống vườn với cây kéo nhỏ trong tay. Duy định cắt bông hồng trắng bỏ vào bao thư nhờ người chuyển tay tới cô bạn nơi xa thay một tặng vật, một lời chúc mừng sinh nhật nàng. Nhưng sao Duy không làm được việc đó. Lưỡi kéo nhập ngừng trên cọng hoa như ngăn Duy đừng làm một việc trẻ con, có ai đó một dịp nào đó đã trách Duy như vậy. Không còn lãng mạn được nữa, Duy bước vào tuổi già rồi sao? Tuổi già rồi sẽ ra sao? Sẽ là những buổi sớm mai lười lỉnh nằm vui trong chăn nệm? Những buổi trưa bắc ghế ngồi hong nắng ngoài hiên? Những buổi chiều nhẩn nha nhổ cỏ tìm sâu? Những buổi tối khật khừ bên những ly rượu nhạt nhẽo ép từ hoa trái để dỗ dành giấc ngủ, giấc ngủ, ước vọng sau cùng của con người khi không còn được mơ mộng để thoát ly dù trong khoảnh khắc những thực tại phủ phàng, khi bị trói tay xô đẩy tới trước khoảng trống vắng hắt hiu sâu thẳm những mịt mù bóng tối.

Duy cúi xuống nhắc túi hành trang, quay lại nắm thật chặt bàn tay ông cụ. Sang năm thế nào ông Duy cũng gắng lên chơi ít ngày đây nhé. Thừa cụ vắng, cháu còn biết đi đâu nữa nếu không lên đây sống gần cụ ít ngày, Duy bâng khuâng trả lời, không tin hẳn ở điều mình nói.

Ra tới gần cổng, Duy ngoái cổ nhìn lại. Dưới thấp, bông hồng trắng vẫn còn ẻo lả trên đầu ngọn vườn cao lẻ loi dài các lung linh trong cụm nắng vàng lách qua tàn lá cây đào dọi trắng xuống. Như một ánh đèn sân khấu, ánh đèn sân khấu năm nào dọi xuống đôi dòng lệ trên gò má nàng ca sĩ về chiều. Như một tiếng hát tạ từ, tiếng hát nghẹn ngào nào đã tắt từ lâu nhưng dư âm còn vang vọng trong hồi tưởng, một hồi tưởng bất chợt thoáng lướt vội vàng.

Khi ra khỏi cổng nhà, nhét hành trang vào taxi xong, Duy quay lại khép hai cánh cổng nhẹ nhàng cẩn thận. Bất chợt Duy nhận ra đã từ nhiều năm qua đây là lần đầu tiên chàng làm công việc đó. Chậm rãi bước lên xe, Duy dập mạnh cánh cửa xe lại.

Bánh xe lăn nhanh đẩy xa một ý tưởng bấu chặt lấy tâm trí Duy, ý tưởng về một tuổi già tới sớm. Thành phố lùi dần lại phía sau, cánh rừng thông trải dài trước cửa kính xe. Trong ánh nắng chan hòa, cảnh vật sao như mờ hắt đi, như bị bọc trong một màn khói sương lãnh đặng vật vờ. Duy buồn bã gỡ mắt kính ra lau, thẳm nhủ, ta bước vào tuổi già thật rồi sao? Tuổi già đến dễ dàng như vậy sao? Như người ta phải thẳm đếm những ly rượu đã uống? Cẩn thận rừ

một lớp bụi đọng trên thân áo? Nhẹ nhàng khép một cánh cửa lại phía sau lưng? Muôn vàn hình ảnh chập chờn trước mắt giao động trong hồn, tuổi già mới thoáng hiện mà sao đã mông lung và buồn bã lạ, mông lung buồn bã như một tiếng hát lênh đênh ngày một phai tàn những thanh âm réo rắt, như một ráng chiều mây đỏ ngày một lụi sâu trong sương gió nhập nhòa, hay như một định mệnh, ừ, sao lại không, như một định mệnh khó lòng chối bỏ.

(Tạp chí Tân Văn số 11, Tháng 6-2008)

Vài kỷ niệm về Trần Phong Giao Trần Dõn Nho

Trước hết, xin đọc một đoạn văn, trích từ tiểu thuyết “Mùa Biển Động” của Nguyễn Mộng Giác: *Giữa hai đống giấy cao ngất cạnh lối hẹp đi ra sau là cái bàn gỗ nhỏ. Một người đàn ông tóc cắt ngắn mặc sơ mi trắng cụt tay đang chăm chú đánh máy. Ông đánh chậm bằng hai ngón trỏ, mắt đăm đăm nhìn vào từng chữ một. Ngữ đến trước bàn mà người đàn ông chăm chỉ vẫn không hay biết. Chàng lúng túng, gặng chờ cho ông ta đánh máy xong một hàng, đẩy cần máy chữ sang hàng khác, mới lên tiếng:*

-Anh cho tôi hỏi thăm, ông chủ bút đã tới chưa?

Người đàn ông nghe được câu Ngữ hỏi, nhưng vẫn chăm chú tiếp tục công việc. Ngữ không thể đoán được ông ta có khó chịu vì bị quấy rầy hay không. Chỉ thấy ông hỏi:

-Có việc gì gấp không? Bài vở hay trị sự quản lý?

-Cũng không có việc gì gấp. Tôi vừa ở Pleiku xuống. Ông chủ bút có viết thư nhắn là có dịp về Sài Gòn, nhớ ghé chơi. Thế thôi!

Người đàn ông ngừng đánh máy, ngừng lên. Đôi mắt ông nhìn thẳng cổ làm ra vẻ nghiêm trọng, nhưng Ngữ lại nhìn thấy ở đó sự mệt mỏi, thờ ơ. Ông hỏi:

-Anh tên gì?

Ngữ khó chịu như đang bị tra vấn. Chàng đáp cộc lốc:

-Ngữ.

-Cái gì Ngữ?

Ngữ không chịu đựng thêm được nữa. Giọng chàng run lên vì giận:

-Anh cho tôi gặp ông chủ bút!

-Tôi là chủ bút đây!

Ngữ bị bất ngờ, khựng lại.

(“Mùa Biển Động,” tập 4, trang 859-860)

Nhân vật “người đàn ông” trong đoạn văn trên, tuy là hoàn toàn hư cấu, nhưng qua đó, tôi lại nhìn thấy phản ảnh một nét khá điển hình của nhà văn Trần Phong Giao. Chả là vì, tôi cũng đã từng có cùng một kinh nghiệm khi lần đầu tiên gặp người tổng thư ký tòa soạn này của tờ tạp chí Văn ngày nào.

Đó là năm 1969. Tôi từ Huế vào đi học và đi làm ở Sài Gòn, trọ ở đường Phát Diệm, cách tòa soạn Văn khoảng chừng hơn cây số. Hôm đó, lần đầu tiên đến tòa soạn báo Văn – thực ra, chỉ là một cái phòng nhỏ nằm sát lề đường Phạm Ngũ Lão, bệ bộn giấy tờ, sách báo – trong tâm trạng hồi hộp, tôi gặp một người đàn ông đang chăm chú nhìn lên cái bàn máy chữ nhỏ, gỗ lóc cộc.

Nghe tiếng tôi chào, người đàn ông vẫn cắm cúi làm việc, dường như chẳng hề biết có người đang đứng sát bên. Khi nghe tôi hỏi xin được gặp ông thư ký tòa soạn, thì người đàn ông đáp, trong lúc vẫn không rời bàn máy chữ, “Cậu cần gặp có việc gì?” Tôi nói tên, tưởng là ông sẽ

ngừng đánh máy, quay đầu lui, chào hỏi, nhưng không, ông chỉ nói: “Thế à!” một cách dửng dưng và... vẫn tiếp tục làm việc.

Chán nản và bối rối, tôi chào ra về. Lúc này, ông ta mới ngẩng mặt lên nói: “Khi nào rảnh, nhớ ghé chơi.” Tôi rời tòa soạn báo Văn và người chủ bút Trần Phong Giao trong một cảm giác hụt hẫng đến gần như tuyệt vọng.

Bực thì bực, nhưng vẫn ghé, vì tòa soạn nằm trên đường đi về hàng ngày. Dần dà rồi cũng quen thân. Biết tính anh, tôi chỉ ghé khi nào thật cần và thường là vào buổi chiều khi anh sắp nghỉ việc. Thỉnh thoảng, ít việc, anh rủ tôi ra chợ Thái Bình nằm ngay trước tòa soạn, uống nước, chuyen gẫu.

Có lần anh rủ tôi về căn nhà nhỏ ở dưới chân cầu Kiệu, đường Hai Bà Trưng để uống rượu. Tóm lại, tôi được gặp một Trần Phong Giao hoàn toàn khác, thân tình, chu đáo, và đầy thiện chí.

Chính Trần Phong Giao này là người đã tạo cơ hội cho tôi bước vào làng văn.

Tôi thích viết từ nhỏ. Gửi hết báo này đến báo nọ, chẳng ai thèm đăng. Cho đến lần đó, khoảng giữa năm 1968, tôi được toại nguyện... hụt. Số là trong một số báo Văn, phần nhắn tin cho tôi, tòa soạn cho biết: Ban Tuyển Đọc đã chọn truyện “Dấu Tích Đồi” để đăng, nhưng đáng tiếc là truyện có nhiều chi tiết không thể lọt qua được lưới kéo kiểm duyệt, những chi tiết mà nếu bỏ đi thì truyện sẽ không còn đứng vững, tòa soạn mong bạn gửi cho sáng tác khác.

Một lời nhắn tin rất ngắn, nhưng rất dài đối với tôi. Tôi vừa cảm thấy sung sướng vừa thất vọng và ảm ức. Trong lúc tôi cặm cụi cố viết một truyện khác, thì bất ngờ làm sao, chừng hai tuần sau đó, tôi nhận được thư từ tòa soạn Văn, một lá thư đánh máy rất cẩn thận với cái “logo” báo Văn ở đầu trang. Thư ký tòa soạn Trần Phong Giao “vui mừng” báo cho biết là, bằng một cố gắng riêng, ông đã được sở kiểm duyệt cho “đi” truyện ngắn “Dấu Tích Đồi.”

Không lâu sau đó, “Dấu Tích Đồi” – kể chuyện một bà mẹ tưởng con gái mình đi làm ăn lương thiện để nuôi mình, cuối cùng khám phá ra là cô dối mẹ, hành nghề mại dâm với lính Mỹ – xuất hiện trên Văn 121, số kỷ niệm Đệ Ngũ Chu Niên, phát hành vào đầu năm 1969.

Với truyện ngắn đó, tôi bắt đầu được anh xếp vào hàng ngũ “những cây bút trẻ,” nhóm từ mà cho đến bây giờ nghe lại, vẫn cảm thấy nao lòng, vì nó nhắc nhở đến những buồn vui thời tuổi trẻ. Nếu không có sự quan tâm của anh, có lẽ nó sẽ không được đăng. Và nếu không được đăng, không biết tôi còn đủ tự tin tiếp tục viết và gửi để chỉ thấy tên mình nằm dài dài trong hộp thư tòa soạn! Sau đó, thì hầu như truyện nào tôi gửi cho Văn cũng được “qua cầu.” Và (tôi nghĩ, biết đâu) nhờ có mặt trên Văn, truyện và các bài viết khác của tôi cũng đã dễ dàng xuất hiện trên một số báo văn học khác như Văn Đè, Bách Khoa, Khởi Hành và cả tạp chí Đối Diện. Tóm lại, “Dấu Tích Đồi,” hiểu theo một nghĩa nào đó, thì như một cái vé vào cửa “văn giới” đối với tôi.

Như Trần Hoài Thư nhận xét, ít có tờ báo văn học nào ở Sài Gòn thời đó mà quan tâm nhiều đến những cây bút trẻ đang cầm súng chiến đấu trên các chiến trường như Trần Phong Giao.

Tôi còn nhớ, có lần anh cho biết là đã nhờ người quen trong Tổng Tham Mưu kéo Y Uyên – lúc đó đang ở một đơn vị chiến đấu ngoài mặt trận ở Tuy Hòa – về Sài Gòn hay về một hậu cứ an toàn nào đó. Nhưng đáng tiếc là, một thời gian ngắn trước khi nhận được giấy chuyển, Y Uyên đã tử trận đầu năm 1969.

Để tưởng niệm nhà văn tài hoa bạc mệnh này, Trần Phong Giáo thực hiện ngay một số tưởng niệm Y Uyên, số 129, ấn hành vào Tháng Ba, 1969. Đó là một số báo khá dày, với sự đóng góp của nhiều bạn văn và nhà biên khảo. Với sự động viên của Trần Phong Giao, tôi viết bài “Khuôn mặt chiến tranh trong tác phẩm Y Uyên,” phân tích cách mô tả chiến tranh trong các

truyện ngắn của anh. Tất cả tiền nhuận bút của số báo này đều được các tác giả đồng ý gửi về cho gia đình Y Uyên để làm tấm bia mộ cho anh, gọi là chút tấm lòng của những bạn văn đối với người quá cố.

Ngoài việc trông coi tờ Văn, Trần Phong Giao còn là chủ biên của một tạp san khác: Tân Văn, nguyệt san nghiên cứu, phê bình và sáng tác, phát hành đồng thời với tờ Văn, chủ yếu nghiêng về biên khảo. Biết tôi cũng thích viết tiểu luận, anh mời tôi viết bài thường xuyên cho tạp san này.

Tôi cảm thấy vinh hạnh vì được tin cậy, nên nhận lời. Và viết ngay bài điểm sách “Một Cách Buồn Phiền,” tác phẩm đầu tay của Lê Văn Thiện, bút hiệu là Văn Lệ Thiên), in trên Tân Văn số 13, Tháng Năm, 1969. Văn Lệ Thiên là một cây bút trẻ (cũng là lính) thường xuất hiện trên Văn, do tạp chí Văn vừa xuất bản lúc đó. Anh giục tôi viết thêm, nhưng tôi ham sáng tác, lại bận bịu việc học, việc làm nên hứa hoài hứa mãi mà không có thêm bài nào. Sau đó, tôi phải trở về Huế dạy học, rồi nhập ngũ. Đến năm 1971, Trần Phong Giao chia tay với nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, tờ Văn chuyển qua Nguyễn Xuân Hoàng và Tân Văn thì đình bản. Đành thôi!

Từ đó, tôi không gặp lại Trần Phong Giao cho đến năm 1985. Vào thời gian này, sau khi đi ở tù về, tôi thường hay ra vào Sài Gòn chạy vạy kiếm sống. Hôm đó, trong khi đi lang thang trong khu chợ trời Huỳnh Thúc Kháng, tôi tình cờ gặp anh ở một quán cà phê vỉa hè. Cùng đi với anh là ông Lê Ngô Châu của tạp chí Bách Khoa. Trông anh buồn bã và chán nản. Chúng tôi chỉ trao đổi dăm ba chuyện mưa nắng thời tiết, rồi thôi.

Đó là lần cuối tôi gặp Trần Phong Giao. Theo lời anh Nguyễn Khiêm, trong một bài báo trên Người Việt, “Tưởng nhớ Trần Phong Giao,” anh mất Tháng Tư, 2005, ở Sài Gòn vì ung thư đại tràng.

Tham khảo:

-Nguyễn Khiêm, “Tưởng nhớ Trần Phong Giao,” Người Việt, ngày 3 Tháng Tư, 2017

Phụ đính :



Tạp chí Văn

Bán nguyệt san Văn ra số đầu tiên vào ngày 1.1.1964 với chủ đề “Tuyển tập thơ văn”.

Số cuối cùng phát hành ở Sài Gòn mang tên Giai phẩm Văn có phần đặc biệt : “Văn học và nghệ thuật Việt Nam ở hải ngoại”.

Trong giai đoạn đầu, Văn do ông Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm, thư ký tòa soạn Trần Phong Giao. Năm 1972, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng thay Trần Phong Giao trong vai trò thư ký tòa soạn. Một năm sau, 1973, Mai Thảo về Văn cùng với Nguyễn Xuân Hoàng trông coi Văn. Năm 1974, do nhu cầu đời sống, Nguyễn Xuân Hoàng rời Văn, một mình Mai Thảo làm tiếp đến 30.4.1975. Đến năm 1982, nhà văn Mai Thảo cho tục bản tạp chí Văn tại Mỹ. Năm 1996, sau số 158&159 tháng 1&2, 1996, do tình trạng sức khỏe, Mai Thảo trao tạp chí Văn lại cho nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng làm chủ bút. Tháng 9, 1996, Nguyễn Xuân Hoàng ra tờ Văn số 161 cho đến Văn số 163 tháng 12, 1996. Đầu năm 1997, Nguyễn Xuân Hoàng ra Văn số 1, bộ mới. Năm 2008, tờ Văn số 125-129 cho tháng Giêng, Hai và Ba 2008 số đặc biệt về họa sĩ Thái Tuấn [tranh Đình

Cường] và bài vở đã tập trung lay out chuẩn bị đưa nhà in, nhưng vì lý do tài chính và nhiều việc ngoài lề khác, Nguyễn Xuân Hoàng đành cho đình bản tờ Văn.

Một vài ghi nhận của Nguyễn Chí Kham

Số 1 Văn ra mắt đầu Xuân năm 1964. Số báo ra mắt qui tụ rất nhiều nhà văn nổi tiếng miền Nam qua các thế hệ, và đã bán hết số lượng phát hành ngay trong tuần lễ đầu. Độc giả đón nhận hết sức nồng nhiệt, nhất là giới sinh viên, học sinh.



Số 2, bắt đầu bình thường với số trang hơn một trăm. Số 2, tưởng niệm nhà văn Pháp Albert Camus. Trong số này, có một bài viết quan trọng của Jean Paul Sartre: *Cắt nghĩa cuốn L'Étranger* (L'explication de l'étranger). Bài này, được ông Nguyễn Minh Hoàng dịch và chú giải đầy đủ. Hai truyện ngắn rất đặc sắc rút trong tập *Lưu Đày và Quê Nhà*. Truyện thứ nhất, *Người khách trọ* (L'hôte) Trần Phong Giao dịch, truyện thứ nhì *Người đàn bà ngoại tình* (La femme adultère) Vũ Đình Lưu dịch. Giáo sư Nguyễn Văn Trung dạy trường Đại Học Văn Khoa viết bài *Những tình bạn dang dở*, trong bài này, giáo sư nói đến sự liên hệ rời đoạn giao giữa Jean Paul Sartre với Albert Camus và Merleau Ponty. Một bài tiểu luận khác nữa rất sâu sắc của một nhà phê bình Pháp có tựa: *Camus, kẻ đánh cá với cuộc đời*.

Khi đảm nhận tờ Văn, anh Trần Phong Giao chủ trương dành cho lớp độc giả hiếu học ham đọc, ưa suy nghĩ. Rồi lần lượt, mỗi kỳ nửa tháng, những số tiếp nhau ra đều đặn và báo Văn luôn được độc giả đón nhận. Ở miền Trung, số lượng phát hành khá lớn đến 4000 số, mỗi gia đình công chức cũng đã chọn hai tờ Văn và Bách Khoa làm món ăn tinh thần hàng tháng trong gia đình. Đọc Văn, yêu thích thơ văn. Đọc Bách Khoa, mở mang thêm kiến thức tổng quát.

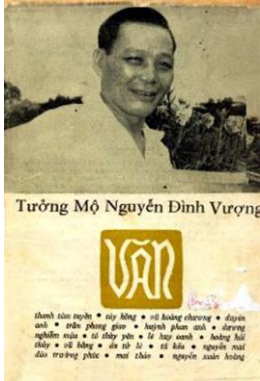
Số 6, tuyển tập những cây bút trẻ. Nói là trẻ ở đây, thực ra, các nhà văn ở lứa tuổi trên ba mươi cũng đã thành danh. Trong số này, nhiều truyện ngắn hay: Duyên Anh, *Con Sáo Của Em Tôi*. Lê Tất Điều, *Vùng Đất Khô*. Thế Uyên, *Vấn Đề*, đặc biệt một truyện vừa rất đặc sắc *Hồi Chuông Tắt Lửa của Thế Nguyễn*. Truyện chiếm gần 42 trang báo in chữ véronèse thân 8. Nội dung rất đơn giản, chuyện kể một vị linh mục có đứa con hoang, nhưng cách kể chuyện kín đáo, bí mật, bằng một bút pháp lạnh, xám, đầy dự tính trong cơn mưa và bóng tối.

Số 14, tưởng niệm văn hào Nhất Linh trong ngày giỗ đầu. Số báo đặc biệt này đã gây xúc động cho văn giới và toàn thể độc giả qua những bài viết của Bác Sĩ Nguyễn Hữu Phiếm, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, nhà văn Vũ Khắc Khoan, nhà thơ Vũ Hoàng Chương, và hồi ký Người Bác của nhà văn Thế Uyên là người cháu gọi Nhất Linh bằng cậu.

Số 17, giới thiệu nhà văn triết gia Jean Paul Sartre với sự đóng góp những bài tiểu luận và phiên dịch của giáo sư Trần Thiện Đạo, nhà văn Huỳnh Phan Anh, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng.

Số 18, đề tài chiến tranh trong văn chương.

Số 20, giới thiệu nhà văn phi công Pháp Saint Exupéry.



Bìa một số Tạp chí VĂN

Chỉ mới qua một năm đầu vớ 24 số báo, tạp chí Văn đã tạo được uy tín và sự tin cậy cho lớp độc giả trung lưu, trí thức. Sự xuất hiện của Văn cũng còn được coi là đại diện cho văn học miền Nam, trên từng số báo này, mỗi năm càng có nhiều sự đóng góp lớn những tên tuổi làm nên văn học miền Nam. Quy tụ ở đây có đủ các nhà văn ba miền Vũ Hoàng Chương, Đông Hồ, Vũ Bằng, Lê văn Trương, Nguyễn Mạnh Côn, Võ Phiến, Linh mục Thanh Lãng, giáo sư Nguyễn Văn Trung, Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền, Thảo Trường, Vĩnh Lộc, Văn Quang, Phan Du, Võ Hồng, Đặng Tiến, Trần Thiện Đạo, Tô Thùy Yên, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Minh Hoàng, Vũ Đình Lưu, Nguyễn Đình Toàn, Tuấn Huy, Viên Linh, Đỗ Quý Toàn, Phạm Công Thiện, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Ngọc Biên, Dương Nghiễm Mậu, Thanh Nam, Phan Lạc Phúc, Phan Lạc Tiếp, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Mộng Giác, Tạ Ký, Trần Dạ Từ... Về các nhà văn nữ, có Túy Hồng, Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Nhận định của nhà thơ Du Tử Lê:

"Tại miền Nam, sau giai đoạn mở đường, gieo những hạt mầm văn học vạm vỡ của các tạp chí Sáng Tạo, Hiện Đại, Văn Nghệ, Thế Kỷ 20..., là giai đoạn trồng, gặt những mùa gặt văn học sung mãn, bội thu, với các tạp chí Bách Khoa, Văn Học và Văn (tính từ thời điểm đầu thập niên 1960 tới tháng 4 năm 1975)".

Nhà nghiên cứu lý luận Vương Trí Nhàn đã có cái nhìn rất trung thực và xác đáng:

"Sự chia sẻ của chúng tôi với văn học đô thị miền Nam còn là ở hai điểm. Thứ nhất sự chi chút gia tài văn học quá khứ. Không có các anh trong ấy bao năm gìn giữ, Hàn Mặc Tử chẳng hạn, rồi Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương không thể trọn vẹn như ngày nay. Thứ hai, sự tiếp nhận văn học nước ngoài từ các lý thuyết văn học tới các tác giả cụ thể. Các tạp chí ở Sài Gòn đã làm công việc này một cách tự nhiên và cuộc hội nhập với thế giới mà các bạn trẻ đầu thế kỷ XXI này đang làm là tiếp tục đi theo cái mạch đó".

Và: *"...nó mở ra cho chúng tôi một chân trời mới về kiến thức văn học và thức dậy những ham hố phiêu lưu".*

(http://www.giaodiemonline.com/noidung_detail.php?newsid=2481)

"Có lẽ thế và còn hơn thế, vai trò của tạp chí Văn cũng như các tạp chí văn học nghệ thuật khác ở Miền Nam những năm trước 1975 trong việc gìn giữ và tạo dựng nên một nền văn học phong phú và đa dạng cần được nhìn nhận một cách chính đáng trong kho tàng văn học chung của

một Việt Nam thống nhất."

Có thể nói chỉ trong hai mươi năm hiện diện, chế độ Miền Nam đã có những thành tựu rực rỡ, nhất là về mặt văn học với những tạp chí và tác phẩm lừng danh. Xét riêng về các tạp chí văn chương, nếu như Sáng Tạo đã làm công cuộc khai phá, gieo những hạt mầm vạm vỡ (chữ của Du Tử Lê) đầu tiên, thì Văn và Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật, Thời Tập... đã gieo trồng và có những mùa gặt bội thu. Điều này Miền Bắc đã không làm được. Và đây chính là niềm hãnh diện và tự hào của tất cả chúng ta.

Hành trình của Tạp chí Văn

&

Văn số cuối cùng trước tháng 4/1975

Nguyễn & bạn hữu

(Nguồn: Hợp Lưu)

Chỉ trong vòng 10 năm hiện diện -từ tháng 1.1964 đến tháng 3. 1975, tạp chí Văn đã quy tụ và làm sáng giá hàng trăm cây bút trẻ, gồm những người vừa cầm bút vừa cầm súng trên khắp Miền Nam. Theo nhà văn Lưu Văn viết trên báo mạng Da Màu, thì *"những người viết trẻ miền Nam thừa ấy, khi có bài được chọn đăng trên tạp chí Văn là có thể coi như đã khẳng định được mình, bởi chỉ có ở tạp chí Văn mới có một Ban tuyển đọc tác phẩm (có lẽ là ba nhà thơ hay nhà văn thành viên) đọc và chọn đăng các sáng tác của rất đông những người viết gửi về cộng tác."*

Về tên tuổi của đông đảo các tác giả trẻ này, nhà văn Nguyễn Chí Kham ghi nhận:

"Từ tỉnh đầu giới tuyển đến Sài Gòn, đến miền Đông, miền Tây đã có:

- Quảng Trị: Phan Phụng Thạch, Thạch Nhân, Sương Biên Thùy

- Huế: Trần Doãn Nho, Hồ Minh Dũng, Trần Dạ Lý, Lê Bá Lăng, Thái Ngọc San, Lê Văn Ngăn, Lữ Quỳnh, Mường Mán, Ngụy Ngữ, Hoàng Hạ Lan, Hoàng Ngọc Tuấn, Huỳnh Hữu Ủy, Lê Nhược Thủy, Yên My, Trần Yên Du, Trần Đình Sơn Cước, Võ Quê.

- Đà Nẵng: Nguyễn Nho Sa Mạc, Chu Trầm Nguyên Minh, Phương Tấn, Luân Hoán, Thành Tôn, Hà Thúc Sinh.

- Hội An: Thái Tú Hạp, Đinh Trầm Ca, Hoàng Thị Bích Ni.

- Tam Kỳ: Huy Tường, Tần Hoài Dạ Vũ, Nguyễn Nhật Ánh, Trần Hoài Thư.

- Quảng Ngãi: Hà Nguyên Thạch, Mê Cung, Phan Nhự Thức, Vương Thanh.

- Qui Nhơn: Trần Phiên Ngung, Đặng Tấn Tới, Võ Chân Cửu.

- Tuy Hòa: Nguyễn Lệ Uyên, Trần Huyền Ân, Hoàng Đình Huy Quan, Mang Viên Long, Cảnh Cửu.

- Nha Trang: Phạm Chu Sa, Văn Lệ Thiên.

- Phan Rang: (không nhớ)

- Phan Thiết: Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Thị Ngọc Minh.

- Pleiku: Kim Tuấn, Lâm Hào Dũng."

Thật ra, tạp chí Văn không chỉ là nơi xuất hiện và tinh luyện ngòi bút của lớp nhà văn trẻ, mà cả những nhà văn đã thành danh từ tạp chí Sáng Tạo cũng nhờ diễn đàn này mà trở nên hiển lộ. Ta có thể kể ra đây một số tên tuổi: Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Trần Thanh Hiệp nhờ có Văn mà trở nên sáng giá và được nhiều người đọc, yêu mến. Điều này dễ hiểu: Thời Sáng Tạo, các tỉnh Miền Nam chưa có Trung Học Đệ Nhị Cấp thì lấy ai thường thức văn học mới, hiện sinh. Đúng như Nguyễn Chí Kham nhận định: "Tạp chí Văn đã xuất hiện đúng lúc, đáp ứng nhu cầu độc giả học sinh, sinh viên. Vào thời điểm của Văn, hầu hết các tỉnh lớn nhỏ ở miền Nam đã bắt đầu có trường trung học Đệ Nhị Cấp, Huế và Đà Lạt còn có thêm trường Đại Học nên số độc giả tăng và giá trị văn chương được xét đoán đúng tầm mức của nó."

Với tạp chí Văn, một thời đại văn học đã qua và còn ghi dấu. Sau đây, chúng ta sẽ cùng nhà thơ Vũ Trọng Quang nhìn lại tờ Văn số cuối cùng trước tháng 4. 1975. Bài viết hết sức đặc sắc, cho ta cái nhìn về một số tác giả thời báo Văn và cả sau này, do đó tỏa ra nỗi ngậm ngùi sâu lắng. Xin mời đọc bài của Vũ Trọng Quang:

"Tôi và nhà thơ Trần Hữu Dũng hiện lưu giữ khoảng 200 số tạp chí Văn, nói không phải "khoe", đó là một số lượng không phải nhỏ. Có người gạ mua với giá cao, nhưng tôi không bán, bạn tôi tiến sỹ khảo cổ Nguyễn Thị Hậu yêu đồ cổ nói bán làm gì; dĩ nhiên có thể copy lại để lưu giữ, tuy vậy đọc bản chính vẫn sướng hơn.

Với số lượng tạp chí nhiều như thế, sẽ không đếm hết, nên tôi chọn số phát hành 26/3/1975 (tạp chí này không có số thứ tự, vì thời điểm ấy chế độ miền Nam, chỉ cho xuất bản Giai Phẩm), trước để biết dấu ấn về tọa độ thời gian, sau tò mò xem các tác giả bày tỏ gì trong ấy; đây là số cuối cùng mà Văn đã bị làm xong nhiệm vụ lịch sử. Bìa 1 trình bày toàn chữ rất đơn giản rõ ràng, màu thời gian tác động lên bìa sách chữ còn chữ mất, chữ đỏ phần đặc biệt Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam Ở Hải Ngoại khiêm nhường, không biết có ý phong cách hay dự báo vội vã.

Nơi bìa trang 2 ghi: Sáng lập: NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG; Chủ trương: MAI THẢO; Quản lý: NGUYỄN THỊ TUẤN (lúc này nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng thôi làm thư ký tòa soạn). Ở phần mục lục: Phần Đặc Biệt về Văn Học Nghệ Thuật VN ở Hải Ngoại: Phòng vấn giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, nữ ký giả Minh Đức Hoài Trinh, nữ sỹ Mộng Tuyết, họa sỹ Trần Đình Thụy; Phần Văn Xuôi có văn của Mai Thảo, Võ Phiến, Trùng Dương, K.T. Mohamed, Lê Huy Oanh, Mùng Mán; Phần Thơ có thơ của Nh. Tay Ngàn, Bùi Đức Long, Trần Hồng Châu, Ngô Cang, Tạ Hiền (tôi chú ý tới tay viết mới này); và các phần Sinh hoạt văn nghệ, Hộp thư, Ấn phẩm mới. Ở phần văn xuôi là Nhật Ký của Mai Thảo ghi mềm mại những sự việc từ 15.2.75 đến 20.3.75, đọc lại vẫn bồi ngùi, bút pháp đậm thắm đầy lãng mạn, xin trích phần cuối của nhật ký "... Đêm vẫn còn là nhiều so với thời kỳ giới nghiêm sau Tết Mậu Thân. Hệ thống kẽm gai cấm đường ném chi chít trên những mặt nhựa Sài Gòn hồi đó từ 6 giờ chiều. Phố xá vắng ngắt lúc chưa tàn nắng...". Còn Võ Phiến tiếp tục loạt bài Chúng Ta Qua Tiếng Nói với tiêu đề Tiếng Nói, Một Phương Tiệm? Võ Phiến bao giờ cũng vậy, kỹ lưỡng, câu chữ chắc chắn chi tiết chặt lọc; nhà văn Trùng Dương có truyện ngắn Ngoài Bãi, bây giờ nữ văn sỹ đã ở ngoài bãi bên kia Thái Bình Dương; nhà văn Ấn Độ K.T. Mohamed với truyện ngắn Đôi Mắt Mùa Xuân do nhà thơ Hoàng Trúc Ly chuyển ngữ; nhà văn Lê Huy Oanh nhận định Bùi Giáng Nguồn Cảm Hứng trong Thơ Việt (sau khi đã nhận định hai cõi thơ Nguyên Sa và Nhã Ca): "Bùi Giáng đập phá bằng cách

đùa cợt những tư tưởng cổ truyền, bằng cách đùa cợt chính ông, bằng cách bôi lem thớ, làm xô lệch ngôn ngữ..."; và truyện ngắn Mùa Sẻ Còn Dài của "nhà văn trẻ" Mường Mán, bây giờ nhà văn không còn trẻ nữa ấy vẫn tiếp tục cầm bút lại cầm thêm cọ vẽ kiêm chủ quán món Huế tại Phú Nhuận. Ở Phần Thơ thì khởi đầu là thơ của Nh. Tay Ngàn trải những bài thơ tự do dài viết ở Paris, vẫn ám ảnh hình bóng Liên Mà thương quá em Liên, năm 1988 Phạm Công Thiện viết cuốn Đi Cho Hết Một Đêm Hoang Vu Trên Mặt Đất nói bạn tôi (tức Nh. Tay Ngàn) mất tháng 1/1978 tại Paris, bây giờ sau 33 năm Thiện cũng ra đi khỏi trần ai, không biết có "Đi cho hết một đêm hoang trên mặt đất" tại thế để vào cõi khác không? Có thể rời Ngày Sanh Của Rắn tiến hóa ngụy trên mình Rồng vu vi vào cõi vô thường thời gian không? Ngày 8/3/2011 Phạm Công Thiện đi, tôi có mấy dòng:

Tự nhận thiên tài độc nhất của Việt Nam
không ai cạnh tranh
đám giao cấu mặt trời thủ dâm thượng đế
đám đồng mở toang cánh cửa háo hức đứng nhìn
đập vỡ đôi kính cận thầy mô phạm khoa bảng
đọc Heidegger bằng máu và nước mắt
ta bà qua sông tìm vô ngã
bảy mươi một tuổi trẻ không về
bởi đó Phạm Công Thiện

(Thi Vũ cũng cho biết Tay Ngàn mất vào tháng năm ấy, có làm bài thơ tiễn: Tay Ngàn/Khuya nhíp về đầu/Rừng thiêng vỡ một/ngán/sầu/rụng/hai/Nay theo bước nhỏ còn ai/Ta hơ tro cũ/tay dài diu em, không biết nơi vô cùng Ngàn có ngàn trùng đi tìm Nỗi Liên đến tới vô cùng không?). Kế đến là mười câu thơ lục bát của Bùi Đức Long, bài thơ này sau được tác giả chọn vào tập thơ in riêng; còn Trần Hồng Châu là một bài tự do dài đầy nhịp điệu liên kết với thơ vẫn, mang dáng dấp cổ phong Em đi đến uẩn chuyển mộng vân đài; với Ngô Cang (nhà thơ gốc Huế, hiện nay đang lận đận sinh kế) cũng mười câu lục bát; và sau hết là một giọng thơ mới TẠ HIỀN, giới thiệu sáu bài thơ tự do, tôi rất thích và đồng ý với nhận định lời mở rất trân trọng của nhà văn Mai Thảo dành cho người viết mới: Những người trẻ tuổi bắt đầu làm thơ nên bắt đầu ngay bằng thơ tự do. Nghĩa là một bắt đầu mạnh bạo, đường hoàng, ở ngoài mọi kiến trúc tiền chế, hay là do tôi làm thơ tự do nên đồng cảm, bây giờ không biết Tạ Hiền ở đâu...

Phần Sinh hoạt văn nghệ: Thông tin Trùng Dương viết truyện phim; triển lãm tranh Đinh Cường tại Viện Văn Hóa Pháp Sài Gòn; đề cập đến cuốn Quần Đảo Gulag của nhà văn Nga Solzenitsyn bị trục xuất khỏi đất nước mình, và hồi ký của tướng độc nhãn Do Thái Moshe Dayan hồi ức chiến thắng cuộc chiến 6 ngày tại Trung Đông tháng 6-1967 cùng thất bại chua chát của Do Thái trong cuộc chiến 10-1967; tường thuật việc Duyên Anh, Hoài Bắc, Mai Thảo ra Đà Nẵng; giới thiệu đêm nhạc và thơ tại Cần Thơ. Phần Hộp thư, chú ý thấy dòng trả lời bạn mình "Trần Hữu Dũng: sẽ đăng một phần", nhưng cái gọi một phần ấy không bao giờ xuất hiện, vì sau cái ngày cuối tháng 4/75 tạp chí Văn không hiện hữu, mới đây hỏi Trần Hữu Dũng có giữ bài thơ làm kỷ niệm chăng? Dũng nói mất rồi; ngược lên trên thấy câu trả lời "Trần Hoài Thư: Nhận được báo và nhuận bút rồi chứ? Mùa Luân Lạc đã tới", nhưng luân lạc tới đâu rồi hỏi Trần Hoài Thư? Trong Phần giới thiệu Ấn Phẩm Mới thấy có giới thiệu Tập san văn nghệ Vỡ Đất do hai nhà thơ Nguyễn Thái Dương và Ban Bội Bổng chủ trương, số 2 và đương nhiên là số cuối cùng, với sự góp mặt của nhiều tên tuổi: Trần Hoài Thư, Lương Thái Sỹ, Mang Viên Long, Đặng Tấn Tới, Mịch La Phong...Giới thiệu Vỡ Đất chợt nhớ ở mục Ấn Phẩm Mới số tháng 3/1973 có giới thiệu: " THƠ VŨ TRỌNG, thơ của Vũ Trọng Quang, Văn Nghệ Động Đất xuất bản, sách in roneo dày 50 trang, không ghi giá", nghĩ hồi ấy mình hồn nhiên sáo ngữ và sáo rỗng, lấy tên xuất bản cho kêu, giờ bàng hoàng thảm họa động đất sóng thần vừa qua ở đất nước mặt trời, khủng khiếp quá. Và ủa lạ vậy? tại sao chỉ có Thơ Vũ Trọng mà thiếu chữ

Quang, không biết do người phụ trách sơ sót viết thiếu hay do thợ sắp chữ sắp đặt lơ đễnh lơ là, thấy cũng vui vui.

Từ giai phẩm Văn trước tháng 4/1975 tôi lại lan man chuyện nọ xọ chuyện kia suy nghĩ hội tụ về hiện tại, dòng sông thời gian có thể dài dòng thời gian vật lý tích tắc, kéo theo dòng chảy chuyển biến lịch sử; nhớ câu thơ của Chinh Yên "Cách nhau mỗi ngày là mỗi lạ"; có những việc không tưởng tượng nổi trực trái đất chao đảo trong vũ trụ giạt mình, thảm họa tại Nhật Bản; văng vẳng câu nói của Jean Paul Sartre: "Trước cái đói của trẻ em Phi Châu, cuốn Buồn Nôn của tôi vô nghĩa"; trước sự việc địa chấn chấn động thế kỷ, những dòng này hạt cát nhỏ bé, rất vô cùng nhỏ bé." Vũ Trọng Quang

Tạp chí Văn, một thời tôi tới Cao Thoại Châu

Thơ tôi đăng trên báo khá muộn so với tuổi tôi. Bài thơ đầu tiên lại là một bài lấy cảm hứng từ nghề nghiệp, tâm trạng một thầy giáo thời chiến tranh đang leo thang lấp ló cửa ngõ các thành thị miền Nam. Năm 1963 Tạp chí VĂN đăng bài "*Chỗ ngồi của nhà giáo thời chiến*" đồng thời cũng là VĂN đã bóc tem bút danh Cao Thoại Châu của tôi.

Khi chọn báo để gửi, tôi đã nghĩ tới tờ VĂN lúc đó vốn có tiếng là chọn bài nghiêm ngặt, chọn địa chỉ này tôi nghĩ mình có thể khẳng định được chỗ đứng nhanh chóng hơn nếu mình thật sự có tài và có duyên nợ với thi ca. Và những gì diễn ra sau đó cho thấy suy nghĩ của tôi là đúng. Tất nhiên cảm giác của tôi vào một buổi chiều trong thị xã miền biên giới là rất lâng lâng khi ghé mua tờ VĂN thấy có bài của mình. Cảm tưởng này còn được gia cố thêm khi vài ngày sau đó tôi nhận thư của toà soạn ký Trần Phong Giao. Trong thư, anh Giao tỏ ra chăm sóc tôi và tin tôi có thể đi xa hơn. Và cũng qua thư, tôi hiểu tờ báo này "trọng dụng" những cây bút trí thức và...lính!. Thư đó và những thư sau, Trần Phong Giao hay gọi tên thực của tôi, hình như đó là kiểu của anh.

Điều tôi lưu ý tiếp theo với VĂN lại là cách làm việc giao tiếp phát hiện và trân trọng với cộng tác viên của người thư ký toà soạn. Từ bài thứ hai của mình, tôi không còn nằm trong "Những bài mới nhận được" mà là một vài dòng nhắn riêng của anh Giao, làm cho tôi có cảm giác mình không còn xa lạ với tờ báo nữa. Từ năm 1963 đó cho đến khi miền Nam có chủ mới, bút danh của tôi trở thành quen thuộc của tờ VĂN và điều này có nghĩa một sự quen thuộc của những người viết lúc bấy giờ.

Một tờ báo làm được cây cầu cho một tác giả đi vào nghiệp viết như VĂN đã làm, theo tôi là một tờ báo có trách nhiệm với văn chương.

Có điều là, trong từng ấy năm tôi chỉ gặp anh Giao có 2 lần. Lần thứ nhất vào năm 1972 khi tôi chạy theo đoàn người di tản khỏi Pleiku trong mùa hè đỏ lửa về Sài Gòn. Trần Phong Giao nhắn tôi đến nói là có việc cần. Một người ngăm ngăm đen và to con lúc nào cũng thấy hít dầu gió, tiếp tôi. Là người ít nói không quen những giao tiếp văn nghệ nhưng tôi thấy Trần Phong Giao còn ít nói hơn. Vừa làm việc anh vừa nói dường như chỉ một câu thăm hỏi gia đình ra sao trên đường di tản. Trao cho tôi một phong bì, anh nói "Nhuận bút của cậu đó", tôi hiểu vì thời ấy thơ không có nhuận bao giờ. Có thói quen khi làm việc không chia sẻ nên tôi chào anh mà về sau chỉ khoảng 15 phút.

Lần thứ hai tôi gặp anh là sau 1975, lúc tôi tìm lại những bài thơ trên VĂN để chuẩn bị in "Bản Thảo Một Đời". Quả đúng là con người mẫn cán và ngăn nắp, anh cho tôi coi đủ những số báo mà tôi cần, còn nhắc tôi những bài tôi không nhớ ra. Anh nói *"Hai bài Mời em uống rượu" và "Để nhớ lúc Trâm xa" là hai bài thơ hay*, đó là lần duy nhất tôi được nghe Trần Phong Giao nói về thơ mình. Hôm ấy hai anh em nhìn nhau hơi có phần tâm trạng khi ngồi ở một cái quán nhỏ tại Đakao, anh đãi tôi thịt dê và lần đầu tiên tôi biết tới thịt của con vật đầy tai tiếng này.

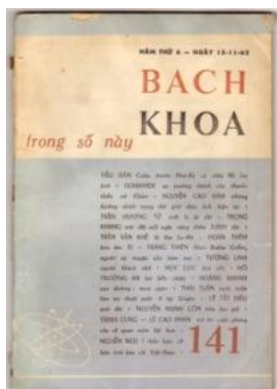
Lúc nhìn tủ sách nhà anh thấy những tờ VĂN xếp thẳng thớm trong tủ tôi thấy lòng mình có một cái gì đó như là bụi ngùi nhận ra đã hết hẳn những ngày tháng cũ trước làn sóng mới trùm phủ lên những người viết gọi là của Sài Gòn cũ. Một tờ báo khẳng định được tôn chỉ của mình, khẳng định được báo cho ai và do những ai viết như tờ VĂN, theo tôi là một tờ báo làm một cách tròn trịa vai trò của nó. Tôi còn nhớ, những lần đi chấm thi ở các tỉnh miền Trung thấy giới trẻ ở đó dường như coi VĂN là một cái đích mà họ phải đến, họ nhìn những ai có bài đăng trên đó như là...người thành công! Những người viết thuở đó còn đến hôm nay chắc sẽ hài lòng khi tôi nói chúng ta hầu như đều đi qua cái "cửa" VĂN này.

Giờ thỉnh thoảng đi qua con đường cũ thấy không còn dấu tích vật chất nào của tờ VĂN, những lúc như vậy tôi tự nhiên nghĩ tới những dấu tích văn chương của nó để lại hết sức lớn lao. Và làm sao mà lòng tôi không khỏi ngậm ngùi! *"Thiên niên cự thất thành quan đạo/ Nhất phiến tân thành một cổ cung"*, và *"Những người muôn năm trước/ Hồn ở đâu bây giờ"*. Người xưa viết chẳng có sai một chút nào!./

Trần Phong Giao, người gác cửa văn học, tạp chí Văn Du Tử Lê

Hiệp định Geneva được ký kết năm 1954, đưa tới sự chia đôi nước đất nước, tôi nghĩ, không chỉ là một dấu mốc lịch sử quan trọng mà, nó cũng là một dấu mốc lớn của nền văn học Việt Nam nữa.

Ở lãnh vực văn học, tính từ thời điểm đó, tới biến cố tháng 4-1975, miền Bắc không hề có sinh hoạt văn học. Cách khác, theo cách nói, của nhà văn nổi tiếng miền Bắc, nhà văn Nguyễn Ngọc (1) thì, nó chỉ là một nền "văn chương minh họa," phục vụ chế độ tùy nhu cầu mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ. Chính vì vậy mà sự xuất hiện (dù rất ngắn ngủi,) của mấy số báo Nhân Văn, Giai Phẩm ở Hà Nội, đã trở thành một biến cố văn học lớn, gây xáo xạc, chấn động văn giới cũng như chế độ cộng sản miền Bắc. Dư âm của biến cố được gọi chung là "Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm" đó, đến nay, vẫn còn được nhắc nhở, cào, xới như một vết thương chưa hề mọc da non, chưa hề liền miệng.



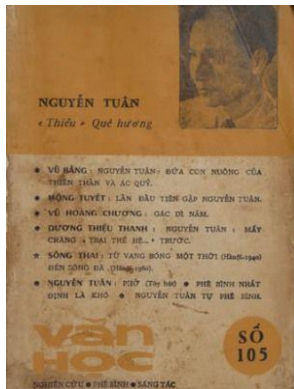
Trong khi đó, tại miền Nam, sau giai đoạn mở đường, gieo những hạt mầm văn học vạm vỡ của các tạp chí Sáng Tạo, Hiện Đại, Văn Nghệ, Thế Kỷ 20..., là giai đoạn trỗi, gặt những mùa gặt văn học sung mãn, bội thu, với các tạp chí Bách Khoa, Văn Học và Văn (tính từ thời điểm đầu thập niên 1960 tới tháng 4 năm 1975.) (2)

Trong số 3 tạp chí văn chương vừa kể, thì tạp chí Bách Khoa có niên kỷ cao nhất. Bách Khoa do nhà văn Huỳnh Văn Lang sáng lập. Sau, họ Huỳnh giao toàn quyền việc điều hành cho ông Lê Ngọc Châu. Ông Lê Ngọc Châu không phải là nhà văn, cũng không hề là nhà báo. Ông chưa

từng viết một bài báo nào trong suốt thời gian trông nom tờ Bách Khoa. Nhưng theo người sáng lập, nhà văn Huỳnh Văn Lang, thì ông Lê Ngô Châu là người có khả năng điều hành và, dung hòa mọi phe phái (3.)

Phụ trách phần nội dung cho Bách Khoa (tòa soạn ở đường Phan Đình Phùng,) có thể kể các nhân vật chính như Võ Phiến, lo văn xuôi; Xuân Hiến, chọn thơ, Nguyễn Ngũ Í lo phỏng vấn, phóng sự.

Tạp chí Văn Học, (tòa soạn ở đường Lê Văn Duyệt, cũng là nhà in của ông Dương Cự?) do ông Phan Kim Thịnh đứng tên chủ nhiệm, có được sự tiếp tay tích cực về phương diện bài vở của nhà thơ Dương Kiền.



Tạp chí Văn (tòa soạn ở đường Phạm Ngũ Lão, cũng là nhà in Nguyễn Đình Vượng,) do ông Nguyễn Đình Vượng đứng tên chủ nhiệm. Phần nội dung, bài vở được giao do nhà văn Trần Phong Giao toàn quyền, trách nhiệm.

Phong cách hay nếp sinh hoạt của ba tạp chí có tuổi thọ đáng kể kia, trong sinh hoạt 20 năm văn chương miền Nam Việt nam có nhiều điểm khác biệt.

Nếu tòa soạn Bách Khoa là nơi lui tới của những nhà văn, nhà thơ đa số lớn tuổi, nghiêm túc, nặng tinh thần công chức, lễ giáo, như các ông Nguyễn Hiến Lê, Tạ Ty, Đoàn Thêm, Nguyễn Văn Trung, Trần Ngọc Ninh...; thì, sinh hoạt tại hai tòa soạn Văn Học và Văn, có phần

trẻ trung hơn. Là phụ tá, phụ trách bài vở cho Văn Học, nhưng nhà thơ Dương Kiền, vì công việc tại văn phòng luật sư riêng của mình, nên hiếm khi ông có mặt tại tòa soạn. Chủ nhiệm Phan Kim Thịnh lại thường xuyên... chạy ngoài, nên tòa soạn cũng... thường xuyên vắng người. Khách biên đình, anh em văn nghệ phương xa về Saigon, ghé thăm Văn Học, nhiều khi đi tới, lui cả chục lần, không gặp ai, ngoài mấy chiếc bàn phía ngoài và, nhóm thợ in với máy móc, bên trong. Lại nữa, họ Phan vốn hiếu khách, nên anh chị em văn nghệ nào gặp hên, “tóm” được chủ nhiệm; thì, ông thường kéo khách qua mấy ngôi quán gần tòa soạn, uống nước. Ngược với tòa soạn Văn Học, tòa soạn Văn không nhưng luôn luôn có... người mà, còn có tới hai, ba người một lúc, nữa.

Ở Việt Nam trước đây, tất cả các cơ sở thương mại, văn phòng dường như không có thói quen treo bảng ghi giờ mở / đóng cửa. Do đó, tôi không biết giờ mở / đóng cửa của tạp chí Văn. Nhưng kinh nghiệm cá nhân cho thấy, nếu có việc phải ghé lại tòa soạn trong khoảng thời gian từ 8 tới 11 giờ sáng, từ ngoài nhìn vào, tôi luôn thấy thầy cò Gia Tuấn, ngồi nơi chiếc bàn thứ nhất, với cặp kính trắng dày cui, hiếm khi rời mắt khỏi xấp bản vở (4.) Kế tiếp, cũng cùng một cung cách cúi xuống, cặm cụi trước đồng bản thảo, hoặc dán mắt vào chiếc máy chữ to đùng, là thư ký tòa soạn Trần Phong Giao. (Nếu Gia Tuấn “mảnh khảnh” vóc dáng con... cò bao nhiêu, thì họ Trần chắc chắn, đậm người bấy nhiêu.) Nơi bàn thứ ba, cũng là chiếc bàn trong cùng, trước khi chạm vách ngăn phần nhà in bên trong, là chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng. Ông là một thứ “bon papa” của nhiều cộng tác viên Văn.

Tứ thời áo len (do suyễn kinh niên,) với nụ cười không bao giờ biến mất trên gương mặt phúc hậu, cởi mở, chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng là mặt khác của thư ký tòa soạn Trần Phong Giao. “Papa” Vượng tỏ ra nhân từ, dễ thương bao nhiêu, thì với những ai mới gặp “Trần Phóng,” Trần Phong Giao, lần đầu, sẽ thấy ông là hiện thân của một thứ... “Cùng hung, cực ác” bấy nhiêu (5.)

Chú thích:

(1) Nhà văn Nguyên Ngọc, trong thời gian giữ vai trò tổng biên tập tạp chí Văn Nghệ, tiếng nói của Hội Nhà Văn Việt Nam, ở Hà Nội, là người phát hiện, giới thiệu với độc giả nhiều cây bút mới, sau này nổi tiếng như Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Hoài...

(2) Tôi không nhắc tới vài tạp chí văn chương khác, như Nghệ Thuật, Văn Đền, Văn Chương... (dù những tạp chí này cũng xuất hiện trong thập niên 1960 ở miền Nam,) vì thời gian hiện diện ngắn ngủi; hoặc không gây được một chú ý đáng kể nào (như tạp chí Văn Hữu - cơ quan ngôn luận của Hội Văn Hóa Á Châu.)

(3) Sinh thời, thi sĩ Nguyên Sa từng kể, cũng như từng viết xuống rằng, tòa soạn Bách Khoa là nơi gặp gỡ một cách “vui vẻ, thoải mái” của các nhân vật chính trị như Phạm Ngọc Thảo, Vũ Hạnh..., khuynh hướng cộng sản, Trần Ngọc Ninh, Đoàn Thêm..., khuynh hướng quốc gia; Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung..., khuynh hướng trung lập...

(4) Trước khi máy computer ra đời, công việc in ấn rất nhiều khê! Thoạt tiên, người thợ sắp chữ phải gấp từng mẫu tự đúc chì, to nhỏ tùy size chữ, xếp ngược, rồi đánh đai hay khuôn lại theo khổ ấn định, gọi là bát chữ. Sau đó, người thợ phải dùng những tấm giấy ẩm nước, đập vào bát chữ đã lẫn mực, để những dòng chữ hiện ra, xuôi chiều. Những tấm giấy có chữ này, gọi là bản vổ. Thày cò sẽ sửa lỗi chính tả trên những bản vổ đó. Những công đoạn này tái diễn nhiều lần, cho tới khi bản vổ không còn lỗi chính tả.

(5) Ngoài bút hiệu Trần Phong Giao, thư ký tòa soạn đầu tiên của tạp chí Văn, còn có bút hiệu thứ hai, là Trần Phong. Thời gian Văn ra đời, cũng là thịnh thời của phong trào đọc chuyện chường Kim Dung. Một trong những dịch giả được ưa thích là ông Tiền Phong - Từ Khánh Phụng. Ông này gốc người Hoa. Tên ông đọc theo âm Trung Hoa là “Sìn Phóóng.” Và, “Trần Phóóng” mau chóng trở thành “nickname” của Trần Phong Giao, được một số anh em văn nghệ thân thiết với họ Trần, gọi... sau lưng ông.

Tôi mượn hình ảnh một nhân vật “Cùng hung cực ác” trong chuyện Chường của Kim Dung, để thậm xưng về “ngoại hình” của nhà văn Trần Phong Giao, Thư ký tòa soạn đầu tiên và, lâu đời nhất của Tạp chí Văn, Sài Gòn, những năm đầu thập niên 1960. Lý do, với bất cứ anh chị em văn nghệ nào, không biết mặt ông, dù ở đâu về, hỏi gặp ông, ông đều chối ông không phải là Trần Phong Giao. Chẳng những lạnh lùng, đôi khi, ông còn xẵng giọng nữa. Tuy nhiên, một khi đã quen biết, Trần Phong Giao lại cho thấy ông là người rất quý bạn và, quan tâm tới những buồn, vui riêng của mỗi người.

Giải thích cung cách ứng xử lạnh lùng của mình, ông nói, nếu không thế, ông không có đủ thì giờ để hoàn tất công việc của thư ký tòa soạn một tạp chí có số lượng phát hành lớn nhất miền Nam Việt Nam thời đó.

Công việc của họ Trần, không đơn giản trong phạm vi nội dung, bài vở, chủ đề (cho mỗi số.) Nó cũng không chỉ là công việc liên lạc xin bài, đi lấy bài của những tác giả muốn có mà, cùng lúc, mỗi ngày, ông phải đọc hàng trăm thư độc giả, hàng trăm sáng tác, biên khảo, dịch thuật của các tác giả khắp nơi, để quyết định sẽ đăng hay, loại bỏ.

Mỗi số, với bút hiệu Thư Trung, ông phải viết tin sinh hoạt văn học nghệ thuật, tường trình cùng độc giả. Lại nữa, ở lãnh vực sách xuất bản, với bút hiệu Mỏ Làng Văn (6,) ông cũng phải chọn ra để điểm một số tác phẩm tiêu biểu.

Công việc cực nhọc, tẻ nhạt nhất (nhưng cho thấy khó có một thư ký tòa soạn nào, có thể làm được một cách bền bỉ, kiên nhẫn hơn,) đó là việc trả lời thư độc giả, thư văn hữu. Tôi cho việc làm này của Trần Phong Giao là sợi dây liên kết thân ái nhất, giữa tòa soạn Văn và bạn văn, độc giả.

Khi báo in xong, chiếu theo danh sách, Trần Phong Giao cũng là người viết tên, đề địa chỉ, bỏ báo biểu vào những phong bì lớn, in sẵn logo, gửi cho các cộng tác viên. Với những tác giả có bài đăng tải trong số báo mới đó, họ Trần chia thành 2 loại.

Loại thứ nhất, những tác giả được trả tiền nhuận bút, dù thơ hay văn. Loại thứ nhì, những tác giả chỉ được biểu báo. (7)

Nếu cư ngụ tại Saigon, bạn có thể đến thẳng tòa soạn vào những ngày 1 và 15 mỗi tháng, để nhận tiền và báo, mà, không cần phải báo trước. Suốt bao nhiêu năm ở vai trò Thư ký tòa soạn Văn của Trần Phong Giao, tôi chưa thấy một bạn văn nào than phiền, chất vấn ông, về tác quyền của họ.

Song song với 2 số báo Văn, mỗi tháng, nhà văn Trần Phong Giao còn trông nom nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng và, tủ sách Văn Uyên, sau đổi thành Tân Văn (8.)

Với bề ngoài lạnh lùng, thường xuyên gây bất mãn cho những người tìm kiếm mình tại tòa soạn, nhưng khó ai có thể phủ nhận tấm lòng ưu ái đặc biệt của nhà văn Trần Phong Giao với lớp người viết trẻ, (nhất là những cây bút miền Trung.)

Rất nhiều cây bút trẻ thời đó, sau này nổi tiếng, nhờ hoặc từ ngôi nhà tạp chí Văn mà, người canh cửa chính là ông “mặt sắt, đen sì” Trần Phong Giao.

Trong danh sách đầy, đặc, gồm những người hiện ở hải ngoại, hay quê nhà; những người còn sống, hoặc đã chết, thành danh từ tạp chí Văn, chúng tôi xin kể một số tên tuổi tượng trưng như: Trần Hoài Thư, Hà Thúc Sinh, Hồ Minh Dũng, Trần Dạ Lê, Nguyễn Lương Vy, Mùng Mán, Ngụy Ngữ, Cao Thoại Châu, Lâm Chương, Nguyễn Huy Tường, Đĩnh Trâm Ca, Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Thạch, Lâm Hào Dũng, Vũ Hữu Định, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, vân vân...

Dù đã trên dưới bốn mươi năm, kể từ ngày nhà văn Trần Phong Giao rời khỏi vai trò Thư ký Tòa soạn bán nguyệt san Văn và, 4 năm sau ngày chết của ông (9,) nhà văn Trần Hoài Thư (10,) trong một bài viết nhan đề “Trần Phong Giao và những người viết trẻ,” in trong tạp chí Thư Quán Bản Thảo (11,) tập thứ 35, đề tháng 2 năm 2009, đã viết như sau:

“Thời ấy, thời những năm 60, nói đến văn học miền Nam là nói đến nhóm, là phải nhắc đến Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ 20 v.v... Những đề tài thì quanh quẩn những hiện sinh, nôn mửa, làm mới văn học, hay viết về những kinh nghiệm bản thân về một chủ nghĩa là Cộng sản mà họ đã trải qua... Họ sống ở thủ đô, ít hiểu, ít chất liệu để nói về con quái vật chiến tranh và những hệ lụy của nó (...)

“Riêng những người viết trẻ thì không những lãnh phần đánh giặc, chết thể mà còn tự nguyện lãnh thêm những xấp giấy nhét trong ba lô hay túi áo trận có khi dính đầy máu. Và khác với những quan chức văn nghệ phòng trà, mang bộ đồng phục mà viết về ca sĩ, vũ nữ v.v... thì các người viết trẻ phải viết trong điều kiện:

“Viết thư thăm ông sau cuộc hành quân biên phòng, kéo dài suốt 20 ngày trong rừng đầy muỗi, lạnh và vắng rừng.”

“Ở đây thiếu thốn nhiều phương diện. Ngay như báo chí. Đôi khi tờ báo hàng ngày xuất bản ngày 10 thì đến 20 chúng tôi mới được đọc. Còn nói gì đến những tập san văn học nghệ thuật?”

(T.L. thư từ Dakto ngày 12 tháng 12 - 1970. Vấn Đề số 45 tháng 4-71.)

“May mắn trong thế giới ấy, chúng ta có một Trần Phong Giao của Văn.

“Có thể nói, trong thời chiến, không một người viết trẻ nào lại không nhớ đến cái công tìm tòi, khai phá những tài năng mới của tạp chí Văn, mà thơ ký tòa soạn Trần Phong Giao (TPG) là người đầu tàu.”

“Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một đức tính hiếm quý mà chúng tôi đã tìm thấy ở ông, dù ít khi chúng tôi có dịp gần gũi với ông.

“Nhớ lại trong vài lần từ vùng hai về phép, ghé ngang tòa soạn Văn, thăm ông, thấy ông với gương mặt lạnh lùng, họa hoàn lăm mới thốt vài câu thăm hỏi, sau đó, lại tiếp tục cúi xuống bàn máy chữ, thì thấy lòng hơi bất mãn.

“Vây mà trên tạp chí Văn, ở mục trang Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật, dưới bút hiệu Thư Trung, ông luôn viết về chúng tôi, đề cập đến chúng tôi, và cất lời thống thiết vì chúng tôi. Thật khó tìm một tạp chí có người thư ký tòa soạn lại chú tâm về cuộc hành trình của những người mang màu áo đồng phục như chúng tôi như thế. Nhờ Văn mà chúng tôi tìm đến nhau, và biết tin nhau dù chúng tôi luân lạc tứ phương...”

Chú thích:

(6) Bút hiệu Mỡ Làng Văn là bút hiệu chung của một số cộng tác viên mật thiết với Văn, khi Trần Phong Giao nhờ những người này, làm công việc điếm sách thay ông. Nhưng ông thường thêm, bớt, trước khi đăng tải.

(7) Dù thơ hay văn, tiền nhuận bút được tính theo trang. Dĩ nhiên, nhuận bút mỗi trang bài, sai biệt tùy theo tên tuổi từng tác giả. Sự trân trọng đối với thi ca của tạp chí Văn, ngày xưa, là một điếm son lớn.

(8) Sự khác biệt giữa nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng và tủ sách Tân Văn ở chỗ: Sách của nhà Nguyễn Đình Vượng được in trên giấy trắng, bìa dày, bắt định kỳ - Trong khi sách của tủ sách Tân Văn bìa mỏng, ruột in giấy báo, xuất bản hàng tháng, sách dày trên dưới 100 trang. Mục đích bán với giá rẻ và, cho thợ in có thêm việc làm.

(9) Nhà văn Trần Phong Giao từ trần tại Saigon, ngày 12 tháng 4-2005, thọ 70 tuổi, nếu tính theo năm sinh 1935.

(10) Nhà văn Trần Hoài Thư hiện cư ngụ tại tiểu bang New Jersey. Cùng với Phạm Văn Nhàn, ông chủ trương tạp chí văn học nghệ thuật Thư Quán Bản Thảo. Từ năm 2006 đến 2007, sau khi về hưu, có thì giờ, ông đã sưu tập, chủ biên “Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam.” Tới nay, tủ sách này đã ấn hành được những bộ sách như “Thơ miền Nam trong thời chiến,” tập 1 và 2 - Cộng chung dày trên 1,500 trang quy tụ trên 400 tác giả. Riêng năm 2008, ông sưu tầm và ấn hành các bộ “Thơ Tự Do Miền Nam,” “Thơ Tình Miền Nam,” “Lục bát một thời Việt Nam.” Tất cả những bộ này đều dày trên 600 trang, quy tụ nhiều trăm tác giả miền Nam. Có thể đặt mua qua Tòa soạn Thư Quán.

(11) Tạp chí Thư Quán Bản Thảo xuất bản 2 tháng 1 lần. Không bán. Muốn có, xin vui lòng liên lạc qua địa chỉ: Thư Quán, P.O.Box 58, South Bound Brook, NJ 08880; hoặc E-mail: tranhoaithu@verizon.net

Tôi không biết sau tôi, nhà văn Mai Thảo có nói với ai khác, về việc ông bị “khép tội” chủ trương phong trào văn chương “viễn mơ”? Với tôi thì không. Sau lần nói chuyện với nhau ở tiệm cơm Ngọc Hương, đường Gia Long, Mai Thảo dường đã quên, chuyện ấy. Tôi nói, Mai Thảo quên hay không đề cập nữa, vì, sau bài “Văn chương trước những mưu đồ bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh,” Thế Nguyên và các bạn ông, tiếp tục “triển khai” trận đánh với cường độ “oanh kích” ngày một gia tăng bom, đạn...

Một trong những bài viết được phổ biến trên tạp chí Đất Nước, cũng đã tố cáo tác giả “Người đàn bà trong vòng đai trắng” là người nhận tiền trợ cấp từ một bộ phận phụ trách văn hóa thuộc tòa đại sứ Hoa Kỳ, ở Saigon, để xuất bản tờ Sáng Tạo. Nhóm Sáng Tạo cũng bị lên án là theo đuổi “chủ nghĩa độc đảng!” Xóa bỏ quá khứ. Khoanh vùng. Và, chỉ “suy tôn” nhau mà thôi. Tuy có phương tiện trong tay, cũng như nếu cần, có thể sẽ có nhiều diễn đàn bạn, sẵn sàng “nhập cuộc” để bênh vực mình; nhưng Mai Thảo đã chọn thái độ thản nhiên, im lặng. Theo tôi, đây là một trong những cung cách ứng xử mà, Mai Thảo đã giữ được suốt đời mình. Chưa bao giờ tôi thấy ông dùng ngòi bút để phản bác hay, tấn công một nhà văn. Ông quan niệm, chữ nghĩa không phải là những mũi dao dùng để đâm anh em, ngay khi phải tự vệ... Quan niệm đó, đã làm thành một nhân cách lớn. Nhân cách Mai Thảo.

Là người khởi xướng một cuộc... “chiến tranh lạnh” trên địa bàn văn học, với ba tờ tạp chí và, một nhà xuất bản (với hàng trăm tác phẩm ấn hành trong một khoảng thời gian tương đối

ngắn,) Thế Nguyên đã nhận được sự tiếp tay, cộng tác của khá nhiều văn nghệ sĩ, trí thức thuộc nhiều thành phần, nhiều khuynh hướng...

Không phải tất cả những người đến với Thế Nguyên, đều hoàn toàn đồng ý với chủ trương, quan điểm của hai tạp chí Đất Nước, Nghiên Cứu Văn Học và, bán nguyệt san Trinh Bày... Nhưng, họ đến, nhiều phần vì cá nhân Thế Nguyên, và một vài thành viên nòng cốt khác của ông - Như giáo sư Nguyễn Văn Trung; Linh Mục Thanh Lăng (chủ nhiệm tạp chí Nghiên Cứu Văn Học); Diễm Châu (tổng thư ký); Nguyễn Quốc Thái (thư ký) tòa soạn Trinh Bày.

Về những tác giả thành danh cộng tác với Thế Nguyên, chúng ta có thể kể: Nguyên Sa, Thảo Trường, Đỗ Long Vân, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm... Lớp mới, có Hoàng Ngọc Biên, Lê Văn Hảo, Lữ Phương, Nguyễn Trọng Văn, Thái Lăng... Và, dĩ nhiên, Thế Nguyên là nơi “tìm về,” là một “địa chỉ hoa” của những cây bút trẻ, chủ trương “dấn thân” (Đông nghĩa với chống chiến tranh, đòi hòa bình cho đất nước!)

Về tính cách cá nhân thì, dù không phải đi lính vì lý do gia cảnh, nhưng Thế Nguyên vẫn từ thời hớt tóc “đầu đinh/ba phân.” Người mỏng; mắt hơi lồi; nụ cười hờ hợt; quần, áo lèng xềng; quanh năm đi dép; phong cách công nhân hơn một nhà văn (hay một nhà vận động chính trị), Thế Nguyên đã mang lại cho những người tiếp xúc với ông, (ngay lần đầu,) cái cảm giác gần gũi, tin cậy. Chóng vánh. (10)

Với ánh mắt ân cần, với điệu thuốc gần như lúc nào cũng trên tay, Thế Nguyên thuộc loại người một tháng chưa dùng hết một bao diêm-quẹt, (chỉ tốn 1 cây diêm-quẹt đầu ngày?) Ông có thể lắng nghe bạn nói nhiều giờ, không mệt mỏi... Chưa kể, một khi đã là bằng hữu, Thế Nguyên thường tỏ ra rất quan tâm tới đời sống riêng, thói, tật của bạn. Ông luôn cho người đối thoại với ông, cảm tưởng ông là người dễ thỏa hiệp, thậm chí, dễ thuyết phục. Sự thực, ngược lại. Ở những lãnh vực thuộc về niềm tin, lý tưởng thì, ông thuộc loại cực đoan. Dứt khoát. Tàn nhẫn, nếu cần. Tôi nghĩ, ông có nhiều hơn, một con người, trong một con người. (11)

Dù Thế Nguyên có bao nhiêu con người, trong một con người thì, với tôi, những đóng góp của ông ở phương diện báo chí, văn chương, vẫn là những đóng góp đáng kể. Với sự tiếp tay của nhiều người, ông đã khai mở một dòng chảy mới, cho văn chương miền Nam, từ giữa thập niên 1960. Một dòng văn chương sôi sục đối kháng.

Đặc biệt, với bằng hiệu nhà xuất bản Trinh Bày, qua một số dịch giả khác nhau, ông đã giới thiệu với độc giả miền Nam, những nét đặc thù của văn chương Nhật Bản (như tiểu thuyết của Kawabata;) văn chương Đại Hàn (như truyện của Richard Kim) và, nhất là thi ca của những tác giả thuộc khối thứ ba, thời đó, tương đối còn xa lạ với người Việt, đa phần, do nhà thơ Diễm Châu chuyển ngữ.

Ngay cả khi những tiết lộ mới đây, của tác giả Lữ Phương về Thế Nguyên, trong hồi ký nhan đề “Lữ Phương, Những chuyến ra đi,” (12) có là sự thật, thì, tôi vẫn thấy, tôi gần với ghi nhận của thi sĩ Nguyên Sa về Thế Nguyên. Tác giả “Áo lụa Hà Đông” thấy con người Thế Nguyên là một... tu sĩ. Một kẻ giang hồ! Muốn “thể thiên hành đạo.”

Chỉ tiếc, Thế Nguyên mất sớm. Ông từ trần tại Saigon, ngày 15 Tháng Tám năm 1989, ở tuổi 48.

Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, một trong vài bạn văn thân thiết với Thế Nguyên, còn ở lại Saigon, sau biến cố 30 Tháng Tư 1975, kể rằng, một buổi chiều rảnh rỗi, tác giả “Hồi chuông tắt lửa” dùng dao cắt (hay khoét bỏ) một mụn cóc ở chân. Lưỡi dao bị nhiễm độc mà, ông không biết. Đêm đó, ông lên cơn sốt. Nghĩ, không quan trọng. “Cũng thường thôi!” Nhưng qua hôm sau, ông bị co giật với những cơn sốt trên 40 độ C. Người nhà cầu cứu Nguyễn Quốc Thái. Họ Nguyễn chạy đến, đưa ông vào bệnh viện.

Trên giường bệnh, lúc tỉnh táo, linh cảm rằng mình đã bước rất gần cõi chết, ông bảo bạn: “Chậm rồi! Thái ạ.”

Đúng vậy! Nguyễn Quốc Thái nói, chứng phong đòn gánh (tetanus,) không phải là một chứng bệnh gì khó chữa. Nhưng thời gian đó, Saigon gần như thiếu tất cả mọi thứ thuốc! Bác sĩ giỏi mấy cũng... “bó tay!”.

Nguyễn Quốc Thái kể thêm:

“Dù sao thì tôi vẫn tin rằng, cuối cùng, Thế Nguyên đã ra đi trong thanh thản. Trước giờ bạn đi, tôi đã mời được cha đến làm phép xức dầu, xưng tội, giải tội... cùng mọi nghi thức tôn giáo khác...”

Tính đến hôm nay, nhà văn Thế Nguyên từ trần đúng 20 năm. Nó cũng tương đương với 20 năm văn học miền Nam. Nền văn học đã đem đến cho ông những ngày tuổi trẻ “nhập đồng.” Những ngày tuổi trẻ rục rờ chữ và, nghĩa. Đường và, lối. Tin và, tưởng...

Nhưng, cũng kể từ 20 năm sau cái chết, ở thế giới khác, tôi không biết ông nghĩ gì về cái chết lãng nhách. Cái chết cũng phi lý như cuộc chiến tranh đố đầu giữa hai ý thức hệ... Tôi cũng không biết, ông có nghiệm ra rằng, nhiệt tâm của một nhà văn như ông, dù “dấn thân” đến đâu, rất ráo, thực tế đã phủ phàng, cho thấy: Nó cũng giống như một loại... “viễn mơ,” mà thôi! Và, trong chừng mực nào đó, nếu có cơ hội nhìn lại, tôi nghĩ, ông không thể phủ nhận rằng, miền Nam đã cho ông, cho các bạn ông, cho chúng ta, những người cầm bút, số tự do đủ, để được sống như một nhà văn, với những suy nghĩ, cảm nhận, hành động... Nhưng phải chăng, đôi khi, chúng ta đã lạm dụng nó, một cách vô trách nhiệm!??

Chú thích:

(10): Thế Nguyên là bút hiệu của Trần Gia Thoại, sinh năm 1942, tại Nghĩa Hưng, Hà Nam Ninh. (Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái cho biết, Thế Nguyên sinh năm 1941.) Theo gia đình di cư vào Nam, năm 1954, ông tốt nghiệp Cán sự Công chánh (cùng khóa với nhà thơ Phan Lạc Giang Đông;) phục vụ tại Cục Công Binh, đường Nguyễn Tri Phương, đối diện Nhà thờ Dòng Đồng Tiến, Saigon. Thế Nguyên được miễn dịch vì là con trai duy nhất.

(11): Nguyễn Sa, “Hồi Ký,” Đồi xuất bản, Calif., Hoa Kỳ, 1998. Tr. 167.

(12): Lữ Phương, Hồi ký “Những chuyến ra đi,” www.daohieu.com, đề mục chung: “Lề bên trái.”

Mảnh vụn ký ức về Trần Phong Giao Lữ Quỳnh

Khác với các chủ bút tạp chí khác như Bách Khoa của Lê Ngô Châu, Phổ Thông của Nguyễn Vỹ, Khởi hành-Thời Tập của Viên Linh bao giờ cũng niềm nở, vui vẻ tiếp chuyện những nhà văn trẻ; thì ở báo Văn, thư ký tòa soạn Trần Phong Giao rất lạnh lùng.

Anh thường tiếp khách mà không bỏ công việc, mắt vẫn nhìn vào máy chữ và những ngón tay không rời bàn phím. Có lẽ vì thế tôi ít ghé tòa soạn Văn mỗi lần về Sài Gòn. Vậy mà qua những lá thư của anh thì bao giờ cũng rất *tinh thân*.

Khoảng năm 1969 nhóm bạn ở sư đoàn 22 có in cho tôi một tập thơ phổ biến hạn chế, lấy nhan đề là *Cho Bằng Hữu*.. Tôi gửi tặng nhà văn Trần Phong Giao, được anh dành nửa trang quảng cáo và viết thư hỏi tôi anh muốn đăng hai bài trong tập này, nếu chưa gửi cho báo nào. Tôi viết

thư cảm ơn anh và rất tiếc hai bài đó đã đăng rồi trên Bách Khoa. Tôi vui vì nhờ nửa trang quảng cáo trên Văn mà bạn bè biết đến, liên lạc thư từ, xin sách. Thì ra đằng sau vẻ lạnh lùng của anh là sự cẩn trọng, nhiệt tình.

Sau 1975 gặp anh ít lần ở Sài Gòn, nhưng chỉ hỏi thăm sức khỏe, chứ không nhắc gì chuyện chữ nghĩa. Anh thay đổi chỗ ở nhiều lần sau khi ngôi nhà ở hẻm Hai Bà Trưng (gần cầu Bông) đã cho thuê.

Lần cuối cùng gặp anh năm 2000, nhân lúc người cháu gái của anh Đặng Tiến ở Mỹ về và muốn tôi đưa đi thăm một số người làm văn học miền Nam trước đây, trong đó có nhà văn Trần Phong Giao và gia đình thi sĩ Vũ Hoàng Chương. (Tôi xin mở ngoặc cảm ơn nhà văn Thế Phong đã nhiệt tình đưa chúng tôi đến nhà bà Vũ Hoàng Chương trong con hẻm nhỏ bên Thị Nghè, mà tôi rất xúc động khi nhìn chân dung hai nhà thơ lớn Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng được đặt thờ trên nóc tủ với bát nhang đơn sơ.)

Sài Gòn đang mùa nắng nóng, tôi chờ chị bạn tìm nơi ở của Trần Phong Giao. Thật vất vả, hỏi thăm nhiều bạn vẫn không tìm ra nhà. Cuối cùng rồi cũng gặp được anh khi chúng tôi và mỗ hỏi vì trời đã quá trưa. Trên chiếc giường đặt trước hiên nhà, anh đang ở trần ngồi nhìn mông ra nắng. Chúng tôi chào anh và anh đáp lại mệt mỏi.

Tôi giới thiệu người bạn từ xa về muốn đến thăm anh. Anh nói cảm ơn và định đứng dậy lấy áo mặc. Tôi đưa tay cản vì thấy anh cử động khó nhọc. Thôi anh à, được gặp anh như thế này là vui lắm rồi, chúng tôi cũng phải về để anh nghỉ trưa. Sau những lời thăm hỏi qua lại, người bạn đặt chút quà biếu anh xuống cạnh giường. Anh không nói gì. Tôi chúc anh mau khỏi bệnh và hẹn, đã biết nhà rồi lần khác sẽ đến thăm anh. Anh nhìn chúng tôi ra về, ánh mắt xa xăm. Tôi cảm thấy ngậm ngùi giữ mãi hình ảnh cuối cùng đó của anh. Từ ngày rời báo Văn cho đến lúc qua đời anh không còn sinh hoạt văn học nữa, nhưng anh em luôn nhớ đến anh với sự trân trọng, quý mến.

Để ghi nhận về công lao của anh đối với nền văn học miền Nam, nhà thơ Du Tử Lê đã viết trong bài “*Trần Phong Giao, người gác cổng văn học, tạp chí Văn*” như sau :

Một đời tận tụy, hy sinh cho nền văn học miền Nam, 20 năm, nhưng tính từ năm 1971 (năm rời khỏi vai trò Thư ký tòa soạn tạp chí Văn), tới năm 2005 (năm từ trần), trong suốt hơn 30 năm còn lại của mình, dường như định mệnh chưa một lần ngoái đầu, mỉm cười với Trần Phong Giao.

Tôi cho, định mệnh có thể vui đập, xé nát một cá nhân, trong đời thường, nhưng nó vẫn bất lực trước những đóng góp trí tuệ, nếu có, của một người nào đó.

Trích dẫn trên đây có thể nói lên khá đầy đủ và ý nghĩa về sự nghiệp văn học và cuộc đời của anh, nhà văn, dịch giả Trần Phong Giao./.

Bắc Calif., Feb. 12-2011

Độc giả và những người làm một tạp chí văn chương

(Văn liệu trích từ Thời Tập)

Mở đầu cho sự hợp tác với diễn đàn văn nghệ này từ năm thứ hai của nó, anh Trần Phong Giao gửi cho Thời Tập một bài viết xoay quanh việc làm một tạp chí văn chương - mà anh đã có đầy đủ kinh nghiệm sau gần mười năm điều khiển bán nguyệt san *Văn*. Bài của anh Trần

Phong Giao dưới hình thức một lá thư ngỏ gửi cho người chủ trương diễn đàn này - nói về rất nhiều việc, từ độc giả một tờ báo văn chương qua những người cộng tác là các nhà văn nhà thơ, cho đến người làm tờ báo đó, và các đồng nghiệp. Chính vì những điều này - được chia thành các đề mục I, II, III... do chúng tôi đặt - bài viết sẽ được đăng trọn. Nó liên hệ đối với những người yêu chuộng báo văn chương, tuy trong đó có những điều riêng tư của người viết - và của những người được nói đến - và hẳn đó là những điều hy vọng sẽ được coi là thường tình nếu bạn đọc chấp phần đọc một lá thư ngỏ: Thư Ngỏ Cửa Trần Phong Giao Gửi Viên Linh.

Sở dĩ có thư này vì trong Thời Tập số trước (17), trả lời ông bạn Vũ Phan L. ở Bình Định, bạn Viên Linh đã gọi đích danh tôi ra mà cho rằng "người tổ chức một tạp chí văn nghệ có tài phải là anh Trần Phong Giao." Tôi tin là ông bạn họ Vũ ở Bình-định sẽ không tin điều bạn khẳng định. Thư này sẽ nói rõ vì sao.

I.- Độc Giả Miền Trung Và Một Tạp Chí Văn Chương

Nhớ lại cách đây không lâu, anh Võ Phiến, từ Bình Định về có cho tôi biết là anh em văn nghệ ngoài nó có nhắc tới tôi và khen tôi là "khôn". Khôn vì tôi đã thôi không làm báo. Và vì không làm báo nữa nên tôi còn giữ được "*cái huyền thoại là người làm báo giỏi*". Anh em ở Bình Định đã có lý. Không cứ gì người cầm bút, ngay các độc giả trung bình ở miền Trung đã rất tinh tường.

Tôi nói thế không phải để "nịnh" độc giả của một miền mà chỉ là nói lên một sự thực: Tạp san văn chương nào không được độc giả miền Trung - cái miền Trung khô cằn sỏi đá nhưng ham đọc nhất nước - ủng hộ, thì sẽ có cơ duyên mất đi chừng phân nửa độc giả tính chung trong nước. Điều đó đã xảy đến với tạp chí mà ta tạm gọi tên là Pb. Một cây bút trẻ ở Tuy Hòa, nhân vui câu chuyện, cho biết ông già của ảnh mua tạp chí Pb trong nhiều năm liên tiếp. Thế rồi, đột ngột, ông cụ "chê", không mua tiếp nữa, vì "*nó đã sút kém đến trở thành vô bổ*" (những chữ trong dấu ngoặc kép là dẫn nguyên văn lời anh bạn họ.) Một dữ kiện cần nêu rõ: ông cụ thuộc thành phần khá giả, không chịu ảnh hưởng gì của các biện pháp kinh tế mùa thu, mùa đông, v.v... Gần đây, tôi được biết là số bán của tạp chí Pb so với năm trước khi ông cụ ngoài Tuy Hòa ngừng mua chỉ còn chừng phân nửa. Trong lúc các tạp chí bạn không những không giảm số bán mà lại có phần tăng lên chút đỉnh, con số phân nửa độc giả cũ của Pb tản mác đi đâu? Vấn nạn đặt ra, chung cho những ai muốn làm báo văn chương. Giải được vấn nạn này là coi như bắt được yếu tố "nắm được độc giả", - yếu tố cần và đủ thứ nhì sau khi "tìm được độc giả".

Khởi đi một cách khiêm nhường thăm lặng, Thời Tập đã *tim* được độc giả. Nhà phát hành cho tôi biết báo bạn tăng dần dần, không tăng nhiều nhưng mỗi số đều nhích lên chút đỉnh. Như vậy là bạn đã tìm được độc giả. Vấn đề đặt ra cho bạn bây giờ phải chăng là "*nắm lấy độc giả*". Tôi tin là bạn biết cách cần làm. Ở đây cần tới cái tài *người* (nhà phê bình Vũ Ngọc Phan dịch chữ *flair*, tôi dùng theo) của tay làm báo: biết độc giả cần gì, muốn gì. Rán lên bạn nhé. Mất đi một độc giả, buồn lắm. Mà không chỉ buồn. Con số "mất đi" thường không chỉ bỏ đi một cách đơn độc. Nó rủ rê, nó la lối, nó gây ảnh hưởng khó ngờ. Kinh nghiệm cổ văn sĩ Nguyễn Vỹ và tạp chí *Phổ Thông* năm nào, hẳn bạn còn nhớ đấy.

II.- Tạp Chí: Không Ai Làm Nổi Một Mình

Cách đây khá lâu rồi, một anh bạn có lòng thương loan tin trên báo (*mà ta tạm gọi là báo Pa*) rằng tôi sẽ đảm trách những số báo đặc biệt. Trước khi loan tin, gặp tôi anh có bảo tôi làm. Nhưng ảnh chỉ bảo vậy thôi nên tôi cũng nghĩ là ảnh chỉ nói thế cho vui, chứ báo Pa của ảnh

chẳng cần gì tới một tay "hết thời" như tôi. Có tôi chợ thêm đông và không có tôi thì chợ vẫn tưng bừng tấp nập. Phần khác, tôi còn một mối lo lớn khác: lo kiếm miếng ăn độ nhật. Thành ra, cho tới nay, nhiều năm tháng đã trôi qua, tôi vẫn chưa có hân hạnh đáp lại mỹ ý của anh bạn có lòng nọ.

Bạn Viên Linh, bạn đưa đề nghị với tôi bằng miệng, còn tay bạn thì nhét vào túi tôi một khoản tiền. Hiện nay tôi không đến nỗi "*chạy ăn từng bữa*" và cũng không có khoản gì cần tiêu cách đặc biệt. Khoản tiền bạn đưa ra không lớn, nhưng đủ để tôi mua cho mấy đứa con mỗi đứa một đôi dép. Trẻ thơ, ngày Tết, được đi dép mới cũng là niềm vui. Con được vui, chẳng lẽ bố không lo làm trả nợ.

Không một ai có thể làm nổi tạp chí *một mình*. Một người cộng tác không tới, một người bỏ đi, phải coi là một thiệt thòi chung cho tờ báo. Thiệt thòi lớn hay nhỏ không quan hệ. Chỗ quan hệ là sự thiệt thòi, *tout court*.

Nhờ ai việc gì, mời ai làm gì, chẳng nên nhờ hay mời cách khơi khơi. Đồng tiền trả công không quan hệ bằng cách trả. Tôi đã nói điều đó với những bạn tìm đến tôi để hỏi về "*kinh nghiệm làm báo*".

Một gói trà ngon, mấy dòng chữ viết khéo gửi cùng tạp báo biếu, riêng đối với một số tác giả, lại quý hơn tiền bạc.

Cái khó là phải cư xử với người hợp tác sao cho thuận tình hợp lý. Người chủ trương của một tạp san văn chương cần phải khéo léo. Sự khéo léo đó chẳng ai dạy cho mình, ngoài kinh nghiệm sống của chính bản thân và tuổi nghề...

III.-

Dư Luận Của Đồng Nghiệp

Hai chữ "*hết thời*" viết ở đoạn trên cũng là chuyện xưa tích cũ. Cách đây hơn hai năm, một nhà thơ cho biết là nếu tôi không cố làm một tạp chí thì tôi sẽ bị "họ" coi như là tên "hết thời". Tôi đã trả lời: "*Tao có cái thời nào đâu mà còn hay hết!*" Anh bạn có vẻ không chịu hiểu câu nói của tôi mà phá lên cười hô hố.

Nhớ lại *Thời Tập* mới ra, một ông chủ báo danh tiếng lẫy lừng (một trong những "họ" mà bạn tôi định nói) đã chê "*Thời Tập là báo con nít, văn nghệ ai mà thèm đọc, sống giỏi lắm được vài ba số...*" Lời ông chủ báo, người đã có danh có tiếng, có dưới tay cả một "bộ biên tập chủ lực hùng hậu", hỏi tôi không tin sao được! Ấy vậy mà tới nay *Thời Tập* đã ra được gần hai chục số; số độc giả tìm đến *Thời Tập* cũng gần bằng số độc giả mua báo của ông chủ nọ.

Bạn Viên Linh,

Xem thế mới biết bạn là tay làm báo văn chương giỏi. Bạn làm việc một mình, không có ngay đến một thầy cò giúp việc (*có người bảo tôi bạn đi làm 8 tiếng, tan sở về thẳng nhà tư ngòi cặm cùi sửa bài*). Làm việc một mình cần phải kiên nhẫn nhiều. Cứ làm mà không nói. Làm được đến đâu hay đến đó, cách giản dị và khiêm cung.

Không có gì dễ bằng nói. Càng nói lớn lối càng dễ. Nhưng không có gì khó bằng làm, cứ làm và chỉ làm. Chỗ quan hệ là làm. Việc làm sẽ biện minh cho sự im lặng của ta, đó là câu trả lời hùng hồn nhất cho chúng bỏ công kích ta.

Từ lâu tôi xa lánh nơi ân oán giang hồ. Nhưng tôi có linh cảm là làm *Thời Tập* bạn bị công kích nhiều lắm. Do đó kỵ, do bè phái, do bực bội... Nín đi, bạn ta. Ngay cả vài dòng viết trên bìa

đầu tờ báo cũng chẳng dám viết làm gì. Điều nên viết nhất là viết cho bạn đọc, viết vì bạn đọc. Hay nói theo ngôn ngữ của văn chương hiện thực "hôm nay": viết cho ai chứ không viết cho chính mình.

IV.- Vi Sao Tôi Đóng Góp Cho Tờ Thời Tập

Giống "hôm nay" như vậy mình già rồi, già thật sự rồi. Người già thường hay lắm cảm. Có vẻ vì lắm cảm nên đã hơn một năm nay tôi thường liên tiếp từ chối lời mời làm tạp chí văn chương của nhiều vị có lòng thương tưởng tới. Nghĩ cho kỹ, sự lắm cảm của tôi có nhiều nguyên do sâu xa và thường là thầm kín. Đem giải bày ra giấy trắng mực đen, e không tránh khỏi làm buồn lòng vị này vị nọ, kẻ còn sống người đã khuất.

Tôi xin lạm dụng những trang báo này để mình định đôi điều:

- Từ tay trắng, với rất nhiều công khó, tôi đã dựng nên một tạp chí văn chương, tự lực mà sống lâu hơn cả trong quá trình sinh hoạt báo chí nước ta. Tôi không có tài, chỉ có chút công. Hơn hai năm nay tôi không viết báo, không làm báo, vì tuân theo một nguyên tắc do chính tôi đặt để cho cuộc sống.

Từ nay, nếu thỉnh thoảng tôi có giúp cho *Thời Tập* một đóng góp nho nhỏ, ấy là vì tôi biết rõ anh bạn Viên Linh đã và đang làm báo một mình, cô đơn và thiếu thốn.

Rất có thể, rồi ta tôi cũng sẽ làm báo trở lại. Nhưng đó là chuyện về sau. Chuyện chỉ xảy ra trong trường hợp nếu tôi bị đói quá, nếu tôi thấy cần đền đáp tình người tri kỷ, nếu tôi, tự làm lấy báo của riêng mình hoặc nếu gặp được người biết cách đãi ngộ tốt với các cộng tác viên... Ngoài mấy trường hợp trên, tôi xin được nhận chữ "khôn" của anh em ngoài Bình-Định đã âu yếm tặng cho. Rất vui và nhận.

V.- Không Phải Là Những Tuyển Tập Đều Đều

Tôi vừa lo xong cuốn sách đã làm tôi mất nhiều thì giờ hơn cả từ nhiều năm nay. Bạn nghe thấy chẳng tiếng tôi thờ dài, nhẹ nhõm!

Hi vọng là sang năm mới đây, tôi sẽ đỡ bạn được một vài công việc, nho nhỏ thôi, nhưng - tôi mong muốn thế - sẽ làm cho bạn đọc *Thời Tập* được bằng lòng.

Sau ngày ban bố sắc luật 007/12, tôi ngưng làm tờ *Chính Văn*, quay về nghề cũ, nghề thủ thư. Cái nghề hít bụi này có được lợi điểm là có nhiều tài liệu. Lục chồng sách cũ, tôi kiếm được ít nhiều tài liệu xưa. Khởi đầu, tôi sẽ sao chép, sắp xếp lại và sẽ gửi bạn một số tài liệu về NHƯỢNG TỔNG, cây bút tài hoa danh tiếng thời tiền chiến.

Đương nhiên là rồi tôi sẽ chỉ giúp bạn được về phần tài liệu thôi (*cái mà bạn từng gọi là "ưu điểm đầu tiên"*). Còn việc làm cho một tạp chí, được đồng đảo người biết và tìm đọc nhiều hơn, sẽ là do chính người chủ trương. Tôi nghĩ, không gì bằng trích dẫn ngay lời của bạn, phát biểu với tư cách *một độc giả* (cái này mới là quan trọng) khi được tập san *Văn* tham khảo ý kiến hồi đầu năm 1972:

(...) "Tôi muốn Văn trở nên một tờ bán nguyệt san đúng nghĩa: nửa tháng không đọc nó là phải thấy mình kém sinh hoạt. Một tờ báo nửa tháng có thể khai thác sinh hoạt nhiều hơn một tờ báo tuần, và dĩ nhiên, lạ hơn tờ báo tháng. Để không là những tuyển tập đều đặn."

Hai năm trước, bạn đã "dạy khôn" thiên hạ. Bây giờ, bạn hãy làm đi! Làm để khỏi mang tiếng là "chỉ biết nói". Tránh không làm những tuyển tập đều đặn. Được bấy nhiêu đó, tôi tin là bạn

sẽ được độc giả ủng hộ. Mà khi đã được độc giả ủng hộ rồi thì lo gì giấy lên giá, điện lên giá, gạo lên giá. Có độc giả, nói theo ngôn ngữ thời thượng, là bạn có tất cả.

Bạn Viên Linh,

Ngày hai bữa cơm rau, nếu không được "*vỗ bụng no bình bịch*" thì cũng đỡ chạy xuôi chạy ngược, lo đôn lo đáo, thì giờ rảnh rang, học thêm ít chữ nghĩa thánh hiền cho mình bớt ngu. Đêm đêm chong đèn, dịch văn. Dịch xong, cuốn nào in được thì cho in. Gặp khó, đem cát kỹ vào ngăn tủ... chờ thời. Được làm những việc mà mình ưa thích há chẳng đủ là niềm hạnh phúc của kiếp nhân sinh, chao ôi, cái kiếp nhân sinh đầy đây hệ lụy!

Nói quanh nói quẩn rồi cũng quay lại chữ "thời".

Gặp thời thì dễ. Tạo ra thời mới khó.

Bạn là người không chịu ần nhẫn, lại chịu thương chịu khó; kinh nghiệm không giàu nhưng cũng đủ để làm hành trang. Con đường đi tới còn dài. Tôi là một trong những người tin là bạn sẽ đi được xa trong tương lai gần.

Vì tin như thế nên thư này không được chấm hết bằng những lời chúc tụng thường tình. Mà nó gửi đi, tới bốn phương, sự ước mong sẽ được anh em bằng hữu khắp nơi chia sẻ với tôi niềm tin tưởng đó.

Sài gòn, ngày 1.1.1975
(Thời Tập số 21)

Văn và Trần Phong Giao Nguyễn Lệ Uyên

Có thể nói, thập niên 60 là thời kỳ "nở rộ" của các tạp chí văn học miền Nam, với những tên tuổi lớn như Sáng Tạo của nhóm Thanh Tâm Tuyền; Văn Nghệ của Lý Hoàng Phong, Dương Nghiễm Mậu; Hiện Đại của Nguyễn Sa và trước đó là Chỉ Đạo của Nguyễn Mạnh Côn, Mặc Đỗ... Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau các tạp chí này lần lượt tự đình bản. Duy nhất chỉ còn ba tờ "sống lâu" là Bách Khoa, Văn và Văn Học, sau đó là những Vấn Đề, Nghệ Thuật, Tiếng Nói, Tin Văn, Thời Tập, Khởi Hành, Ý Thức... và chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn.

Bách Khoa có lối đi riêng: kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, phần văn học chỉ chiếm một số trang khiêm nhường. Văn học cũng vậy. Sau khi Dương Kiên ra đi, Phan Kim Thịnh thay thế thì Văn Học trở thành chuyên san về các nhà văn nhà thơ Việt Nam một thời ghi dấu ấn đậm nét cho dòng văn học Việt Nam với những bài nghiên cứu, phê bình và đăng tải lại các tác phẩm của họ.

Giữa "rừng" sách báo thời đó, Văn có cách chọn lựa của riêng mình. Đó là tạp chí chuyên về văn học nghệ thuật. Ngay từ số đầu tiên ra mắt ngày 1.1.1964, phía dưới logo Văn, nơi trang bìa có ghi *Tập san văn chương tư tưởng nghệ thuật*. Nhưng đến số 10 (chủ đề Văn hóa Phật giáo) trở đi, tiêu chí ban đầu của tạp chí lại đổi thành *Tập san của những người ham đọc, hiểu học, ưa suy nghĩ*. Chính tiêu chí này, cả ông chủ nhiệm lẫn thư ký tòa soạn (đặc biệt là ông thư ký Trần Phong Giao) bị nhận nhiều lời chỉ trích khá nặng nề. Và hình như, để cho những chỉ trích kia thêm "nặng ký", họ lại chế thêm dầu vào mấy dòng chữ *Ban tuyển đọc* trong mục hộp thư thường kỳ trên các số báo, cho rằng đó là cách làm của kẻ bề trên, ban phát ơn huệ cho anh em mới cầm bút. Sau này có dịp gặp anh Dương Nghiễm Mậu ở Cần Thơ, tôi hỏi một cách tế nhị về cái Ban ấy, và biết thêm thông tin: Một mình ông Giao làm không xuể: vừa trả lời thư, sắp xếp đặt bài, làm thầy cò sửa morasse, phát hành; vừa đọc vừa viết nên phải mời thêm 2 vị

nữa để chọn lựa bài vở của những người mới cộng tác lần đầu với Văn. Sau này thân quen, tôi hỏi ông thư ký Văn và chỉ nhận được câu trả lời là một nụ cười; một nụ cười rất “Ca Diếp”!



Từ khi biết đọc, tôi đã đọc rất nhiều sách báo, đủ loại thượng vàng hạ cám, cốt nhét cho đầy cái đầu đói khát, nhưng một cách chủ quan và rất “duy ý chí”, tôi thấy ở đất nước khốn khổ này, cho tới giờ phút này, chỉ có duy nhất hai ông là có tầm cỡ làm báo văn học. Đó là ông Trần Phong Giao trong này và ông Nguyễn Ngọc ngoài kia. Cả hai đều có cặp mắt xanh, phát hiện ra những tài năng văn học cho nước nhà. Công lao ấy, tôi nghĩ, sau này những nhà viết văn học sử sẽ dành cho hai vị một chỗ đứng trang trọng nhất!

Riêng ở miền Nam, trong thời kỳ chữ nghĩa đa chiều bởi tính tự do dân chủ thật sự, Văn đã làm tròn thiên chức của một tờ báo (văn học) lớn nhất nước: giới thiệu các trào lưu văn học phương Tây (có cả văn học Nga La Tư, Mỹ La Tinh...), Châu Á (Ấn Độ, Nhật Bản, Nam Triều Tiên...) và bên cạnh những nhà văn tên tuổi, Văn còn có công lớn, khám phá những tài năng mới, có thể kể tên: Y Uyên, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Ngụy Ngũ, Trần thị Ngh, Trần Hoài Thư, Kinh Dương Vương .v.v. và v.v. Chủ đích này, có thể thấy ngay ở số 11 ngày 1.6.1964, với chủ đề NHỮNG CÂY BÚT TRẺ ĐANG LÊN. Trong *Thư gửi bạn đọc*, có đoạn: “Trong số báo này (...) chúng tôi xin mời bạn đọc những sáng tác mới nhất của những cây bút trẻ đang dồi dào phong độ. Văn nghiệp của những cây bút góp mặt nơi đây mặc dù còn đang được xây đắp bằng rất nhiều công khó, cũng đã có được ít nhiều sắc thái riêng biệt khả dĩ xác nhận sự hiện diện của họ trên văn đàn. Họ đang cố vươn tới, đi lên. Nội sự cố gắng đó thiết tưởng đã đủ để bạn đọc tiếp nhận tác phẩm của họ bằng rất nhiều thiện cảm”. Những “Họ” trong số chủ đề này là: Trần Như Liên Phương, Dương Nghiễm Mậu, Huy Lực, Luân Hoán, Hoàng Đông Phương, Nguyễn Đức Sơn, Thao Trường, Thế Nguyên, Viên Linh, Thế Uyên, Nguyễn Quang Hiện.

Cứ thế, Văn đều đặn giới thiệu đến độc giả Việt Nam các nhà văn thời danh thế giới: Boris Pasternak, F.Sagan. A. Camus, J.P. Sartre, Hemingway, J. Steinbeck, Lỗ Tấn, Kawabata, Nguyễn Du, Lâm Ngữ Đường, Tản Đà... cùng những tuyển tập thơ văn của các tác giả trong nước, tạo thành một vườn văn đầy hương sắc, tạo được lòng mến mộ của độc giả với tờ báo bởi những thông tin đa chiều, những khuynh hướng văn học trên thế giới được cập nhật đều đặn mỗi nửa tháng.

Riêng với những người viết trẻ, Văn luôn là cánh cửa mở. Tất nhiên mỗi tác giả khi bước qua cánh cửa này luôn phải *mất nhiều công khó*, như trong thư gửi bạn đọc ở số 11. Đây có lẽ cũng là niềm tự hào của những người viết trẻ khi được Văn chọn đăng tác phẩm của mình, như là bước khởi đầu cho sự thành công sau này. Còn thành công đến đâu, dài hay ngắn thì bản thân mỗi tác giả lại phải *cố vươn tới, đi lên*.

Trong số những người viết trẻ đến với Văn, duy nhất chỉ có Cảnh Cừ luôn làm ông Trần Phong Giao nuôi tiếc và buồn không ít. Không rõ, những anh em cùng lứa với chúng tôi hồi đó, ông có tâm sự về chuyện này hay không, nhưng với tôi, mỗi khi có dịp gặp nhau là ông lại nhắc đến, coi đó là một “tai nạn” nghề văn. Có lần, ông kêu tôi và Trần Hoài Thư đi uống la ve ở đường Nguyễn Kim, Chợ Lớn, gần sân vận động Cộng Hòa, ông nói: “Cảnh Cừ là trường hợp ngoại lệ, độc nhất vô nhị của Văn, *lũy* gửi truyện đầu tiên, *moa* mở ra đọc. Chỉ vài đoạn đầu đã làm *moa* ngạc nhiên, thích thú vì quá hay, và quyết định cho đăng ngay, không cần qua Ban tuyển đọc. Cứ ngỡ rằng sẽ có một văn tài xuất hiện, nhưng sau đó truyện thứ hai *lũy* gửi đến làm *moa* vô cùng thất vọng. Nhưng để khuyến khích *lũy*, *moa* cho đăng. Khi gửi báo biểu và nhuận bút, *moa* kèm theo lá thư rất chân tình, đại ý truyện này (truyện thứ hai của Cảnh Cừ)

viết quá dễ dãi ...”. Điều mà ông gọi là “độc nhất vô nhị” chính là truyện ngắn *Thư từ Tuy Hòa* của Cảnh Cửu được chọn đăng trên Văn số 45. Đây là truyện ngắn hay, rất hay của anh, viết về nỗi cô đơn của nhân vật nữ xưng tôi. Truyện có vẻ như tự truyện của cô gái trên chuyến tàu hỏa đi qua vùng cát cháy Vạn Giã, Tuy Hòa, lang thang trên các con phố Qui Nhơn để nhớ đến những kỷ niệm nhỏ về “Anh” nào đó vừa “dính men” chen vào góc ngách tình cảm của cô. “Anh” chỉ còn là cái bóng bên cạnh khiến cô gái càng thêm “trống”, cô đơn hơn bao giờ. Đọc truyện này, khiến tôi liên tưởng đến truyện *Người đàn bà ngoại tình* của A. Camus! Một truyện ngắn đầu tiên của một Cảnh Cửu chưa tên tuổi đã khiến người đọc sửng sốt vì cái Style rất riêng, cốt truyện rất lạ, thứ truyện không truyện.

Người thứ hai làm cho ông buồn nhiều, đó là Y Uyên. Cái chết của Y Uyên như một nỗi ám ảnh lớn đối với ông và như thế do chính ông gây ra. Sau số Văn (số 129, ngày 1.5.1969) tưởng niệm nhà văn tài hoa mệnh bạc này, ông có nhờ chúng tôi sưu tập lại những truyện ngắn của Y Uyên chưa từng công bố, sau đó xuất bản với tên *Có loài chim lạ* trong tủ sách Nguyệt san Tân Văn số 44 tháng 12.1971. Trong khi làm công việc sắp xếp, ông hỏi tôi (vừa từ Gò Công lên): Cậu có biết anh Nguyễn Hiếu Học ở Phan Thiết không? Tôi trả lời không. Ông nói, nghe đâu khi đóng quân ở Phan Thiết, Uy viết được gì đều gửi lại ở nhà Nguyễn Hiếu Học không mang theo chỗ đóng quân. Nếu có được thì hay quá! Tôi nói anh có thể nhờ các anh Từ Thế Mộng, Nguyễn Bắc Sơn hay Lê Văn Chính hỏi giúp. Sau đó một thời gian, tôi hỏi có tin gì về những bài lai cáo của anh Uy ở Phan Thiết? Ông lắc đầu tỏ vẻ chán nản và rủ tôi qua bên Thủ Thiêm uống bia. Uống đâu chừng hai ly, mắt ông đỏ lên, ngân ngấn: “Bao công lao chạy cho được cái giấy thuyết chuyển đều đổ sông đổ bể! Cảm được bưư điệp trong tay rồi còn quay ra đơn vị làm gì để đến nỗi bỏ mạng? Moadã viết thư, gọi điện ra Phan Thiết nhắc rồi: có là đi ngay, về ngay. Tình hình phức tạp lắm... Vậy mà...”.

Người thứ ba đã làm ông lo lắng không ít, đó là trường hợp *Người em xứ xương rồng*. Anh bỏ đơn vị trốn vào Tuy Hòa, Nha Trang... vì không kham nổi mỗi đêm phải dẫn Trung đội “thám kích” với cặp kính trên 7 độ! Ông lại tìm đủ mọi cách để cứu “*Người em*” và cuối cùng chính ông cũng toại nguyện: “*Người em*” được chuyển về viết quân sử ở Quân Đoàn 4, đêm không còn phải đi bằng chân lấm tay để dẫn Trung đội đi kích như trước ở cầu Bà Gi! Nhắc đến ba trường hợp này để thấy ông sống với anh em bằng cả tấm lòng, không hề phân biệt lớn nhỏ, đã thành danh hay chưa.

Đúng như nhiều người nhận xét, mới nhìn thấy lần đầu, trông tướng mạo ông cứ lừ lừ như ông Tiêu cầm đại đao trong cửa Phật, nhưng tiếp xúc qua một vài lần, cái khoảng cách trước sau không hề tồn tại trong lối ứng xử của ông. Nếu như chỉ nhìn thấy ông ngồi vừa gõ máy chữ hay sửa bài vừa tiếp khách mà không “cần” ngó mặt khách thì có vẻ ông Trần là con người cao ngạo để người khác chỉ trích. Nhưng đó là cá tính. Con người ông không phải vậy. Vì những khi gửi báo biểu ông luôn viết kèm lá thư dài ngắn với những lời lẽ rất chân tình như thể giữa ông và người nhận thư là anh em thân thiết. Ngay cả khi rời Văn ra riêng với Giao Điểm, sau đó là Chính Văn của Nguyễn Mạnh Côn hay lúc qua làm thủ thư ở Đại Học Cửu Long thì cái sự “chức tước” đối với ông chỉ có ở tấm lòng với nhau: Nhà văn lớn, nhà văn bé ông đều cư xử như nhau. Mọi người quý ông là ở chỗ đó, và trách ông cũng chính ở chỗ đó!

Viết lại những dòng ngắn này như một nén nhang nơi chốn xa xôi, thấp lè để tưởng nhớ ông, như một người anh cả hết lòng với lũ trẻ, luôn mong chúng “nên người”.

(Prey Tonga tháng 2. 2011)

Tạp chí Văn từ lòng đất Ban Mai



Những ngày cuối cùng của cuộc chiến, tháng 4/1975 như vết nước mắt loang dài của miền Trung ngấn dần đi khi dân chúng di tản vào Nam kiệt sức đến không còn nước mắt khóc cho những xác người ven đường. Khóc cho nhà cửa vườn tược bỏ lại bị thiêu cháy, cho ruộng nương hoang tàn, cho trâu bò lạc lõng bơ vơ như thân phận của chính mình giữa dòng người chạy loạn.

Gia đình tôi như số đông dân Quy Nhơn chạy vào đến Tuy Hòa, rồi ráng qua được đèo Cả vào đến Nha Trang, lê lét thêm một quãng nữa đến Cam Ranh là hết sức. Chân phỏng lên vì dộp. Mí mắt phỏng lên vì mất ngủ, chúng tôi như những bóng ma của chiến tranh mang trong óc trí não phỏng lên vì lo lắng. Chiến tranh có quy luật của loạn lạc. Chiến tranh Việt Nam có quy luật riêng: Dân không chạy ngược lên phía Bắc mà luôn chạy vào Nam. Xuôi Nam, là tìm đường sống, là tìm tự do, dù trên danh nghĩa được *giải phóng*.

Gia đình tôi cũng vậy. Chạy tất tả bờ bụi, ngay sau khi vỡ mặt trận. Mỗi ngày các chuyến xe đò và quân xa dòn dập đổ dòn về bến xe chính thị xã thải những con người làm than, màn trời chiếu đất. Dân đất Quảng liêu chết vượt đèo Hải Vân vô cho được Quy Nhơn. Hải Vân như rặng núi thiên nhiên chống đỡ, biết có ngăn được nguy biến cho chúng tôi? Ba tôi ở Phòng Thông tin về thất thần, tin Đà Nẵng mất như quả bom nổ giữa nhà. Thế là hết, Đà Nẵng, thành phố lớn nhất miền Trung sụp đổ, là *vỡ mặt trận*. Tuổi mười hai tôi hiểu: Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Đức Phổ liên tiếp *vỡ mặt trận*. Đức Phổ là đã sát Tam Quan, Hoài Nhơn, Bồng Sơn. Là đã vào đến Bình Định. Dân Quy Nhơn chỉ còn biết chạy. Gồng gánh, bồng bế nhau chạy theo đoàn người lam lũ mà mới hôm qua chúng tôi hãy còn sót thương, gói ghém thức ăn giúp đỡ khi họ lay lắt nằm ngời trên vỉa hè thị xã. Giờ chúng tôi thành họ, bỏ nhà cửa nhập vào cái đuôi rỗng rảnh dài ngoằn thậm thọc bò trườn về phía Nam. Phía Nam... thật xa như biển Thái Bình vô sóng. Phía Nam... ở cuối chân trời còn trong xanh như giấc mơ tuổi thơ. Phía Nam mang hình ảnh nhu mì thanh bình của những đồng ruộng miền Tây, của lộng lẫy Sài Gòn làm tuổi thơ tôi nô nức. Vâng, tôi hãy còn nhỏ, còn là cô bé đệ thất hóng chuyện người lớn, lo âu theo nỗi lo cha mẹ, sợ hãi theo nỗi sợ hãi của các anh chị, học lóm các danh từ quân sự từ miệng chú bác. Tuổi thơ chiến tranh trong Nam không hực lửa dữ dội như tuổi thơ miền Bắc mà êm đềm dịu lạnh như miền Nam, tuy chiến tranh xảy ra ở đây, nhưng những người lính Cộng hòa bảo vệ chúng tôi được yên bình. Đến tháng 4/1975, tôi sống trong sự an lành bấp bênh này.

Qua khỏi Nha Trang, gia đình tôi vào tạm trú trong cư xá Cam Ranh. Dừng lại vì đuối sức. Để thở. Để hô hấp. Để kịp nhìn quanh xác định vị trí thân phận gia đình mình giữa dòng loạn lạc, là điều cha mẹ đánh liều, vì các con hết sức, vì không biết làm gì khác. Cả nhà đã đuối. Tôi kiệt sức. Tôi muốn lả. Tôi uống ca nước mưa trong cư xá tìm vị nước mưa của quê hương mát lịm ngọt ngào.

Buổi chiều hôm ấy thật căng thẳng. Tôi còn nhớ tin *quân giải phóng* bị chặn ở đèo M'Drak không cho xuống Khánh Dương tràn xuống miền duyên hải làm cả khu cư xá hân hoan, lên tinh thần. Rồi vụt đến tin lính mình *tan hàng*. Tôi chưa biết *tan hàng* là gì, nhưng nhìn gương mặt

người lớn âu lo chùng xuống, tôi biết tin không lành. Ba mẹ tôi bằng mọi cách muốn con mình phải sống.

Sống, nên mấy chị em tôi đóng cửa ở trong nhà như ba mẹ dặn. Cả hai đi đâu chúng tôi không được quyền biết, chuyện người lớn, chiến tranh là của người lớn, nhưng chính chúng tôi đang cùng sống chiến tranh với họ. Thỉnh thoảng tôi len lén nhìn qua khe cửa. Cự xá vẫn nao động, nhưng tôi muốn nhìn ra bên ngoài, qua vách tường thấp trông ra mặt hè phố. Chị tôi la, mở cửa sổ cho chị, chị ngộp thở quá. Nhà gì mà kín mít. Được phép, tôi mở toang cửa sổ. Cảnh tượng ập đến như phim chiến tranh. Tôi gọi chị ra xem. Tôi la: *Chị ơi, lính của mình rút binh phục đầy đường rồi, họ quăng giày bốt trên vỉa hè...* Chị lao tới, chị cũng sững sờ, những người lính oai hùng hôm qua, những người lính điển trai sạm nắng, đàn ông tính và hiên ngang làm những thiếu nữ như chị mơ ước...

Tôi giật thót, khi nghe tiếng gõ cửa. Ba tôi trong khung cửa, ba trở về với một người lính trẻ thất thần, hối hả tháo binh phục, gần như muốn lột da anh để không ai biết da anh từng rần rì lúc trước. Anh tháo hối hả áo trận, áo thun xanh lục bên trong, vứt thẻ bài tiếp tục lấp lánh trong góc tối rồi anh vội vã xin chúng tôi bộ quần áo. Anh còn trẻ lắm, chắc vừa xong tú tài. Tôi ngắm anh xương xương, tóc ngắn, da ngăm nhưng còn tươi nét thị thành, anh không phải là nông dân, mà phải xuất thân thành phố. Tôi luynes quynh lấy đồ dân sự đưa cho anh.

Người lính rút xuống ba lô đầy bụi đất. Bộ sách *English for today* của Lê Bá Kông rơi ra đất. Trọn bộ 6 quyển và thêm 5 cuốn tập san *Văn*. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy tập san *Văn*. Thật ra tôi vẫn trông thấy chúng trong hiệu sách chú Thiện gần nhà, nhưng tôi hầy còn quá nhỏ để vươn tới văn chương của người lớn, tôi hài lòng với nguyệt san *Tuổi ngọc* của Duyên Anh, nguyệt san *Thiếu Nhi* của Nhật Tiến, nguyệt san *Thăng Bờm* và mục *Mai Bê Bi* trên báo *Chính Luận*. Tháng 4/1975 làm tôi vụt lớn, giống như trông thấy xác chết làm đũa tre lớn lên vì hiểu cuộc đời là khổ đau và chết chóc. Tôi cảm giác cô bé Quy Nhơn hôm qua, đã là thiếu nữ lúc này, ánh mắt tôi nhìn đăm đăm tạp chí *Văn* và người lính nhìn thấy. Anh nhìn ra ánh mắt tôi trên tập san *Văn*, như để trả ơn tôi đem quần áo của ba cho anh, anh buồn buồn nói: *mấy quyển tạp chí này anh cho em. Hết rồi, không còn gì nữa, anh không cần nữa. Anh không cần chúng nữa. Em hầy giữ lấy.*

Tần ngần một lúc, anh đưa cho tôi. Tôi nhìn được vẻ ngậm ngùi trên gương mặt anh, hầy còn bơ phờ và cháy nắng. Bụi đất, thuốc súng, vết đạn bạn anh trúng thương như hầy còn nguyên trên trán anh. Trán của một người lính mang 5 quyển tạp chí *Văn* trong ba lô mà tôi không hiểu quan trọng đến mức nào khiến anh không vứt suốt đoạn đường lui binh, khiến anh chấp nhận mang ít đạn dược, lương khô để dành chỗ cho bộ *English for today* của Lê Bá Kông và 5 tập nguyệt san *Văn*.

Tôi hỏi: Đi lính mà mang theo sách văn chương chi vậy anh?
Anh nói: Đọc cho đỡ buồn để nhắc mình ra khỏi chiến tranh.

Rồi anh kể, anh mơ ước sẽ đi học tiếp. Anh học năm thứ nhất Văn khoa Sài Gòn trước khi bị động viên. Anh muốn trở về trường cũ, hy vọng phía chiến thắng xem phía thua trận là anh em, cho phép anh sống bình thường, ước mơ bình thường, tốt nghiệp Văn khoa đi dạy một trường trung học tỉnh lỵ nào đó, đạm bạc mà yên ổn với cuộc đời. Anh không thích chiến tranh, anh không muốn đánh nhau hoài, thua trận nhưng cũng là dịp tốt chấm dứt nội chiến. Anh đưa tay vuốt tóc tôi, bàn tay có những đốt chai của người lính mà tôi cảm được khi lướt qua trán mình, lớp da tay sần có thể vì khuôn đạn, vì phải đào công sự, chạm vào da làm tôi hơi giật mình. Da của một người đàn ông lạ, tôi nghĩ. Da của một bàn tay ham đọc sách văn chương, tôi cũng nghĩ. Chúng tôi tiễn anh ra cửa, bóng anh vụng về trong đồ dân sự có đi bình thản nhưng bước

chân như chạy trốn người lính là chính anh vừa ban nãy, còn đồ trận, giờ anh đã bỏ lại và muốn thoát bóng cũ.

Ngày ấy, tôi còn rất nhỏ. Tháng 4/1975 tôi chưa là thiếu nữ, tôi chỉ cảm thấy vô cùng thương tâm, lòng như lửa đốt vì lo lắng khi nghĩ đến người thân. Các anh con bác tôi cũng đi lính, những ngày này, các anh tôi lắm than đang trôi dạt nơi nào.

Rồi thời gian qua như bão sa mạc. Gió tốc tan hoang chỉ còn lại đất, tất cả biến mất khi chúng tôi trở về. Trong cơn bão, tủ sách của gia đình tôi bị đốt sạch, ba nói người ta sẽ vào nhà lục soát và kết án tàn dư chế độ cũ, ai giữ sách là phạm pháp. Ba sợ. Mẹ sợ. Cô chú, thím, bác, dì, dượng sợ. Không ai dám giữ, dám giấu hay cất hộ. Tôi và các chị lên ba, giấu những tập sách mà mình yêu thích nhất trong một hòm gỗ dưới chân cầu thang tầng 2, những quyển sách mà người lính đã tặng tôi cũng để lại không nở đốt đi. Ánh mắt anh như còn trên bìa sách. Ánh mắt lấp lánh hy vọng anh có thể theo học Văn khoa tiếp tục phảng phất trên trang giấy óng vàng. Thời gian làm những *Tạp chí Văn* ấy đã trở thành “di sản” của văn chương Miền Nam. Chính tôi cũng không ngờ tới, và có lẽ anh cũng không ngờ đến. Tôi đã giữ, đã đọc, đã “nhắc mình lên” khỏi cuộc chiến như anh dặn. Bằng văn chương.

Cách đây mấy năm, khi đọc trên online *Tạp chí Văn* ở Hoa Kỳ của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, thấy trên danh mục thiếu những tập năm 1969, tôi nhớ ngày xưa người lính đã cho tôi mấy cuốn nên lôi ra, sách đã ố màu và mỗi ăn lỗ chỗ. Tôi khẽ khàng lật từng trang sách vì giấy đã mục nát. Tôi cảm giác kỳ lạ là chính anh cũng đang cùng tôi lật khẽ khàng từng trang sách cũ. Lật từng chữ cũ, với sự hoài niệm của một thời đã mất.

Tôi lật từng trang.

Văn số 140, ra ngày 15 tháng 10 năm 1969, gồm 128 trang. Số đặc biệt về Yasunari Kawabata là một nhà văn nổi tiếng của Nhật Bản được giải Nobel văn chương năm 1968. Hình bìa là bức ảnh nhà văn mặc áo kimono đen với gương mặt thiền tông, do Văn Thanh trình bày. Bài nhận định Yasunari Kawabata cuộc đời và sự nghiệp của Vũ Thư Thanh viết từ Tokyo, tháng 7 năm 1969. Yasunari Kawabata dưới nhãn quang Tây phương của Chu sỹ Hạnh viết từ Melbourne, tháng 3 năm 69. Tiếp theo giới thiệu 5 tiểu thuyết tiêu biểu của Kawabata: *Cô đào miền Izu*, *Tiếng núi rền*, *Ngàn cánh hạc* do Vũ Thư Thanh dịch từ nguyên tác, riêng truyện *Thủy Nguyệt* do Chu Sỹ Hạnh dịch từ bản tiếng Anh, *Nốt ruồi* do Mai-Dzam dịch. Văn khi ấy, như thế đã cập nhật văn học thế giới rất nhanh vào miền Nam. Miền Nam, cánh cửa văn chương mở ra thế giới của toàn Việt Nam. Tháng 4/1975 đã đóng lại phủ phàng.

Bên cạnh đó, *Văn số 140 năm 1969* đăng tiếp truyện dài nhiều kỳ Khu rừng hực lửa của Nguyễn Xuân Hoàng. Mục Tin văn... do Thư Trung và các bạn đảm trách: đưa tin Mừng Mán cây bút trẻ của Văn vừa ra chiến trường; Lê Bá Lăng thì được biệt phái trở về nghề gõ đầu trẻ; giới thiệu tập sách mới nhất của Nguyễn Mạnh Côn “Hòa bình...nghĩ gì?làm gì?”, tựa mà về sau Phan Nhật Nam lấy lại trong một chương của bi ký *Tù binh và Hòa bình*; rồi Hội Bút Việt cử phái đoàn tham dự hội nghị Văn Bút Quốc tế, ở Pháp. Tin ngoài nước: giới thiệu giải thưởng văn hóa ở Đại Hàn, Genève vừa tổ chức cuộc gặp gỡ quốc tế lần thứ XXII giữa các nhà văn hóa, để thảo luận về đề tài “Tự do và trật tự xã hội”.

Tiếp theo mục Thư tòa soạn loan báo trước chủ đề của những số báo sắp tới, cuối cùng Hộp thư bạn đọc Tòa soạn Văn giới thiệu những tác phẩm mới do các tác giả và nhà xuất bản gửi tặng.

Bờ sông lá mục của Phan Lạc Tiếp, là một tập bút ký chiến tranh, trình bày cuộc nội chiến Nam Bắc hiện tại qua cái nhìn của một người đi biển.

Nhật ký quân trường của Trần Châu Hồ, viết trong những ngày ở lại quân trường không đi nghỉ phép của nhà giáo Trần Châu Hồ khi thực tập quân sự tại TTHL Quang Trung.

Vực xoáy của Bàn Bá Lân, tập truyện dị thường gồm 10 đoản thiên, dịch từ nhiều tác giả Âu Mỹ nổi danh.

Những giọt đắng của Võ Hồng gồm 7 đoản thiên, Bia của Đinh Cường.

Mặt trận miền tây vẫn yên tĩnh của Erich Maria Remarque, Phạm Trọng Khôi dịch từ bản tiếng Pháp *Rien de nouveau à l'Ouest*, viết về tâm trạng phản chiến của binh sĩ Đức trong Thế chiến Thứ Nhất, đã được chuyển thành phim và dịch sang nhiều thứ tiếng. Bia do Đinh Cường vẽ.

Văn chương tranh đấu miền Nam của Nguyễn Văn Sâm, khảo sát 24 tác giả quan trọng của văn chương nam bộ thời kỳ 1945-1950, là một công trình nghiêm túc và đáng tán thưởng.

Thơ Lữ Quỳnh, thi phẩm đầu tay gồm khoảng 30 bài. In Thạch bản, trình bày trang nhã, phổ biến hạn chế trong vòng thân hữu.

Viết cho những người còn lại của Lê Trúc Khanh, Hà Huy Khanh và Lệ Thy. Thi phẩm đầu tay của ba tác giả tại Cần Thơ.

Quyển *Tạp chí Văn* hơn 30 năm trời đã lưu giữ tâm hồn bao con người, như một thước phim quay chậm, từng con chữ, từng con chữ hiện lên những cuộc đời. Số phận những nhà văn Miền Nam này đã ra sao sau biến cố tháng 4/1975, họ còn sống hay đã chết..., với tôi *tạp chí Văn* như một nắm mồ bí ẩn.

Nhưng chính những trang sách ẩn chứa bao điều bí ẩn đã giúp tôi thoát khỏi nỗi buồn trong những năm dài cay nghiệt của cuộc đời. Văn chương tự do giúp tôi “nhắc mình” lên khỏi thực tế u buồn của xã hội thực tại. Tôi nhắc tôi lên bằng văn chương quá vãng của miền Nam, nhắc tôi lên khỏi cuộc đời thăng trầm trăm nỗi lo toan. Mà vây quanh là khẩu hiệu. Khẩu hiệu trên tranh cổ động không giúp nhắc mình mà nhấn mình xuống vì phải làm theo chỉ thị, theo khẩu hiệu, mà mình không muốn, vẫn phải làm. Làm tối mặt. Tối mắt. Để về nhà buồn bã là đã không sống thật với mình. *Tạp chí Văn* khi ấy tôi lưu giữ trong nhà rất lạ, không giống những tập san văn nghệ bày bán trên sạp báo bên ngoài, cũng không giống báo văn nghệ hội nhà văn, là một cái gì khác.

Văn chương tự do cho mình cuộc đời khác, sống cùng nhân vật, đem mình bay đến những miền đất lạ và tuy trong khoảnh khắc, nhưng cuộc đời bỗng hạnh phúc biết bao.

Bây giờ tôi đã hiểu vì sao ngày trước, người lính miền Nam ra chiến trường vẫn mang theo trong hành trang *Tạp chí Văn* cất trong ba lô của mình, như lời anh nói, giúp anh “nhắc mình ra khỏi chiến tranh”. Ra khỏi sắt thép, lửa và tham vọng. Trong văn miền Nam không có thép, nên anh tìm bình an trong *Tạp chí Văn* Sài Gòn ngày ấy.

Tôi cũng vậy, tôi cũng muốn tìm bình an trong văn chương.

Quy Nhơn, 20/01/2011

Những người bạn của một thời, giá trị của các tin đồn Thế Uyên

Tôi xin kể một chuyện có thật để chứng tỏ giá trị rất là tương đối của các tin đồn. Tin đồn tuy thiếu xác thực thật, cần kiểm chứng lại, nhưng tác động của nó đôi khi lại mạnh mẽ, cụ thể. Thí dụ như tình bạn giữa Trần Phong Giao, thư ký tòa soạn tạp chí VĂN ở Sài Gòn và tôi. Dù có resume khác hẳn nhau, hai đứa vẫn trở thành bạn văn và ăn nhậu lai rai trong nhiều năm, và tưởng rằng thứ “đổi đời” do Cộng sản miền Bắc mang lại, cũng không cắt đứt được. Trong thời kỳ 10 năm cán bộ bắt dân miền Nam ăn độn và ăn đói như miền Bắc, thủ tướng Phạm văn Đồng gọi là “san bằng cách biệt giữa hai miền”, có những khi Trần Phong Giao buồn củi, phân phối cho vợ tôi bán lẻ lấy lời nuôi con, và khi tôi được tha khỏi trại cải tạo tập trung (các diện khá nhẹ hơn như hạ sĩ quan VNCH chỉ phải học tập “tại chỗ” ba ngày thôi, ngay nơi mình ở), Trần Phong Giao đến thăm, và câu thứ hai là hỏi tôi còn giữ được nhiều lưỡi dao cạo cũ không, để theo anh ra chợ làm nghề chẻ rau muống thuê cho các bà hàng quà, kiếm cũng được gạo ăn... Cứ cà rịch cà tang như thế, bữa đói bữa no bữa bobo khoai sắn trong chín năm, vợ tôi được phép mang các con sang Mỹ đoàn tụ với gia đình... của nàng ở Seattle, tôi được đi theo vì thuộc diện bảo lãnh “ăn theo” vợ (thân nhân phía tôi ở miền Đông không ai chịu ký bảo lãnh, đúng như lời phán của mấy ông thầy tử vi: tôi mạng không vô chính diệu (thế là làm sao không ai cắt nghĩa) cung thê tử rất tốt, bạn bè cũng thế, cung anh em thì đầy đổ kỵ, bố chết sớm và nghèo, mẹ thì con yêu con ghét..) .

Không lâu cho lắm, nghĩa là dòng nước có màu ghê rợn của con lạch chưa chảy nhiều cho lắm dưới gầm cầu gần nhà Trần Phong Giao, tôi đã trở về VN trong một phái đoàn văn hóa giáo dục. Tôi đã được biết hai điều: một là căn nhà gỗ năm xưa của Trần Phong Giao đã bị cháy, nhưng đã được Hội Nhà Văn thành phố, hay Thành Ủy tôi không rõ, giúp đỡ xây lại bằng gạch kang trang hơn xưa, hai là ai chứ tên nhà văn Thế Uyên đừng có bước chân đến nhà Trần Phong Giao... Tôi hỏi một bạn văn Sài Gòn lý do thì anh chỉ nói ngồi bất cứ đâu, nhắc tới Thế Uyên, là Trần Phong Giao chê nhiều, đến nỗi anh khuyên tôi đi đâu thì đi, đừng tới thăm bạn cũ này. Tính tôi vốn tò mò, một phần ưa truyện lạ (chính vì thế sau 30 tháng 4 tôi đã ở lại xem chế độ cộng sản đích thực tròn méo ra sao, khi biết nó méo thì như một lời thơ xưa “Đến khi tôi hiểu thì tôi đã...”) nên một buổi sáng mượn một scooter tôi tới hẻm quen thuộc gần cây cầu đường Trưng vương. Quả thực nhà mới của Trần Phong Giao là nhà gạch kang trang hơn nhà gỗ cũ. Nghe đưa con hồ bố có khách, Trần Phong Giao tà tà áo ba lỗ quần xà lỏn hai lỗ đi ra (áo ba lỗ là theo lối gọi Bắc kỳ 75, quần xà lỏn hai lỗ là do tôi (Bắc kỳ 54) bắt chước cho “văn minh tiến bộ”) . Nhìn thấy tôi anh toan quay vô không tiếp thì một người khách bước vào. Trần Phong Giao bắt tay người đó, mời ngồi xuống bàn và bắt đầu nói chuyện. Coi như không có tôi ngồi lù lù trước mặt. Ông khách có vẻ ngượng, giơ tay mời chủ nhân nói chuyện với tôi trước, tôi cười từ chối, nói: “Mời hai anh cứ tự nhiên, tôi hút xong điếu thuốc này, là về nơi rất xa đây”. Tình huống có vẻ hơi khôi hài vì rõ ràng ba người mà cứ giả vờ có hai. Tôi dụi điếu thuốc vào gạt tàn, đứng dậy để danh thiếp địa chỉ tôi ở Mỹ xuống bàn, Trần Phong Giao lấy tay đẩy ra, không nhận, nói: “Tôi không có kính, chả đọc được!” Tôi cười bắt tay từ giã ông bạn không quen kia, Trần Phong Giao quay mặt đi, im lặng nhìn bức tường trước mặt. Tôi cũng im lặng đẩy xe ra khỏi hẻm, ra về, chấm dứt một tình bạn cổ cựa.

Về Mỹ một thời gian tôi nghe tin Trần Phong Giao đã chết ở nhà con gái, trước khi tôi hỏi được bạn bè nội địa lý do tại sao ông bạn này bỗng dưng ghét tôi như vậy. Chắc lại nghe các tin đồn Thế Uyên là CIA, CIB, là thân cộng, thân Tàu, thân vân vân... Có một tạp chí miền Đông hỏi

một người thân của tôi mới sang Mỹ, là có phải Thế Uyên thân cộng không, ông này là một HO, đã trả lời: Thân cộng cái gì... Nó chính là Cộng sản...! Làm tôi sau này khi phải “làm việc” với Công an nội địa, đã hỏi đùa: Các anh coi dùm sổ hộ tịch của Đảng, xem có tên tôi không mà nhiều hội đoàn hải ngoại cứ chụp nón cối cho tôi hoài hoài...

Tin đồn thường là thế, nên tôi chỉ nghe bằng một tai và khi có dịp là hỏi lại chính đương sự. Dù rằng đôi khi gặp “tai nạn” như trường hợp Trần Phong Giao vừa kể trên. Và đó không phải hiếm có trong cuộc đời dài và phức tạp của tôi. Gần đây là trường hợp Võ Phiến, một trong những bậc huynh trưởng của tôi. Tôi nghe đồn trong bộ văn học miền Nam 54-75, anh có chê tôi làm tan vỡ gia đình người khác, làm tôi thắc mắc vì từ khi lớn lên tôi vẫn nghe theo lời khuyên cổ xưa: Trai tân gái góa thì chơi, Đừng nơi có vợ đừng nơi có chồng, sau hiện đại hóa bằng lời khuyên của Papillon, tù chung thân khổ sai đã vượt ngục đi qua nhiều nước: Trong cõi giang hồ, muốn yên ổn, đừng có tán vợ bạn hay em gái bạn... Vậy làm gì có mục tôi làm tan vỡ gia đình người khác, dù bạn bè có vợ xinh đẹp cũng nhiều. Vậy lại tin đồn thôi.

tháng 6, 09 - seattle, usa

Một địa chỉ thân thiết: 38 Phạm Ngũ Lão Sài Gòn Mang Viên Long



Tôi có dịp đến địa chỉ 38, Phạm Ngũ Lão Saigon vào khoảng đầu năm 1970 khi truyện ngắn đầu tiên của tôi đã được chọn đăng trên Tạp chí Văn-truyện “*Dáng Mộng*”. Người tiếp tôi là anh Trần Phong Giao-thư ký tòa soạn, một con người kiệm lời, và rất sành sỏi trong chuyện quản lý một tờ báo. Trước, tôi có đọc anh qua vài tác phẩm truyện dịch của nhà xuất bản Giao Điểm do anh chủ trương, và qua các bài tiểu luận phê bình rất bản lĩnh của anh trên vài tờ báo văn nghệ - nên rất quý trọng anh. Anh hỏi thăm tôi về việc dạy học ở Tuy Hòa, về anh em văn nghệ ngoài Trung, và động viên tôi thường xuyên gửi bài cho Văn. Anh rất thẳng thắn và chân tình. Lần đầu gặp anh cho tôi cảm nhận-người thư ký của một tòa soạn báo văn học đã có ảnh hưởng quan trọng thế nào đối với người cộng tác. Có thể nói, anh Trần Phong Giao là người đã góp nhiều công sức để Tạp chí Văn vững mạnh-là tờ báo văn nghệ đúng nghĩa, và giá trị lúc bấy giờ.

Trước khi đến với Văn, tôi đã cộng tác với Tạp chí Văn Đẻ (do giáo sư-nhà văn Vũ Khắc Khoan và nhà văn Mai Thảo chủ trương)-khi tòa soạn được đặt tại đường Lê Thánh Tôn (cùng với tòa soạn nhật báo Trắng Đen)-nên việc gửi bài cho Văn không được thường xuyên như ở Văn Đẻ. Tôi nhớ- lúc được tin nhà văn Y Uyên bị chết ở Nora-chính tòa soạn Văn đã gửi một điện tín cho tôi nhờ xác định rõ chi tiết, vì tin rằng anh em ở Tuy Hòa luôn liên lạc và gắn bó với Y Uyên vì tình đồng nghiệp, bạn văn qua bao năm nhà văn đã sống thân thiết ở đây.

Sau ngày Y Uyên mất không lâu-Tạp chí Văn đã thông báo sẽ xuất bản số Văn đặc biệt “*Thương Nhớ Y Uyên*” – mời tất cả cộng tác. Tôi nhận được bức thư ngắn của tòa soạn Văn-do

anh Trần Phong Giao gửi, đề nghị góp bài, và nhắc nhở giúp cùng quý thân hữu ở Tuy Hòa mà anh không tiện liên lạc, để số báo được phong phú, giá trị. Tôi viết và gửi ngay cho anh bài “*Y Uyên, Trong Tình Thân Và Niềm Tin Cũ*”. Đang có sự xúc cảm bất ngờ, và lòng yêu quý Y Uyên bấy lâu-tôi viết tiếp “*Một Câu Chuyện Tình*” (ghi lại cuộc tình đẹp-dang dở của Y Uyên với một cô giáo đang dạy học ở đây) vào ngày 10 tháng 3 năm 69 với sự đồng ý và giúp đỡ của chị TTN-người yêu của Y Uyên.

Số báo *Văn* xuất bản -“*Số đặc biệt Thương Nhớ Y UYÊN*”, được rất đông anh chị cầm bút thuờng viết bài, ghi nhận, chia sẻ cùng nhà văn tài hoa mệnh bạc Y Uyên đã sớm từ già bằng hữu và ước mơ khi vừa 26 tuổi! Tôi nhắc nhớ đến Y Uyên-cũng là nhắc nhớ đến tấm chân tình rất đáng trân quý của người chủ trương báo *Văn* là Ông Nguyễn Đình Vượng (Ông Nguyễn Đình Vượng-còn là người chủ trương nhà XB Nguyễn Đình Vượng, và nguyệt san *Tân Văn*). Và tập thể tòa soạn báo *Văn* đã luôn dành cho những cây bút cộng tác với báo sự quý mến, chia sẻ kịp thời. Cái tình của *Văn* đối với tất cả anh chị em cộng tác là rất đáng trân trọng.

Khoảng tháng 3 năm 1971-tòa soạn *Văn* thông báo sẽ làm số đặc biệt về “*Những Cây Bút Trẻ Đương Thời*”-trong đó có tôi. Anh Trần Phong Giao lại liên lạc thông báo với tác giả-và cho tôi biết thêm “*Nhà văn Mai Thảo sẽ viết giới thiệu truyện của Long đấy, ông ấy bảo đã đọc của Long nhiều khi chọn đăng trên Văn ĐỀ (...)*”. (Mỗi cây bút trẻ được giới thiệu trong tập được một nhà văn “đàn anh” viết lời nhận xét và giới thiệu. Sau 75 tôi không còn số báo kỷ niệm ấy nữa-nhưng còn nhớ các tác giả trẻ được chọn giới thiệu trong tuyển tập là: Trần Hoài Thư, Ngụy Ngữ, Kinh Dương Vương, Mang Viên Long, Hoàng Ngọc Hiến, Mưòng Mán, Hồ Minh Dũng...)

Cuối tháng 10 năm 1971-có dịp vào Saigon, tôi ghé lại 38, Phạm Ngũ Lão thăm *Văn*. Hôm ấy gặp cụ Nguyễn Đình Vượng đang ngồi chuyện trò với Trần Phong Giao ở bàn thư ký tòa soạn. Anh Trần Phong Giao giới thiệu tôi với Ông Nguyễn Đình Vượng . Ông bình thân đưa tay bắt-như với người bạn nhỏ rất thân tình.(lúc ấy tôi vừa 26 tuổi). Ông giản dị trong bộ áo quần pyjama rộng màu xanh nhạt-người cao gầy-mái tóc đã điểm bạc-nhưng giọng nói khỏe khoắn, cởi mở, của một người dày dặn kinh nghiệm- yêu chuộng văn học như ước mơ lớn nhất của đời mình. Đã từ lâu-tôi nghe tiếng ông về những đầu tư bất vụ lợi cho văn học bằng các cơ sở ấn loát sách báo, và sự giúp đỡ cho văn thi sĩ có hoàn cảnh khó khăn với lòng đam mê trong sáng.

Dịp này-anh Trần Phong Giao đề nghị : “Tập truyện sau cùng của Y Uyên có tên “*Có Loài Chim Lạ*” do nguyệt san *Tân Văn* ấn hành sắp xong, nhân kỷ niệm ngày giỗ sắp đến của Uy-trong tập ấy, chúng tôi có sử dụng truyện “*Một Câu Chuyện Tình*” của Long, vậy tòa soạn sẽ chuyển khoản tiền nhuận bút và lợi nhuận có được cho gia đình Uy-Long nghĩ sao? “. Tôi vui mừng: “Các anh làm vậy thì quá quý rồi, còn nghĩ gì nữa? “. Anh Trần Phong Giao đã thay mặt tòa soạn *Văn* (và *Tân Văn*) viết trang đầu sách như sau: “*Nhân giás ngày giỗ Y Uyên, chúng tôi cho ấn hành tập truyện cuối cùng của anh, gọi là thấp nén tâm hương tưởng niệm người đã khuất (...)* “. Tôi lại nhắc đến kỷ niệm nhỏ này-để muốn nói lên sự biết ơn của người cầm bút đối với *Văn* khi tình trạng cô độc và hầu như bị bỏ rơi của giới cầm quyền thời ấy với anh chị em văn nghệ sĩ....

Những ngày đang chuẩn bị rời trường học, chia tay học trò, tạm xa Tuy Hòa để thi hành lệnh tổng động viên-tôi nhận được thư của Tòa soạn *Văn*, do anh Trần Phong Giao viết: “Sắp đến *Tân Văn* sẽ chọn của Long các truyện ngắn đã đăng trên *Văn* và *Văn ĐỀ*, để xuất bản tập truyện-tựa đề cho tập truyện tôi đã chọn-“*Có Những Mùa Trăng*”-Long thấy có được không? Có ý kiến gì bổ túc thì thư cho biết sớm nhé? (..) “. Nhận được thư của *Văn*, tôi rất vui vì sự ưu ái quan tâm của tòa soạn đã dành cho những người viết trẻ, ở miền quê xa như tôi. Sự quan tâm,

tự nhiên đề nghị xuất bản sách của một tác giả trẻ, quả thật xưa nay cũng rất hiếm. Điều này cho tôi nghĩ rằng, Tạp chí Văn đã bỏ ra nhiều công sức để khám phá, phát hiện cho văn học nhiều cây bút tiếp nối-mà cho mãi đến hôm nay, đã chứng tỏ được khả năng thật sự của chính mình và đang tham gia tích cực cho sinh hoạt VHNT ở trong và ngoài nước ...

Tập truyện in xong, phát hành rộng rãi-một buổi sáng chủ nhật được đi phép ra thành phố Nha Trang, tôi ghé hiệu sách mua báo như lệ thường-bắt gặp “Cố Những Mùa Trắng” được bày bán ở đó. Tôi mua 1 cuốn-và về viết thư thông báo “ địa chỉ mới KBC...” của tôi cho tòa soạn Văn. Một tuần sau, sách đã gửi bảo đảm đến cho tôi ngay. Sau đó, tôi nhận được 3 tờ bưu phiếu tiền nhuận bút, mỗi tờ 10 ngàn đồng (tính theo giá vàng thì cũng ...xấp xỉ 3 lượng). Tôi gửi biếu cho gia đình người anh đồng con 1 tờ-còn lại mua sắm máy đánh chữ mới Brother de Lux để làm việc (máy cũ Olimpia đã trục trặc nhiều rồi)-và có dịp thù tạc lai rai với anh em thoải mái...Có thể nói-trong cuộc đời cầm bút của tôi, số tiền nhuận bút của báo Văn là ...đáng nhớ hơn hết!

Khi mãn thời gian tập tành bò lết ở quân trường Đồng Đế-tôi được trả lại Bộ Giáo Dục để trở về nhiệm sở cũ (Trường Trung học Tổng hợp Nguyễn Huệ, Tuy Hòa-Phú Yên)-tiếp tục việc “cầm phấn chuyên nghiệp” của mình ngay từ đầu. Mùa hè năm ấy, khi đã hoàn tất chuyện làm thư ký cho hội đồng thi Tú Tài Toàn phần ở Nha Trang-tôi có dịp vào Saigon- và ghé 38, Phạm Ngũ Lão. Tôi đến vào buổi chiều-gần hết giờ làm việc. Anh Trần Phong Giao đang tiếp một người bạn trẻ là một nhà thơ (đến nay thì tôi không còn nhớ tên)-anh vui vẻ hỏi tôi: “Chiều nay cậu đi “chơi hoang” một bữa với bọn tớ không? “. Tôi không hiểu rõ ý anh-nhưng nói rất vui được “tháp tùng” cùng anh một bữa cho biết mùi Saigon. Chiếc xe Jeep của người bạn chở chúng tôi qua cầu chữ Y thì phố vừa lên đèn. Xe dừng lại một chiếc quán như một ngôi biệt thự-có trồng nhiều cây cảnh và nhiều đèn màu. Chúng tôi uống bia và nhâm nhi món thịt nai chính hiệu. Bà cô chiêu đãi viên phục vụ cho bàn chúng tôi đều trẻ, đẹp-rất modern! Anh Trần Phong Giao cho biết, cô đang ngồi rót bia cho tôi vừa mới từ Campuchia sang đó. Tôi không mấy để ý, nhưng nhìn thấy nước da ngăm ngăm đen của cô-tin là vậy. Thật ra, buổi “đi chơi hoang” của chúng tôi lúc ấy- giống như vào quán bia ôm bây giờ thôi! Để có chút thư giãn, cười cợt, và chuyện trò thoải mái hơn bất kỳ nơi đâu.

Tôi không có nhiều kỷ niệm với Văn như những anh em đi trước tôi-nhưng những điều rời rạc vừa nhắc kể-cho tôi một sự nhớ tưởng rất êm đềm, rất an ủi-trong lúc đang sống thật cô độc và buồn bã! Thời tuổi trẻ lang bạt tràn đầy mộng đẹp của chúng tôi đã đi qua-nhưng Tạp chí Văn vẫn còn đó như những ghi dấu rạch rỡ cho chặng đường văn học một thời trước năm 1975.../.

Quê nhà, tháng 10/2010

Mộ hoài độc ảm

Trần Phong Giao, Mộ hoài độc ảm, bài thơ anh ghi tặng Trần Dzạ Lữ, do Trần Dzạ Lữ cung cấp*

Ly này ta rót mời ta
Chưa uống đã thấy xót xa phận mình
Mới ngày nao tóc còn xanh
Mà nay đã bạc, đã giềnh, đã thưa .

Rót thêm ly nữa mời ai



Chia tay mời bạn cõi ngoài vân du
Cỏ xanh đất mát ngàn thu
Trong hơi gió thoảng ai ru hồn người
Chiều cuối năm lá vàng rơi
Ly này ta rót mời người áo xanh
Lòng mưa ngâu, nắng hong hanh
Vàng rêu mái lá, buồn tênh mây trời .

Ly này, em của ta ơi !
Gươm quăng hổ thẳm, ta mời ta sao ?
Ngựa hồng tung vó trời cao
Áo sòng xưa đã giữ vào hư không ...

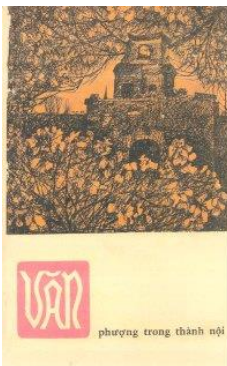
Lưng trời giọt đại hồng chung
Quyện theo tiếng mõ mịt mùng quạnh hiu
Vô ngôn chiều ngẩn ngơ chiều
Vật vờ trôi giạt con diều đứt dây

Ly này uống nữa thì say
Trốn tà huân cánh én bay về nhà
Một mình ta uống cùng ta
Mộ hoài độc ảm xót xa phận mình

Mới ngày nao tóc còn xanh.

Bán Nguyệt san Văn dưới mắt mười một tác giả Nhiều tác giả

(Nguồn: Tạp chí Văn số 193 ngày 1-1-1972 kỷ niệm Đệ bát chu niên)



Tuyển Tập *Phượng Trong Thành Nội*
Số 132 ngày 15.6.1969
Thư Ấn Quán in lại

Cùng với phần tham khảo ý kiến bạn đọc, chúng tôi đã gửi hai câu hỏi dưới đây tới phỏng vấn mười một nhà văn nhà thơ đã hoặc đang hợp tác với *Văn* trong tám năm qua. Thấy *Văn* và muốn *Văn* như thế nào, đó là phần trả lời nằm trong những bài nhận định và đề nghị ngắn mà chúng tôi đã nhận được.

- Ông (bà) thấy tạp chí Văn như thế nào, từ số đầu đến giờ?
- Chiều hướng nào trong tương lai mà ông (bà) thấy Văn nên theo đuổi để xứng đáng là một diễn đàn văn học nghệ thuật đúng với danh nghĩa của nó?

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Tương lai ư? Nhắm thẳng con đường trước mắt

1. Vũ Hoàng Chương đã hợp tác với tạp chí Văn ngay từ số đầu, tất nhiên phải có nhiều cảm tình với chủ nhiệm và ban biên tập lắm chứ. Còn phải "nghĩ" gì nữa! Trải qua 8 năm trời, biết bao cố gắng, và tương đối đã thành công. Đủ tỏ rằng chiều hướng lựa chọn không thể sai lầm được.

2. Còn tương lai ư? Tất nhiên phải nhắm thẳng con đường trước mắt, và tùy thời sửa lại chiều hướng đôi chút. Ngoài cả triệu ngàn dặm, các chuyên viên từ Trái Đất còn sửa được chiều hướng của phi-thuyền-đang-bay cho mười phần thích nghi nữa là! Chủ nhiệm đồng ý chăng?

BÌNH NGUYỄN LỘC

In đẹp. Ít lỗi nhất nước Việt Nam Cộng Hòa

Tạp chí Văn là tờ tạp chí in đẹp nhất và ít lỗi nhất nước VNCH. Và đó là một tờ tạp chí rất cần. *Sử* có tạp chí, *chánh trị* có tạp chí, *xi-nê-ma* có tạp chí thì Văn cũng phải có tạp chí.

Tạp chí Văn chỉ đăng văn chương mà ít văn học. Văn học quá buồn ngủ nên tờ *Tân Văn* mới khó sống. Những tưởng nên để dành mỗi kỳ lỗi 5 trang cho văn học, không thiết thòi cho đa số bạn đọc, nhưng rất cần cho thiểu số, tức là thu tờ *Tân Văn* lại thành 5 trang, cho nhập vào tờ Văn. Những bài giới thiệu các nhà văn thế giới là văn học đấy, nhưng chỉ có tánh cách phổ thông. Tạp chí phải đăng cái gì dữ dội hơn là phổ thông nữa, chẳng hạn các dân tộc gốc Mã Lai như Nhựt, Thái, Nam Dương, Việt, sáng tạo các thể thơ nào, và thơ ấy có mang tánh cách Mã Lai hay không, mặc dầu đó là thơ Nhựt, thơ Việt, thơ Thái Lan. Hễ đồng chủng thì phải có cái gì giống nhau, mà cái ấy là cái gì? Bao nhiêu dân tộc ấy có đồng tâm hồn với nhau hay không vì họ đều là Mã Lai. Và nếu có thì tâm hồn ấy có thể hiện trong văn thơ của họ hay không. Tưởng nên có một bài so sánh các thể thơ ta với các thể thơ Nhựt, dân ca ta với dân ca Anh-Đô-Nê-Xia.

NGUYỄN SỸ TẾ

Ước mong tờ báo có thêm tranh đấu tính

1. Sau các tờ *Sáng Tạo*, *Văn Nghệ*, cơ quan văn học và nghệ thuật nửa tháng Văn đã đánh dấu sự hiện diện của nó trong văn học miền Nam. Trong cái thời của những biến động vô thường và đổi thay chớp loáng này, tám năm góp mặt của tờ báo đã phải kể là một kỷ lục. Những bước đi ít ồn ào nhưng dấu chân thì vững chãi. Những sáng tác phẩm, dịch phẩm, biên khảo, luận thuyết có lợi ích và những giá trị văn học mới, tôi muốn nói những ngòi bút mới. Một thị hiếu hiền lành nhưng chững chạc. Những người viết trong Văn ít nhất có một điểm gặp gỡ tốt đẹp là yêu văn và coi trọng sự viết.

2. Tám năm qua bảo đảm cho những ngày tới của Văn. Ước mong tờ báo có thêm tranh đấu tính, và thời sự tính nhiều hơn nữa. Muốn thế có lẽ phải thay đổi chút ít thể tài của tờ báo là ra hàng tuần và theo khổ lớn. Những cây viết trẻ cần làm công tác tiên phong cho tờ báo. Một cuộc gặp gỡ chung có lẽ tốt hơn cho việc tìm đường hướng. Riêng tôi, đề nghị khai thông tờ

báo qua đủ mọi miền đất đai văn học không phân chia địa lý hay chính trị. Phá bức màn sắt không mặc cảm và thiên vị cho những chân trời mới, nghệ thuật mới và nhân loại mới.

TRÙNG DƯƠNG

Nên mở rộng nội dung ra các ngành nghệ thuật khác

1. Một tờ tạp chí, nhất là đó lại là một tạp chí văn nghệ, sống được tới 8 năm, Ở VN, như thế được kể là một thành công - dĩ nhiên nội dung của Văn trong suốt tám năm qua cần phải xét lại (*tôi sẽ xin trình bày ở phần 2 khi đề cập tới "chiều hướng tương lai" của Văn*). Có thể nói là chưa có tờ báo nào ở đây tôi cộng tác lại làm tôi hài lòng về phần ấn loát như tờ Văn - trang nhã, sáng sủa, rất ít lỗi, đó là những đặc điểm của Văn. Về hình thức, kể như không có gì cần thay đổi hết. Tuy nhiên, nếu có thể làm cho Văn vui tươi lên được, dù vẫn không thiếu về nghiêm trang đứng đắn, thì vẫn hơn.

2. Trước khi nói đến "*chiều hướng tương lai*" mà Văn nên theo đuổi, thiết tưởng phải đề cập tới những thiếu sót về nội dung của Văn từ tám năm qua. Thành thực mà nói, những lúc về sau này, tôi ít đọc Văn, nếu không là chỉ đọc những mục phỏng vấn, giới thiệu nhân vật văn nghệ, tin tức sinh hoạt, điểm sách (*rất ít có trên Văn vì dường như người chủ trương cho là không cần thiết*) v.v... mà theo tôi nghĩ đây mới chính là những mục làm cho tờ báo bớt khô khan, thêm sinh khí, hấp dẫn người đọc. Một người chuyên viết truyện như tôi nói vậy, nghe không được, phải không? Nhưng tôi cũng còn là độc giả nữa mà. Đàng nhiều truyện ngắn quá (*như Văn đã làm từ trước tới giờ*) chẳng những làm người đọc chán, mà còn khiến cho những truyện đặc sắc bị chìm khuất đi.

Vì vậy, đề nghị của tôi là nên thêm những mục Văn thiếu ở trên. Ngoài ra, để xứng đáng là một "*cơ quan văn học nghệ thuật*" đúng với danh nghĩa của nó, nên mở rộng nội dung ra các ngành nghệ thuật khác như Hội Họa, Điêu Khắc, Âm Nhạc, Kiến Trúc, Sân Khấu, Điện Ảnh v.v... cộng với nhiều hình ảnh. Đồng ý những sinh hoạt này có thể hiện nay chưa có gì, nhưng sứ mạng của một tờ báo ngoài việc tường trình lại, còn có bổn phận khơi động thúc đẩy (*cách thức nào sẽ bàn sau nếu định thực hiện*). Tôi có tham lam ôm đồm quá không? Nhưng không phải chính quý vị đã có ước vọng biến tờ Văn thành một cơ quan văn học nghệ thuật đầy sao? Mà Văn nên và phải lãnh lấy cơ hội đó.

Để kết luận, tôi rất vui mừng khi nhận được bản phỏng vấn, bởi với tôi, lẽ ra vấn đề này phải được thực hiện từ lâu rồi mới phải. Dầu sao thì trễ cũng còn hơn không...

NGUYỄN THỊ HOÀNG

Văn thiếu những bài có tính cách suy nghĩ

1. Sau 8 năm hoạt động, với một cái nhìn khái quát, có thể nhận xét các ưu điểm sau đây của Văn:

Với tình trạng khó khăn về sinh hoạt văn học nghệ thuật ở miền Nam Việt Nam, Văn đã đứng vững liên tục trong một thời gian dài 8 năm là một điểm đáng kể.

Từ số đầu cho đến nay, mỗi ngày Văn một tiến bộ rõ về trình bày hình thức (*mỹ thuật, nhiều sáng kiến biến đổi thích hợp với nội dung và cái nhìn của mỗi thời*) và kỹ thuật ấn loát (*sáng, rõ, công phu, mới lạ...*)

Luôn luôn có sự hợp tác của những cây bút phong phú tên tuổi làm nội dung nòng cốt cho tờ báo, nhưng đồng thời cũng can đảm khám phá và tiếp đón những tài năng mới.

Hai điểm sau chứng tỏ người chủ trương không theo thị hiếu quần chúng và sinh hoạt tờ báo không vì mục đích thương mại.

2. Tuy nhiên, nếu nhìn về tương lai, Văn vẫn có vài khuyết điểm nhỏ cần được bổ túc để chiếm địa vị xứng đáng trong sinh hoạt văn học của Nam Việt Nam.

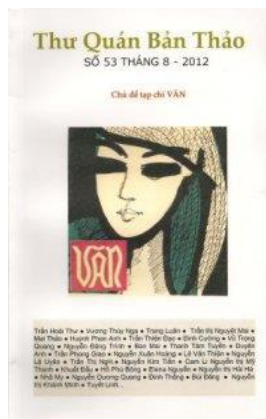
Văn thiếu những bài có tính cách suy nghĩ, (*chỉ về lãnh vực văn học, không nói đến xã hội hay chính trị*). Mỗi người viết cho Văn giữ tính cách riêng tư độc lập của mình và Văn vì thế thiếu hẳn không khí sôi động của một cuộc thảo luận, một nơi quy tụ cho những trào lưu, khuynh hướng tiêu biểu cho một thời đại, làm tài liệu cho mai sau.

Văn chỉ phổ biến những sáng tác của những người đã thành danh hay chưa tên tuổi, nhưng không giúp cho người muốn tìm hiểu văn học nhận định được tình hình văn hóa miền Nam vì thiếu những bài thảo luận, những tập hợp khuynh hướng văn học tiêu biểu.

Thiếu những bài đã thảo luận trong các hội nghị văn chương trong cũng như ngoài nước để với Văn, người ta có thể biết sinh hoạt của những nhà văn thế nào.

ĐOÀN QUỐC SỸ

Rất có công với nền văn học Việt Nam



TQBT Số 53 Tháng 8-2012

Chủ đề tạp chí VĂN

Bao giờ tôi cũng nghĩ là các anh thật rất có công với nền văn học Việt Nam với chủ trương mà các anh đã thực hiện ở bán nguyệt san Văn. Các anh đã đạt được sự dung hòa khéo léo ở chỗ:

- một mặt khám phá những tài năng mới.
- một mặt khác các anh lần lượt giới thiệu với độc giả những tác giả thời danh trên văn đàn thế giới.

Về đường lối của Văn như vậy xin cứ giữ vững, còn về kỹ thuật trình bày, càng cải tiến thêm được phần nào càng hay.

DUYÊN ANH

Cái làm tôi khó chịu nhất là ban tuyển đọc

Tôi đọc Văn từ tám năm nay. Nếu không được biểu, tôi sẽ mua vì rất đáng mua. Điều tôi nghĩ đầu tiên là Văn in đẹp, bán rẻ. Cho đến hôm nay, hơn một trăm trang báo (*đẹp hơn cả sách giáo khoa, nhất là sách giáo khoa tiểu học*) vẫn đề giá 50 đồng thì rẻ thật. Sự rẻ đó nói lên tinh thần phục vụ văn chương của ông chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng. Xin thành thật ca ngợi.

Văn đã có tuổi. Số tuổi đó cho phép nó tự hào. Vàng thau đã phân loại rõ rệt sau tám năm thử lửa. Nhưng nói thật, tôi thấy Văn gọi là "*cơ quan văn học nghệ thuật*" mà mới chỉ chú ý nặng về thơ, văn. Họa cũng được nhắc nhở đấy. Ít thôi. Còn nhạc và điện ảnh, nhiếp ảnh kể như bị bỏ quên. Hơn một năm cựa mình của nghệ thuật điện ảnh Việt Nam, Văn vẫn ngó lơ. Những sinh hoạt sân khấu như Hát Bội, Hát Chèo... Văn chẳng thèm đoái hoài dù chỉ là một mẩu tin văn vắn.

Cái mà tôi khó chịu nhất là "*Ban Tuyển Đọc Tác Phẩm*" của Văn. Dĩ nhiên, với tôi, đưa bài cho Văn là Văn phải đăng miễn bài của tôi không khiêu dâm, phản chiến, "*Ban Tuyển Đọc Tác Phẩm*" chẳng là cái gì cả đối với tôi. Khốn nỗi, đưa bài đăng ở Văn cứ bị cái BTĐTP nó ám ảnh. Làm như bị BTĐTP phê phán, cho điểm rồi mới đăng bài mình. Nên chê viết cho Văn. Tôi chắc nhiều bạn đọc cũng khó chịu cái BTĐTP. Giải tán nó đi là vừa! Cứ lải nhải một điệu "*Bài của bạn phải qua BTĐTP và BTĐTP rất vô tư...*" chán mớ đời. Thế nào là vô tư? Mà đã chắc gì BTĐTP không loại đi nhiều sáng tác giá trị. Văn, do đó, mất khối truyện ngắn hay. Tôi không thích lối xưng tụng hết lời của Văn đối với các tác giả ngoại quốc. Tưởng tượng các tạp chí văn học Nga, Mỹ, Nhật, Tây... chẳng thèm biết đến một "nhà" văn học nào của mình, trong khi mình làm cái công việc khen phò mã tốt áo, ngợi ca các tác giả giải Nobel văn chương thì hơi kỳ.

Văn cũng ngợi ca các tác giả Việt Nam đấy nhưng chỉ ngợi ca khi họ đã chết. Mặc cảm gì? Đố kỵ chăng? Sống không dám khen, chết "tưởng niệm" mang tiếng đấy. Đông Hồ chết rồi mới "tưởng niệm" hai ba số báo. Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc còn sống sao không suy tôn? Tôi mới thấy Văn dành riêng số báo viết về Vũ Hoàng Chương. Thế thôi à? Sao không viết về Tô Thùy Yên, Đỗ Quý Toàn, Viên Linh, Trần Tuấn Kiệt, Tạ Ký nhi? Những người viết mới xuất hiện đã khá đông, sao chưa giới thiệu họ? Ngụy Ngữ đó. Cung Tích Biền đó. Cứ "tưởng niệm" Y Uyên, làm như sau Y Uyên những người trẻ bỏ đi hết. Bây giờ không suy tôn Võ Hồng, đợi tới bao giờ. Bộ chết mới được "tưởng niệm" còn sống thì... khó suy tôn! Tôi trả lời Văn câu hỏi I mà cũng là trả lời câu hỏi II luôn.

TÚY HỒNG

Nên mở mục phỏng vấn thường xuyên các nhà văn nhà thơ

1. Theo tôi, Văn là một tờ báo lớn (*lớn vì nó chịu làm văn nghệ và không hạ mình làm tiền*). Những số báo Văn đầu tiên đối với độc giả là một ngạc nhiên hoan hỉ, những số Văn đó đăng nhiều truyện ngắn rất dễ thương. Đến bây giờ, Văn cũng là diễn đàn thân mật của những người viết mới. Tôi nhận thấy đó là một điểm rất tốt.

2. Theo tôi nhận xét, hình như mỗi số Văn là một chủ đề. Điều đó, hình như tờ báo có vẻ khó xoay trở. Theo tôi, bài nào hay ta cứ nên đăng đại. Tôi cũng nghĩ rằng Văn nên mở mục phỏng vấn thường xuyên các văn thi sĩ, mục phê bình tác phẩm, truyện dịch... Những mục đó tôi thấy thật dễ thương...

Ui! Tôi đang mệt, đang bận! Tôi trả lời không được nữa...!

MẠC ĐỖ

Tĩnh quá, nặng về mặt phản ánh

1. Đã sống tám năm và còn đang sống, đó là dấu hiệu của thành công trong tình trạng thường non yếu của báo chí văn học tại miền Nam. Một dấu hiệu thứ hai đáng khích lệ là sự kiện Văn đóng thành tập được nhiều người giữ và bây giờ còn những người muốn tìm mua những số cũ, những tập cũ. Sự kiện đó chứng tỏ "Văn" ở Việt Nam bây giờ thuộc vào loại báo chí mà người ngoại quốc gọi là loại báo "référence", đọc rồi còn cất đó, đôi khi dùng đến để tra cứu. Có lẽ muốn tìm những bước đầu của nhiều nhà văn nhà thơ người tìm kiếm để thấy trong những tập "Văn" vì "Văn" có đăng hầu hết những tác giả có mặt. Đó cũng là một dấu hiệu khích lệ nữa.

Tại sao "Văn" sống dai như vậy? Lý do thứ nhất phải là bán được. Bán được tức là đáp ứng đúng ý muốn của số đông độc giả và biết giữ độc giả bằng cái phẩm đều đặn trong nội dung. Lý do thứ hai phải chăng là quản trị khéo? Thiếu gì những tờ báo đã ra được ít lâu rồi chết chỉ vì dở trong việc quản trị. Căn cứ ở một điểm có ông thư ký tòa soạn to con và khỏe mạnh như thế mà lo cho tờ báo gần tám năm đã mệt mỏi phải xin nghỉ để dưỡng bệnh thì đủ biết quản trị tờ báo cũng đổ nhiều mồ hôi lắm cho tờ báo.

2. Trong tương lai nên thế nào? Tôi nghĩ đã thành công như vậy thì cứ thế mà tiến. Giữ cho đúng cái mức chiết trung đã quy tụ về tờ báo được nhiều độc giả trung thành. Giữ cho cái giá bán vừa với túi tiền của số đông, cầm tờ "Văn" độc giả không cần phải "lấy làm hãnh diện" như có báo từng quảng cáo, làm sao cho độc giả vui lòng, tờ báo mua về đáng với đồng tiền bỏ ra.

Đề nghị:

1. Cứ giữ khuôn khổ (vì đã là một thứ đóng tập để dành) nhưng cũng nên thường thay đổi trình bày (báo ngoại quốc đổi hoài không thôi, dù trong những chi tiết nhỏ) để độc giả cảm thấy tờ báo của mình có thay đổi; người bạn gái quý yêu đến đâu những lần nào gặp cũng thấy như thế dễ chán, đổi một tí để thấy đáng quý yêu hơn thì nên, báo giống như người.

2. Nên có một phần có thể coi như diễn đàn, để độc giả thấy gần với sinh hoạt văn học quốc gia và quốc tế qua những phát biểu trái ngược. Cho đến nay Văn có vẻ tĩnh quá, nặng về mặt phản ánh. Nhưng có phát biểu cũng cần định lượng để đừng phạm phải một trong những đặc tính cố hữu của tờ báo là chiết trung, không cao, không thấp không già, không trẻ, cứ vừa vừa mà thôi. Báo của tôi chưa chắc tôi đã làm thế, nhưng Văn đã có con đường của nó và là con đường đúng.

VỖ PHIẾN

Không một tạp chí nào sống lâu mà không sửa đổi, cải tiến

Sự có mặt trong tám năm liên tiếp của Văn, một cách đều đặn, chứng tỏ nó có đời sống, nó sống một đời sống thực, nó chống chọi nổi với thời gian.

Sự thành công rõ rệt không chối cãi được trong những số báo đầu tiên cho thấy khuynh hướng của Văn nặng về phần giới thiệu tư tưởng và trào lưu văn học Âu Tây, đặc biệt là nước Pháp.

Về sau, dần dần nó trở nên như một diễn đàn tập hợp nhiều quan điểm xu hướng văn học khác nhau. Khác nhau không có nghĩa như là một hỗn hợp nhằm dung hòa hai hay nhiều lập trường dị biệt mà sự tập hợp này được hiểu như là một quan điểm không quan điểm.

Nếu có thể chia các tạp chí văn học đứng đầu ra làm hai loại :

- một loại nhằm đề ra một đường hướng nghệ thuật, một cách thể biểu lộ quan niệm văn chương, bằng cách kết hợp những nhà văn, nhà thơ, người làm hội họa... trong một tinh thần

trách nhiệm chung, cùng chia sẻ một chí hướng, đưa ra một tuyên ngôn và biện minh bằng những sáng tác và lý luận chung.

- một loại nhằm giới thiệu những người làm công tác văn học nghệ thuật, mà không đòi hỏi những sáng tác và lập luận đó có nằm trong ý tưởng hay đường lối của mình hay không?

Loại thứ nhất ở Việt Nam có thể nói đến là tờ *Sáng Tạo*, và tạp chí *Văn* có thể nằm trong nhóm thứ hai này như những tạp chí Figaro Littéraire, hay Nouvelles Littéraires của Pháp. Chính trong loại thứ hai này, Văn thỏa mãn và thích ứng cho từng thời kỳ văn học nghệ thuật.

Nhưng những tạp chí văn học cho dù có ở loại thứ hai như các tờ F.L. hay N.L. thì ngày nay nó cũng đã cải tiến rõ rệt từ hình thức cho đến nội dung. Cầm tờ báo N.L. ngày nay thật là khác xa biết bao nhiêu với tờ N.L. trước đây 2 năm.

Có lẽ Văn nên bớt chú trọng về số lượng bài vở mà nên quan tâm nhiều hơn nữa về phẩm. Chọn một hai bài hay nhất trong một số báo, rồi có thể trình bày thật trang trọng bằng cách trình bày mới lạ, mới lạ từ khổ chữ (*chẳng hạn in chữ 12 thay vì chữ 8*), minh họa bằng những hình vẽ thật đẹp và đập mắt, tựa truyện không cần phải đặt theo công thức cũ, nghĩa là ở ngay trên đầu câu chuyện, mà có thể xếp ở dưới hay ngay trên đầu trang số lẻ, trong khi những dòng chữ đầu của truyện chạy ở mút đầu trang số chẵn.

- Bất cứ một biến cố văn nghệ nào đều nên có những bài nói chuyện và đi đến tận ngọn ngành và khai thác biến cố đó như một thời sự.

- Trong phần giới thiệu sách báo nên để cho một người phụ trách tóm lược mỗi cuốn sách và đưa ra một vài nhận xét vào khoảng mười hay mười lăm dòng.

- Trong mỗi tháng nên có một quyển sách rút ngắn giúp cho người đọc khỏi vất vả trong việc chọn sách, đồng thời giản dị hóa, dễ hiểu hóa những vấn đề khúc mắc có tính cách chuyên môn và đòi hỏi thời gian. Chẳng hạn nhờ một người nào khác, hay chính tác giả đã soạn thảo một cuốn sách dày từ 500 trang trở lên, rút gọn một cách sáng sủa quyển sách đó trong vòng 5 hoặc 10 trang thì càng tốt.

VIÊN LINH

Ưu điểm đầu tiên là tài liệu

1. Tôi có mặt trên tờ tạp chí này từ số 3, thế nhưng trong 8 năm rồi, có những khoảng thời gian cả năm - có một lần tới hai năm liền - tôi không đọc nó. Dường như sự ngắt quãng này cũng không xảy ra điều gì quan trọng. Tờ Văn trong quá khứ luôn luôn là một khu vườn muôn hoa, dễ thưởng lãm; nhưng không phải là vườn trái cây mà mỗi vụ mất mùa có thể làm người ta thấy thiếu.

Văn có nhiều ưu điểm. Ưu điểm đầu tiên là tài liệu, nhất là những tài liệu thư tịch.

2. Đề nghị với tư cách một độc giả, tôi muốn Văn trở nên một tờ bán nguyệt san đúng nghĩa: nửa tháng không đọc nó là phải thấy mình kém sinh hoạt. Một tờ báo nửa tháng có thể khai thác sinh hoạt nhiều hơn một tờ báo tuần, và dĩ nhiên, nhẹ hơn tờ báo tháng. Để không là những tuyển tập đều đặn.

Thư Quán Bản Thảo số 53 Tháng 8-2012